



VINAMILK



Giấc mơ **SỮA VIỆT**
vươn tầm **Thế giới**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
MÃ CỔ PHIẾU: VNM

Tên tiếng Anh : Vietnam Dairy Products Joint Stock Company
Tên viết tắt : Vinamilk
Vốn điều lệ : 14.514.534.290.000 đồng
Trụ sở chính : 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 54 155 555
Fax : (84-8) 54 161 226
Email : vinamilk@vinamilk.com.vn
Website : www.vinamilk.com.vn
: www.vuoncaovietnam.com
: www.youtube.com/user/Vinamilk

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế: 0300588569



NỘI DUNG

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI	6
THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
VINAMILK - CÂU CHUYỆN 40 NĂM	14
THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG	24
DANH MỤC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU	26

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	46
----------------------------------	----

Mô hình hoạt động	47
Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý	48
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	50
Giới thiệu Ban Kiểm soát	56
Giới thiệu Ban Thư ký Công ty	58
Giới thiệu Kiểm toán nội bộ	59
Giới thiệu Ban Điều hành	60

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	66
---------------------------------------	----

Báo cáo của Hội đồng Quản trị	68
» Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị	68
» Báo cáo hoạt động của các Tiểu ban Hội đồng Quản trị	73
» Báo cáo giám sát và đánh giá Tổng Giám đốc và Ban Điều hành	74
» Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2016 và nhiệm kỳ 2012 - 2016	78
» Các nội dung khác về Quản trị Công ty	81
» Định hướng tương lai của Hội đồng Quản trị	87
Báo cáo của Ban Điều hành	88
» Báo cáo kết quả hoạt động 2016	88
» Tình hình tài chính	98
» Hoạt động quan hệ nhà đầu tư	100
» Báo cáo quản lý rủi ro	104
» Định hướng tương lai của Ban Điều hành	108
Báo cáo của Ban Kiểm soát	116
» Hoạt động của Ban Kiểm soát	116
» Hoạt động của Kiểm toán Nội bộ	120

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	122
-----------------------------	-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH	132
-------------------	-----

Tóm tắt một số thông tin tài chính cơ bản 2012 - 2016	134
Báo cáo tài chính hợp nhất	136
Tóm tắt Báo cáo tài chính riêng	195
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (theo IFRS)	202

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	204
-----------------	-----

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Công ty	: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	CBTT	: Công bố thông tin
Vinamilk	: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	GCNĐKKD	: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
HOSE	: Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh	ESOP	: Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty.
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	IR	: Quan hệ nhà đầu tư
SCIC	: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	KTNB	: Kiểm toán nội bộ
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông	QLRR	: Quản lý rủi ro
HDQT	: Hội đồng Quản trị	TSCĐ	: Tài sản cố định
HĐTV	: Hội đồng Thành viên	ROE	: Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
BKS	: Ban Kiểm soát	ROA	: Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản
TGD	: Tổng Giám đốc	IFRS	: Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH
GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Trở thành biểu tượng mang tầm vóc thế giới trong lĩnh vực thực phẩm và thức uống, nơi mà tất cả mọi người đặt trọn niềm tin vào sản phẩm an toàn và dinh dưỡng.

SỨ MỆNH

Mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng giá trị nhất bằng tất cả sự trân trọng, tình yêu và có trách nhiệm với cuộc sống.



TRÁCH NHIỆM	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	SÁNG TẠO	PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI	KHÁCH HÀNG LÀM TRUNG TÂM
Chúng tôi luôn tận tâm với nhiệm vụ và hành động một cách có trách nhiệm cao nhất.	Chúng tôi hoạt động kinh doanh trên nền tảng chú trọng lợi ích dài hạn của khách hàng, cổ đông và các bên liên quan.	Chúng tôi đề cao sự cách tân và tính sáng tạo trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả của tất cả các hoạt động.	Chúng tôi chú trọng mọi hoạt động liên quan đến việc phát triển kiến thức và năng lực của nhân viên.	Chúng tôi luôn theo đuổi việc đem lại những gì đúng đắn, tốt đẹp cho khách hàng và lấy khách hàng làm trung tâm trong mọi suy nghĩ, hành động.





THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“NĂM 2016 ĐÃ KHÉP LẠI MỘT NHIỆM KỲ BẰNG NHỮNG THÀNH TỰU KHÁ ẤN TƯỢNG VỚI CÁC CHỈ SỐ LỢI NHUẬN VÀ TĂNG TRƯỞNG CAO. VINAMILK CÓ THỂ TỰ HÀO VỀ KẾT QUẢ NÀY”

Kính gửi: Quý khách hàng, cổ đông và toàn thể cán bộ, công nhân viên Vinamilk.

Năm 2016, trong bối cảnh chính trị xã hội toàn cầu có nhiều biến động và môi trường kinh doanh cạnh tranh khốc liệt với mức tăng trưởng không cao ở nhiều ngành. Tình hình kinh tế Việt Nam cũng không là ngoại lệ, các công ty trong nước, đặc biệt là các công ty sản xuất hàng tiêu dùng, đã đương đầu với nhiều thách thức và kết quả kinh doanh có mức tăng trưởng bình quân không đạt mong đợi. Trong bối cảnh đó, nhằm ghi dấu ấn sinh nhật lần thứ 40, nhờ có sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT với Tổng Giám đốc, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Điều hành cùng sự nỗ lực vượt bậc của toàn thể cán bộ, công nhân viên đã giúp Vinamilk hoàn thành vượt mức các mục tiêu kế hoạch đặt ra một cách đáng ghi nhận:

- » Tổng doanh thu 46.965 tỷ đồng, đạt 105% so với kế hoạch của ĐHCĐ.
- » Lợi nhuận sau thuế 9.364 tỷ đồng, đạt 113% so với kế hoạch của ĐHCĐ.
- » Thị phần của tất cả các ngành hàng đều được giữ vững và có sự tăng

trưởng đáng kể ở 3 ngành hàng chủ lực: sữa nước, sữa chua ăn và sữa chua uống.

Ngoài các mục tiêu tài chính, các mục tiêu phi tài chính cũng có các bước phát triển tương ứng. Ba yếu tố chính kinh tế - xã hội - môi trường của chủ đề phát triển bền vững đã được Vinamilk chú trọng nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với các bên liên quan. Với nhiều chương trình, dự án hướng đến các mục tiêu rõ ràng cùng kế hoạch thực thi nghiêm túc, Vinamilk đã thu được những kết quả đáng khích lệ, trong đó nổi bật là đạt được thứ hạng cao trong Top 10 doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững trong ngành sản xuất tại Việt Nam.

Luôn tự hào được đánh giá cao về hiệu quả và chất lượng quản trị doanh nghiệp, Vinamilk đã đưa vào áp dụng nhiều thực hành quản trị mới và tiên tiến cho các công ty đại chúng. Thành quả của sự cải tiến không ngừng là trở thành công ty Việt Nam duy nhất lọt vào Top 50 Công ty niêm yết hàng đầu châu Á - Thái Bình Dương (FAB 50) do tạp chí Forbes châu Á bình chọn.

TỔNG DOANH THU
46.965
TỶ ĐỒNG
ĐẠT 105% SO VỚI KẾ HOẠCH

Như vậy, năm 2016 đã khép lại một nhiệm kỳ bằng những thành tựu khá ấn tượng với các chỉ số lợi nhuận và tăng trưởng cao. Vinamilk có thể tự hào về kết quả này. Năm 2017, năm đầu tiên của giai đoạn 5 năm 2017 - 2021, đã khởi đầu với nhiều biến động về chính trị và kinh tế trên toàn thế giới. Nền kinh tế Việt Nam sẽ phải đương đầu với nhiều tác động, thay đổi, thách thức trong nhiều lĩnh vực. Riêng ngành sản xuất và kinh doanh sữa, giá một số nguyên liệu chính có những mức tăng khá cao và ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của hầu hết tất cả các nhà sản xuất. Để chuẩn bị cho giai đoạn này, HĐQT đã sát cánh với Ban Điều hành trong việc xây dựng mục tiêu và chiến lược phù hợp với các nội dung:

- » Cam kết đầu tư mạnh mẽ để tăng trưởng và trở thành công ty có mức tạo ra giá trị cao.
- » Gia tăng sự hiện diện và hiệu quả hoạt động kinh doanh ở thị trường quốc tế.
- » Chú trọng và đầu tư thích đáng để xây dựng đầy đủ nguồn nhân lực và quy trình hiệu quả.

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
9.364
TỶ ĐỒNG
ĐẠT 113% SO VỚI KẾ HOẠCH

Thay mặt HĐQT, tôi tin rằng với chiến lược kinh doanh được chuẩn bị kỹ lưỡng và phù hợp, kế hoạch triển khai vừa linh động vừa cụ thể và các khâu chuẩn bị thiết thực khác, đặc biệt là với một đội ngũ nhân sự có ý chí cao, trách nhiệm, dũng cảm, sáng tạo và hợp tác xuất sắc, Vinamilk chắc chắn sẽ đạt được những kết quả như mong đợi.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty đã nỗ lực không ngừng để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tôi xin cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng, sự đồng hành của đối tác và quý cổ đông trong năm qua.

Một lần nữa, tôi tin rằng, với giá trị và văn hóa Vinamilk, Công ty sẽ vượt qua mọi khó khăn thách thức và đạt được những thành tựu to lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Vinamilk hiện thực hóa Giấc mơ sữa Việt.

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch



Lê Thị Băng Tâm

*Với ba nhà máy
khởi đầu cho...*



VINAMILK

Câu chuyện 40 năm

VINAMILK

CÂU CHUYỆN 40 NĂM

Một sinh nhật lần thứ 40 đáng nhớ

Một sự kiện đã diễn ra vào 20 giờ, ngày 20/8/2016 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Mỹ Đình, Hà Nội đã gây cảm xúc mạnh mẽ với tất cả những người tham dự và hàng triệu khán giả truyền hình - được phát trực tiếp trên kênh VTV1, Đài Truyền hình Việt Nam. Đó là lễ kỷ niệm sinh nhật lần thứ 40 của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Vinamilk") với chủ đề "Giấc mơ sữa Việt". Với nội dung đặc sắc và cuốn hút, "Giấc mơ sữa Việt" đã gợi lên trong tâm trí người dân Việt một cảm xúc mãnh liệt "Tự hào quá, Việt Nam ơi!".

Trải qua 40 năm phát triển với bao thăng trầm và thách thức, có thể nói rằng người Việt có thể tự hào về một doanh nghiệp Việt, bằng sự nỗ lực, ý chí và trí tuệ Việt đã chứng minh được tầm vóc, khả năng của mình, sánh ngang với các tập đoàn lớn trên thế giới.



Sinh nhật lần thứ 40 của Vinamilk (1976 - 2016)

Sự tăng trưởng và hiệu quả diệu kỳ

So với những năm đầu mới thành lập, Vinamilk đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ đáng ngưỡng mộ. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 cho thấy tổng sản phẩm sản xuất trong năm đạt mức 1.025.359 tấn. Theo đó, doanh số hợp nhất tập đoàn chạm ngưỡng 46.965 tỷ đồng, gấp hơn 7 lần so với doanh thu hợp nhất 6.289 tỷ đồng của năm 2006 khi vừa niêm yết trên sàn HOSE. Tốc độ tăng trưởng bình quân là 22,3%/năm. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2016 đạt con số khổng lồ 11.238 tỷ đồng, tương đương mức tăng vượt trội gần 17 lần so với số 663 tỷ đồng năm 2006 và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bình quân khoảng 32,7%/năm.

Với kết quả này, phần đóng góp thuế cho nhà nước năm 2016 đã đạt đến con số 4.131 tỷ đồng và luôn nằm trong Top 10 Công ty tư nhân có đóng góp cao nhất cho ngân sách quốc gia trong những năm gần đây.



Từ mẻ sữa đầu tiên đến danh mục sản phẩm đa dạng và hợp thị hiếu người tiêu dùng

Khởi đầu từ 2 nhóm ngành hàng chỉ với vài sản phẩm đặc trưng, Vinamilk hiện đã có đến 10 nhóm ngành hàng (sữa nước, sữa chua, sữa bột, bột ăn dặm, ca cao lúa mạch, sữa đặc, kem ăn, phô mai, sữa đậu nành, nước giải khát) với hơn 250 mặt hàng đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường với tôn chỉ đem lại chất lượng quốc tế cao nhất và sự trân trọng tin yêu dành cho người tiêu dùng.



Mẻ sữa đầu tiên được lãnh đạo Công ty kiểm tra...



Khởi đầu với các sản phẩm sữa đặc và kem, cuối thập niên 80, Vinamilk đã cung cấp sản phẩm sữa bột đầu tiên do Việt Nam sản xuất. Những năm đầu thập niên 90, bằng sự đột phá trong việc sản xuất sữa tươi tiệt trùng và sữa chua sản xuất công nghiệp - hiện đại, Vinamilk đã đưa người tiêu dùng sữa Việt Nam bước vào một thời kỳ mới với đa dạng các dòng sản phẩm sữa cho trẻ em và đáp ứng các nhu cầu khác nhau cho mọi lứa tuổi.



Sản phẩm sữa đặc và kem thời kỳ đầu

Với tốc độ đổi mới và nâng cấp sản phẩm mới hằng năm, danh mục sản phẩm của Vinamilk luôn được bổ sung bằng các sản phẩm bổ dưỡng, hợp khẩu vị, bắt kịp và đi đầu trong các xu hướng thế giới tại thị trường Việt Nam.



Những lon sữa bột xuất khẩu đầu tiên

(Xem danh mục sản phẩm tiêu biểu hiện tại của Vinamilk từ trang 26 đến trang 45)

Hành trình đầy tự hào

Ở vị thế là công ty sữa số 1 tại Việt Nam với các sản phẩm đã đặt chân đến hơn 43 quốc gia khác nhau trên thế giới, cùng hàng loạt các giải thưởng danh giá của các Tổ chức uy tín trong và ngoài nước: Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam (Forbes), Quản trị công ty tốt nhất Việt Nam - Khu vực ASEAN, Top 10 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam 2016,... ít ai biết Vinamilk đã khởi đầu bằng những hành trang vô cùng khiêm tốn.

Từ số vốn vồn vẹn ít ỏi trong thời kỳ đất nước khó khăn, đến năm 2003 - thời điểm cổ phần hóa - số vốn của Công ty đã tăng lên 1.500 tỷ đồng. Sau 13 năm cổ phần, giá trị thị trường của Vinamilk đã là 182.303 tỷ đồng, tương đương 8 tỷ Đô la Mỹ, gấp 78,6 lần so với thời điểm mới cổ phần hóa vào năm 2003 (2.318 tỷ đồng).

GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG
CỦA VINAMILK

182.303

TỶ ĐỒNG
NĂM 2016



Mạng lưới nhà máy hiện đại
và luôn được mở rộng

Khởi đầu với 3 nhà máy sữa tiếp quản từ chế độ cũ để lại với thiết bị cũ, lạc hậu và có nhà máy đang xây dựng dang dở và bị phá hủy tài liệu mà chúng có tên gọi ngày nay là Nhà máy Sữa Thống Nhất, Nhà máy Sữa Trường Thọ và Nhà máy Sữa Dielac.

Biểu đồ thời điểm mở rộng các nhà máy trong nước



Năm 1988: khôi phục lại Nhà máy Sữa Dielac tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 với đội ngũ chuyên gia và nhân công người Việt thực hiện với chi phí ước tính chỉ bằng 1/10 so với giá chào của nhà thầu nước ngoài.

Năm 2003 - nay: thành lập thêm 9 nhà máy sữa tại các tỉnh/ thành phố: Tp. HCM, Bình Dương, Đà Nẵng, Nghệ An, Thanh Hóa và Bắc Ninh.

Toàn bộ các nhà máy đều được trang bị máy móc thiết bị tiên tiến của châu Âu và G7 theo công nghệ mới nhất.

Như vậy, đến nay Vinamilk đã có 13 nhà máy hoạt động, trải dài khắp các tỉnh thành ở 3 miền đất nước với công suất lên đến 1.594.822 tấn sản phẩm/năm. Ngoài ra, Vinamilk còn có các cơ sở sản xuất tại Mỹ, Campuchia và New Zealand.



Tự hào về mô hình
trang trại bò sữa công nghệ cao

Cách đây hàng chục năm, ít ai có thể nghĩ việc chăn nuôi bò sữa quy mô công nghiệp sẽ đạt hiệu quả tại Việt Nam. Khởi đầu bằng việc mua lại trang trại bò sữa đang hoạt động kém hiệu quả tại Tuyên Quang, Vinamilk hiện nay đã sở hữu hệ thống trang trại hiện đại với tổng đàn bò sữa là 17.500 con. Với mô hình hiệu quả và thành công, Vinamilk tiếp tục đầu tư thêm 2 tổ hợp trang trại bò sữa công nghệ cao tại Tây Ninh và Thanh Hóa với quy mô thiết kế lần lượt là 8.000 con và 16.000 con. Trang trại Tây Ninh đã đi vào hoạt động năm 2016 và tổ hợp trang trại bò sữa công nghệ cao tại Thanh Hóa sẽ đi vào hoạt động năm 2017.

Năm 2016 là năm đánh dấu sự tiến bộ vượt bậc trong chăn nuôi bò sữa khi Vinamilk lần đầu tiên phát triển thành công trang trại bò sữa hữu cơ (organic) - một công nghệ nuôi trồng đòi hỏi sự khắt khe về tiêu chuẩn kỹ thuật châu Âu và Mỹ, theo kịp xu hướng dùng sản phẩm tự nhiên, hữu cơ của thế giới.



Trang trại bò sữa hữu cơ (organic) tại Lâm Đồng

Phát triển bền vững
và có trách nhiệm

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu ở Việt Nam, Vinamilk nhận thức rõ tầm ảnh hưởng của mình đến cộng đồng và sự phát triển bền vững của xã hội. Vinamilk thấu hiểu sự thành công không chỉ là cung cấp các sản phẩm với chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế và an toàn tuyệt đối cho người tiêu dùng, mang lại hàng nghìn tỷ đồng lợi nhuận, làm tăng giá trị cổ phiếu cho cổ đông cũng và đóng góp cho ngân sách hàng chục nghìn tỷ đồng, mà còn là sự cân bằng với những giá trị vượt trội và lâu dài khác:

» Tạo môi trường làm việc an toàn, đảm bảo về sức khỏe cho nhân viên.

- » Toàn bộ hệ thống nhà máy, trang trại được chú trọng đầu tư mạnh mẽ để đảm bảo an toàn cho môi trường.
- » Đem lại công ăn việc làm trực tiếp và gián tiếp cho 10.474 người.
- » Hỗ trợ và thu mua sản phẩm sữa tươi của hơn 7.660 hộ nông dân trên cả nước.

» Thực hiện nhiều chương trình và hoạt động xã hội thường xuyên như: chương trình sữa học đường, “Quỹ sữa vươn cao Việt Nam”, “Quỹ một triệu cây xanh”, và các hoạt động cứu trợ thiên tai bão lụt, giúp đỡ đồng bào gặp khó khăn,...

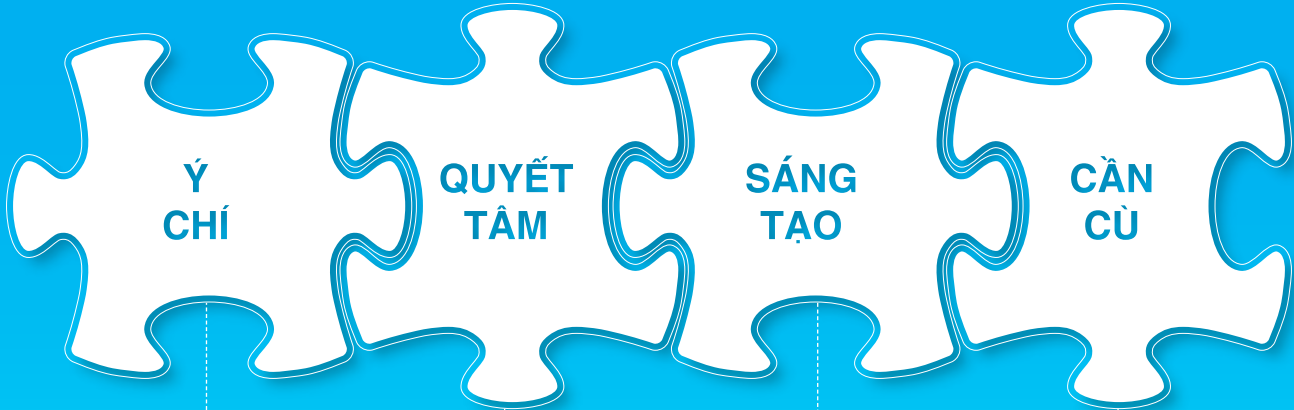
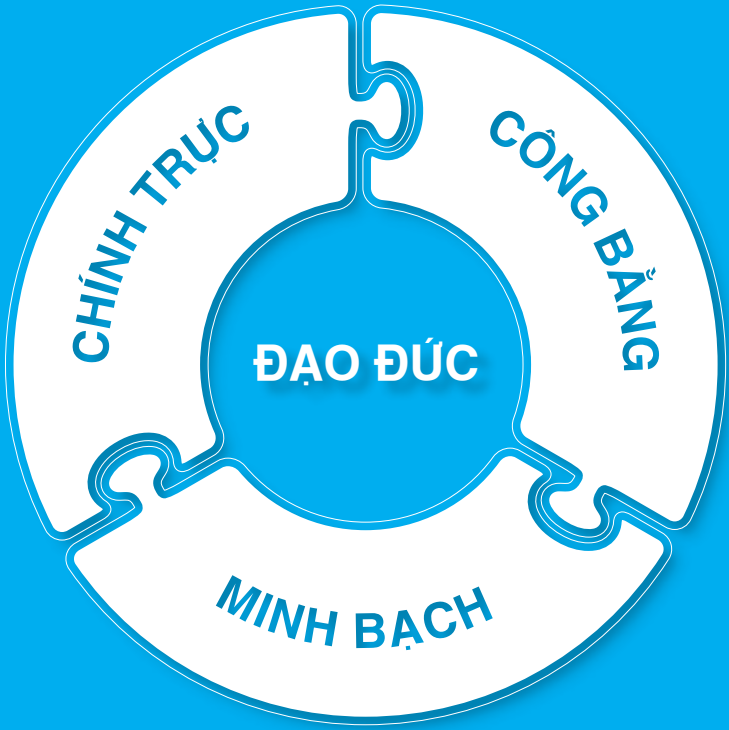


Cơ cấu tổ chức tinh gọn
và hiệu quả cùng đội ngũ nhân sự
đầy năng lực và ý chí, sáng tạo

Hơn 40 năm hình thành và phát triển, trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu Việt Nam và đang vươn tầm ra quốc tế, con người chính là yếu tố quyết định đối với sự thành công và phát triển của Vinamilk. Các thể hệ lãnh đạo với sự quản lý sáng suốt, tài ba và bản lĩnh cùng đội ngũ nhân sự với năng lực chuyên môn cao, ý chí và sức sáng tạo luôn hết mình vì sự nghiệp chung của Vinamilk, vượt qua mọi thách thức cùng hành trang rõ ràng:

- » Đạo đức: chính trực, công bằng, minh bạch.
- » Tinh thần: ý chí, quyết tâm cao, sáng tạo và cần cù trong công việc.

Những con người Vinamilk này đã vận hành một công ty mang tầm vóc tập đoàn với bộ máy tổ chức tinh gọn và hiệu quả. Để có được kết quả như vậy, đội ngũ nhân viên Vinamilk không ngừng tìm tòi, học hỏi và áp dụng các phương pháp, công cụ quản lý tiên tiến trên thế giới, luôn giữ tâm niệm là trở thành người tiên phong trong quản lý và thực hành, đó là một phần của “văn hóa Vinamilk”.



TINH THẦN



THÔNG TIN

CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Cổ phần và cơ cấu cổ đông

Tại ngày 31/12/2016, số lượng cổ phần của Công ty như sau:

- » Khối lượng cổ phiếu đã phát hành và niêm yết : 1.451.453.429 cổ phiếu.
- » Số lượng cổ phiếu quỹ : 27.100 cổ phiếu.
- » Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành : 1.451.426.329 cổ phiếu.
- » Mệnh giá : 10.000 đồng/ cổ phiếu.
- » Giá trị vốn hóa trên thị trường : 182.303 tỷ đồng.

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông của Công ty được tính dựa vào danh sách cổ đông chốt gần nhất là ngày 22/8/2016, có điều chỉnh dựa trên kết quả bán thoái vốn của SCIC và được tính đến ngày 31/12/2016 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
Cổ đông Nhà nước (SCIC)	570.886.596	39,33%	1
Cổ đông lớn (>= 5%)	237.367.233	16,35%	2
» Trong nước	-	-	-
» Nước ngoài	237.367.233	16,35%	2
Cổ phiếu quỹ	27.100	0,00%	1
Cổ đông khác (<5%)	643.172.500	44,32%	16.491
» Trong nước	109.989.087	7,58%	15.182
» Nước ngoài	533.183.413	36,74%	1.309
TỔNG CỘNG	1.451.453.429	100,00%	16.495
Trong đó:			
» Trong nước	680.902.783	46,91%	15.184
» Nước ngoài	770.550.646	53,09%	1.311

Công ty đã chính thức hoàn tất thủ tục hủy bỏ giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài vào ngày 22/7/2016. Theo đó, nhà đầu tư nước ngoài được phép sở hữu 100% vốn của Công ty.

TỔNG SỐ LƯỢNG PHÁT HÀNH MỚI TRONG NĂM 2016

250.791.236

CỔ PHIẾU

Phát hành cổ phiếu trong năm 2016

Thực hiện nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016, Công ty đã có 2 đợt phát hành cổ phiếu trong năm như sau:

- i) Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty ("ESOP"):
 - » Số lượng phát hành: 8.887.731 cổ phiếu
 - » Giá phát hành: 37.720 đồng/cổ phiếu
 - » Thời gian phát hành: tháng 7/2016
- ii) Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu:
 - » Ngày đăng ký cuối cùng: 22/6/2016
 - » Tỷ lệ phát hành là 5:1, nghĩa là mỗi cổ đông sở hữu năm (5) cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông) để phát hành sẽ

nhận được một (1) cổ phiếu phát hành thêm.
» Số lượng đã phát hành: 241.903.505 cổ phiếu

Như vậy, tổng số lượng phát hành mới trong năm là 250.791.236 cổ phiếu. Tất cả số lượng cổ phiếu này đã được niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán HOSE.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

- » Số cổ phiếu quỹ đầu năm là 522.795 được phân phối cho nhân viên trong chương trình phát hành ESOP vào tháng 7/2016 với giá phân phối là 37.720 đồng/cổ phiếu.
- » Trong năm, Công ty cũng đã thu hồi 27.100 cổ phiếu ESOP. Đây cũng là số cổ phiếu quỹ hiện có tại thời điểm 31/12/2016.



DANH MỤC
SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

CÓ HƠN **250**
SẢN PHẨM VỚI CÁC NGÀNH HÀNG CHÍNH

- ◆ Sữa nước
- ◆ Sữa chua
- ◆ Sữa bột và bột dinh dưỡng
- ◆ Sữa đặc có đường
- ◆ Kem, phô mai
- ◆ Sữa đậu nành, nước trái cây và nước giải khát



TRANG TRẠI BÒ SỮA



Organic

ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM*



*Theo công văn xác nhận của Control Union Việt Nam
Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam - 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.



SỮA TƯƠI 100%

Organic

ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM*



*Theo công văn xác nhận của Control Union Việt Nam
Sữa tươi tiệt trùng không đường nhãn hiệu Vinamilk 100% Organic
Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam - 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.



MÓN QUÀ SỨC KHOẺ

3 KHÔNG
TỪ THIÊN NHIÊN



SỮA NƯỚC



SỮA TƯƠI 100%



Sữa tươi 100% hữu cơ
tiêu chuẩn châu Âu



Sữa tươi 100%
thanh trùng



Sữa tươi 100%
tiệt trùng



Sữa tươi 100% tiệt trùng
nhập khẩu từ New Zealand



SỮA TIẾT TRÙNG BỔ SUNG VỊ CHẤT



Dành cho trẻ em
ADM GOLD



Dành cho người lớn
Flex



SỮA TIẾT TRÙNG “DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY”



Fino



CA CAO LÚA MẠCH



Thức uống dinh dưỡng
ca cao lúa mạch Super Susu

SỮA CHUA VINAMILK

BÍ QUYẾT NGON KHỎE
TỪ THIÊN NHIÊN

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk)
Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TPHCM
Điện thoại: (08) 541 55555 - Fax: (08) 541 61220
Email: vinamilk@vinamilk.com.vn - Website: www.vinamilk.com.vn

SỮA CHUA ĂN



SỮA CHUA ĂN



Sữa chua Trắng



Sữa chua 100% Sữa Tươi



Nha đam, Lựu đỏ



ProBeauty



Probi



Susu



Sữa chua Star

Sữa chua uống Vinamilk



*Vị thật ngon
Da thật đẹp*



Sữa chua uống Vinamilk Nha Đam mới
với hạt nha đam giòn dai hòa quyện
cùng sữa chua ngon tuyệt.



Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) – Số 10, Tân Trào, Phường Tân Phú Quận 7, TP.HCM – Điện thoại: (08)541 55555 – Fax: (08)541 61220

SỮA CHUA UỐNG



SỮA CHUA UỐNG



Vinamilk



SuSu



Probi



**BÉ HẤP THU KHỎE,
PHÁT TRIỂN TRÍ NÃO TỐT HƠN**



Con vẽ tặng Mẹ
một bức tranh đẹp



+20% DHA
từ tảo và dầu cá

Mới



**CHO TRẺ SUY DINH DƯỠNG
THẤP CÒI, BIẾNG ĂN
BẮT KỊP ĐÀ TĂNG TRƯỞNG**

Chiều cao
cm

120

110

100

90

80

70



Tăng cân
chỉ sau 3 tháng^(*)



Cân nặng
Kg

13

14

15

16

17

18

(*) Theo báo cáo "Hiệu quả bổ sung Dielac Grow Plus lên tình trạng dinh dưỡng, vi chất, tiêu hóa và nhiễm khuẩn hô hấp của trẻ 2 - 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi tại Tuyên Quang" năm 2016.

**Trí nhớ tốt,
bé thông minh**

3xDHA
Phát Triển Trí Não

ARA

LUTEIN

2xCHOLIN
Hỗ Trợ Trí Nhớ

IQ

HỆ DƯỠNG CHẤT IQ

SỮA BỘT VÀ BỘT DINH DƯỠNG



SỮA BỘT DÀNH CHO TRẺ EM



Optimum Gold



Pedia



Dielac Grow Plus



Dielac Alpha Gold



Dielac Alpha



Dielac Grow



BỘT DINH DƯỠNG RIDIELAC



Multipack



Vị Ngọt



Vị Mặn

THEO KHUYẾN NGHỊ
CỦA
FDA

HOA KỲ (*)

VINAMILK

Sure
Prevent

PHỤC HỒI SỨC KHỎE,
VỆ TRÒN NIỀM VUI





Vinamilk Sure Prevent – Sản phẩm dinh dưỡng đặc biệt phù hợp với người có vấn đề tim mạch, xương yếu, mệt mỏi, ăn ngủ kém.



Thực phẩm bổ sung: Sản phẩm dinh dưỡng đặc biệt Vinamilk Sure Prevent

* Theo khuyến nghị của FDA Hoa Kỳ, thực phẩm chứa ít nhất 0,65g các Sterol Ester thực vật (Plant Sterols) trên 01 khẩu phần với liều dùng 02 lần mỗi ngày, cùng chế độ ăn ít béo no và ít cholesterol giúp giảm nguy cơ mắc bệnh tim mạch. 01 ly Vinamilk Sure Prevent cung cấp 0,65 g (100%) các Sterol Ester thực vật.

SỮA BỘT

SỮA BỘT DÀNH CHO NGƯỜI LỚN

Phục hồi sức khỏe
Người cao tuổi

Dinh dưỡng hằng ngày

Xương chắc, khớp khỏe

Đặc trị bệnh tiểu đường

SỮA BỘT DÀNH CHO MẸ

Tiêu hóa & Đề kháng

Thai kỳ khỏe mạnh



VỊ NGON
MÁT LẠNH
GẮN KẾT CẢ NHÀ

SẢN PHẨM TỪ SỮA



SỮA ĐẶC



Ngôi Sao Phương Nam



Ông Thọ



KEM



Kem Vinamilk



Subo



Kem Delight



Twin Cows



Nhóc Kem



Nhóc Kem Oze



PHÔ MAI



Vinamilk Bò Đeo Nơ



SỮA ĐẬU NÀNH - NƯỚC GIẢI KHÁT



SỮA ĐẬU NÀNH



Vinamilk
Gấp Đôi Canxi



Vinamilk
Nguyên Chất



NƯỚC TRÁI CÂY



Nước trái cây Vfresh

Nước trái cây sữa
Vfresh Smoothies



NƯỚC GIẢI KHÁT



Nước Nha Đam
Vfresh



Nước Chanh Muối
ICy



Nước Sori
Vfresh



Nước Đóng Chai
ICy



Trà Atiso Vfresh

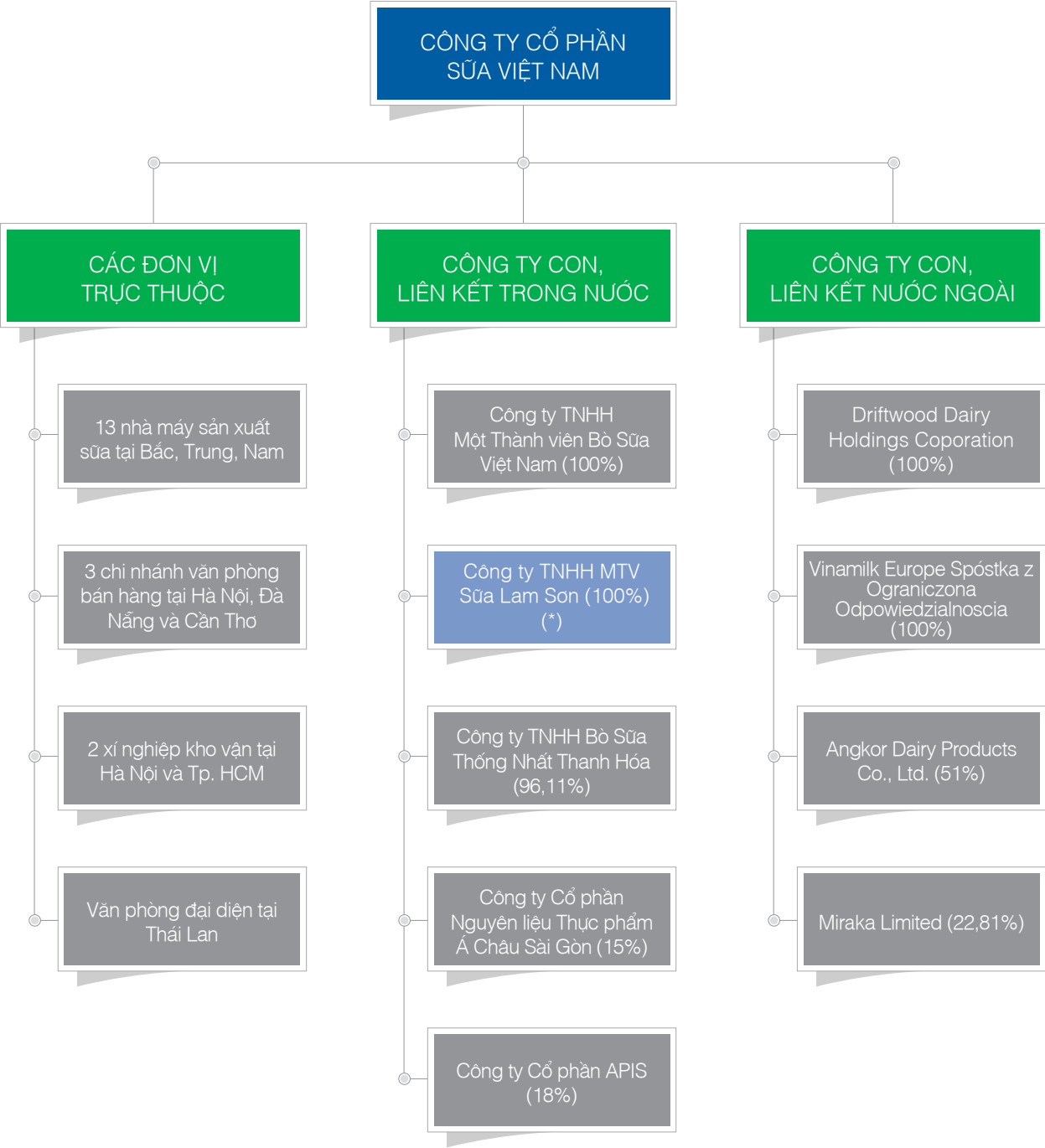
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



ORGANIC
ĐỈNH CAO CHẤT LƯỢNG

VINAMILK LÀ CÔNG TY SỮA ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM SẢN XUẤT SỮA TƯƠI 100% ORGANIC CAO CẤP THEO TIÊU CHUẨN HỮU CƠ CHÂU ÂU. SẢN PHẨM SỮA ORGANIC ĐÁNH DẤU MỘT BƯỚC CHUYỂN MÌNH NGOẠI MỤC CỦA VINAMILK TRÊN HÀNH TRÌNH HỘI NHẬP VỚI THỊ TRƯỜNG SỮA THẾ GIỚI, TIỀN PHONG MỞ LỐI CHO XU HƯỚNG ORGANIC TẠI THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA.

MÔ HÌNH
HOẠT ĐỘNG



(*): Công ty này được sáp nhập và trở thành chi nhánh của Vinamilk vào tháng 2/2017.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Tổ chức bộ máy được vận hành năm 2016:



Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 đã phê chuẩn số lượng thành viên HĐQT là 7 người. Tuy nhiên, HĐQT quyết định giữ vững cơ cấu hiện tại và sẽ đảm nhiệm đến hết nhiệm kỳ. Hội đồng Quản trị hiện tại gồm có các thành viên như sau:

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ✓ **BÀ LÊ THỊ BĂNG TÂM**
Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập
- ✓ **BÀ MAI KIỀU LIÊN**
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- ✓ **ÔNG LÊ SONG LAI**
Thành viên HĐQT không điều hành
- ✓ **ÔNG LÊ ANH MINH**
Thành viên HĐQT không điều hành
- ✓ **BÀ NGÔ THỊ THU TRANG**
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Điều hành Dự án
- ✓ **ÔNG LEE MENG TAT**
Thành viên HĐQT không điều hành

Sự thay đổi trong năm:

Ông Ng Jui Sia, thành viên HĐQT không điều hành, từ nhiệm từ ngày 1/9/2016 và HĐQT đã bổ nhiệm tạm thời ông Lee Meng Tat làm thành viên HĐQT để thay thế Ông Ng Jui Sia từ ngày 1/9/2016. Việc bổ nhiệm chính thức này sẽ được ĐHĐCĐ gần nhất phê duyệt.



- ✓ **BÀ LÊ THỊ BĂNG TÂM**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trưởng Tiểu ban Nhân sự
Thành viên Tiểu ban Lương thưởng
Thành viên HĐQT độc lập

Bà sinh năm 1947. Bà là thành viên HĐQT của Vinamilk từ tháng 4/2013 và đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT từ tháng 7/2015.

Trình độ chuyên môn

- » Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Tài chính Leningrad, Liên Xô (1989).
- » Chứng chỉ Tài chính Quốc tế, Trường North University London, Anh Quốc (2011).
- » Cử nhân Tài chính Kế toán, Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội
- » Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- » Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, tài chính, quản lý Nhà nước và các lĩnh vực khác.
- » Từ năm 2006 đến nay, bà đã tham gia vào HĐQT của nhiều công ty khác nhau, tiêu biểu là Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước, Thành viên, Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM (HDBank).
- » Bà là thành viên, tư vấn của nhiều tổ chức quan trọng: Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Hội đồng chính sách tiền tệ

quốc gia, Ủy viên Ủy ban: hợp tác kinh tế quốc tế, Các ban chỉ đạo ODA, Đầu tư nước ngoài các chương trình dự án lớn của Chính phủ.

- » Từ năm 1995 đến năm 2006, bà là Thứ trưởng, Ủy viên Ban cán sự Bộ Tài chính.
- » Hơn 20 năm công tác (1974 - 1995), bà đã đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý khác nhau: Phó Trưởng phòng - Vụ cân đối Tài chính, Phó Vụ trưởng - Vụ Tổ chức cán bộ và Đào tạo, Phó Cục trưởng, Cục trưởng, Tổng Giám đốc Kho Bạc Nhà nước Trung ương.
- » Bà từng tham gia công tác giảng dạy, là giảng viên của trường Đại học tài chính kế toán Hà Nội trong khoảng thời gian từ năm 1969 đến 1974.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- » Chủ tịch HĐQT, Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM (HDBank).

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



BÀ MAI KIỀU LIÊN
Thành viên Hội đồng Quản trị
Thành viên Tiểu ban Nhân sự
Thành viên Tiểu ban Chính sách phát triển
Tổng Giám đốc

Bà sinh năm 1953. Bà là thành viên HĐQT từ tháng 11/2003.
Bà là Tổng Giám đốc Công ty Vinamilk từ tháng 12/1992.

Trình độ chuyên môn

- » Chứng chỉ Quản lý Kinh tế, Đại học Kỹ sư Kinh tế Leningrad, Nga.
- » Chứng chỉ Quản lý chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia, Việt Nam.
- » Kỹ sư về chế biến thịt và sữa, Đại học Moscow, Nga.
- » Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- » Bà đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT trong suốt 3 nhiệm kỳ liên tiếp từ năm 2003.
- » Bà có hơn 25 năm kinh nghiệm trong vai trò Tổng Giám đốc, lãnh đạo Vinamilk qua nhiều thời kỳ. Trong suốt quá trình đó, bà đã vinh dự nhận được nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế như Huân chương Lao động hạng Nhất do Nhà nước trao tặng (2006); 3 lần được Forbes bình chọn là một trong 50 Nữ doanh nhân quyền lực nhất

- châu Á (2012 - 2014); giải thưởng Nhà quản trị doanh nghiệp xuất sắc (2014) do Corporate Governance Asia bình chọn.
- » Trước đó, bà có hơn 8 năm công tác (1984 - 1992) với vị trí Phó Tổng Giám đốc Vinamilk, phụ trách lĩnh vực kinh tế.
- » Từ năm 1976 đến năm 1983, bà trải qua các vị trí tại nhiều bộ phận khác nhau ở nhiều nhà máy và trở thành Phó Giám đốc Kỹ thuật Nhà máy Sữa Thống Nhất năm 1982.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- » Thành viên HĐQT, Miraka Limited.
- » Thành viên HĐQT, Driftwood Dairy Holdings Corporation.
- » Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam.
- » Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa.
- » Đại diện chủ sở hữu, Vinamilk Europe Spółka Z Organizzona Odpowiedzialnoscia.



BÀ NGÔ THỊ THU TRANG
Thành viên Hội đồng Quản trị
Thành viên Tiểu ban Chính sách phát triển
Tiểu ban Quản lý rủi ro
Giám đốc Điều hành Dự án

Bà sinh năm 1963. Bà gia nhập Vinamilk từ năm 1985 và trở thành thành viên HĐQT từ tháng 11/2003.

Trình độ chuyên môn

- » Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
- » Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán.
- » Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- » Bà đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT trong 3 nhiệm kỳ liên tiếp từ năm 2003.
- » Bà có hơn 17 năm kinh nghiệm (1998 - 2015) trong vai trò quản lý tại Phòng Tài chính - Kế toán và Khối Tài chính, Vinamilk với các vị trí: Trưởng phòng Kế toán thống kê, Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Tài chính.
- » Trước đó, trong khoảng thời gian từ năm 1985 đến năm 1997, bà đã trải qua nhiều vị trí công việc khác nhau tại Phòng Tài chính - Kế toán và trở thành Phó phòng Kế toán Thống kê năm 1998.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- » Thành viên HĐQT, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt.



ÔNG LÊ SONG LAI
Thành viên HĐQT không điều hành
Trưởng Tiểu ban Chính sách phát triển
Thành viên Tiểu ban Nhân sự

Ông sinh năm 1968. Ông là thành viên HĐQT không điều hành từ tháng 3/2012.

Trình độ chuyên môn

- » Thạc sĩ Luật, Đại học Cambridge, Anh Quốc (1998).
- » Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- » Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, quản lý Nhà nước, bảo hiểm, luật và các lĩnh vực khác.
- » Ông hiện là Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT của nhiều công ty lớn như Công ty Cổ phần FPT, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Minh.
- » Ông có hơn 10 năm kinh nghiệm với vai trò Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước.
- » Suốt thời gian 10 năm (2006 - 2016), ông công tác tại Vụ Bảo hiểm - Bộ Tài chính, trải qua nhiều vị trí khác nhau, tiêu biểu là vị trí Vụ phó Vụ bảo hiểm.
- » Ông từng là Luật sư, Công ty Luật Freshfields, Chi nhánh Hà Nội từ 8/1994 đến tháng 10/1996.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- » Chủ tịch HĐQT, Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.
- » Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại Trảng Tiền.
- » Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư SCIC.
- » Thành viên HĐQT, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
- » Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần FPT.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



• **ÔNG LEE MENG TAT**
Thành viên HĐQT không điều hành
Trưởng Tiểu ban Quản lý rủi ro
Thành viên Tiểu ban Lương thưởng

Ông sinh năm 1963. Ông là thành viên HĐQT không điều hành từ tháng 9/2016.

Trình độ chuyên môn

- » Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Hoàng Gia, Anh Quốc (1997).
- » Chứng chỉ Chương trình Quản lý năng cao, Đại học Harvard (2005).
- » Kỹ sư cơ khí, Đại học quốc gia Singapore (1988).
- » Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- » Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý doanh nghiệp, quản lý kinh tế tại nhiều tổ chức tư nhân và cơ quan nhà nước.
- » Từ năm 2015 đến nay ông đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT của Fraser & Neave Holdings Berhad.
- » Trong khoảng thời gian hơn 18 năm, từ năm 1997 đến năm 2015, ông đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý cấp cao ở các công ty trong lĩnh vực hàng tiêu dùng và giải trí như Fraser & Neave, Heineken-APB (China) Management Services Co. Ltd, Asia Pacific Breweries Ltd, Wildlife Reserves Singapore Group.
- » Từ năm 1994 đến năm 1996, ông giữ vị trí Phó Giám đốc, phụ trách du lịch vùng thuộc Hội đồng Du lịch Singapore.
- » Trước đó, ông là Trợ lý Trưởng Bộ phận Phát triển Kinh doanh Quốc tế - Hội đồng Phát triển Kinh tế Singapore từ năm 1993 đến năm 1994.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- » Thành viên HĐQT, Fraser & Neave Holdings Berhad.
- » Giám đốc Điều hành, ngành nước giải khát không cồn, Fraser & Neave Ltd..



• **ÔNG LÊ ANH MINH**
Thành viên HĐQT không điều hành
Trưởng Tiểu ban Lương thưởng
Thành viên Tiểu ban Quản lý rủi ro

Ông sinh năm 1969. Ông là thành viên HĐQT không điều hành từ tháng 3/2012.

Trình độ chuyên môn

- » Cao học Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp và Ngân hàng Quốc tế Đại học Pennsylvania.
- » Nghiên cứu sinh Fulbright (1996 - 1998).
- » Hội viên của Hiệp hội Kế toán Úc.
- » Cử nhân Đại học Ngân hàng.
- » Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- » Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý doanh nghiệp, tài chính, ngân hàng, đầu tư.
- » Suốt hơn 15 năm công tác, (2002 - nay), ông trải qua nhiều vị trí quản lý cấp cao tại Công ty Dragon Capital Limited như: Giám Đốc Tài Chính, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc.
- » Từ năm 1996 đến năm 2000, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Tài chính chuyên trách khu vực Đông Dương - Tập đoàn Coca Cola.
- » Trước đó, ông có hơn 5 năm kinh nghiệm công tác tại Ngân hàng Đại Nam với nhiều vị trí khác nhau và cuối cùng là vị trí Phó Tổng Giám đốc.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- » Tổng Giám đốc, Công ty Dragon Capital Group Limited.
- » Phó Chủ tịch HĐQT, Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC).
- » Thành viên Hội đồng Đầu tư của các Quỹ đầu tư quốc tế.



GIỚI THIỆU
BAN KIỂM SOÁT

Hiện tại, Ban Kiểm soát Công ty gồm có 3 Kiểm soát viên như sau:

- ✓ **ÔNG NGUYỄN TRUNG KIẾN**
- ✓ **BÀ NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI**
- ✓ **ÔNG VŨ TRÍ THỨC**

“ NGÀY 7/11/2016, **ÔNG NGUYỄN ĐÌNH AN ĐÃ CÓ ĐƠN TỪ NHIỆM VÀ THÔI VỊ TRÍ KIỂM SOÁT VIÊN CÔNG TY VÌ LÝ DO CÁ NHÂN.** ”



✓ **ÔNG NGUYỄN TRUNG KIẾN**
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông sinh năm 1976 là Kiểm soát viên Công ty từ tháng 3/2009.

Trình độ chuyên môn

- » Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Chicago, Mỹ (năm 2008).
- » Cử nhân Tài chính Ứng dụng, Đại học Macquarie, Úc (năm 1999).
- » Cử nhân Thương mại, Đại học Macquarie, Úc (năm 2000).

Kinh nghiệm

Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, đầu tư, tài chính và các lĩnh vực khác. Ông đã từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng tại nhiều tổ chức.

- » Từ năm 2011, ông là Giám đốc Công ty TNHH MDKT.
- » Ông là sáng lập viên và Giám đốc Điều hành Công ty TNK Capital tại Việt Nam suốt 3 năm từ 2008 đến 2011.
- » Từ năm 2001 đến 2007, ông hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, phụ trách các hoạt động: phát triển doanh nghiệp, nghiên cứu và thực hiện hoạt động mua bán sáp nhập, đầu tư và cấu trúc tài chính tại nhiều tổ chức nước ngoài như: Tập đoàn Temasek Holdings - Singapore, ngân hàng OCBC (Singapore), Ngân hàng Commonwealth Bank (Mỹ) và Ngân hàng Đầu tư Credit Suisse First Boston (Singapore).



✓ **BÀ NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI**
Kiểm soát viên

Bà sinh năm 1969, là Kiểm soát viên từ tháng 4/2013.

Trình độ chuyên môn

- » Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Melbourne, Australia.
- » Cử nhân Ngữ văn Anh, Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.

Kinh nghiệm

- » Bà có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn tài chính, tài chính. Bà đã từng đảm nhiệm các vị trí quản lý khác nhau tại các công ty tư vấn và tổ chức tín dụng trong và nước ngoài. Ngoài ra, bà cũng đã từng là Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2007 - 2011.
- » Bà hiện là Giám đốc Tư vấn Tài chính doanh nghiệp phụ trách lĩnh vực tư vấn tài chính, Công ty TNHH VINAconnect thuộc Tập đoàn Openasia từ tháng 6/2007.
- » Trước đó, từ 2004 đến 2007, bà là quản trị viên cao cấp tại văn phòng đại diện, Công ty TNHH Tư vấn Openasia (Hồng Kông) Việt Nam.
- » Ngoài ra, bà có hơn 10 năm hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí khác nhau như: Trưởng Bộ phận Tín dụng Cấu trúc Khối Thương mại Quốc tế và Hàng hóa tại Ngân hàng Đầu tư ANZ Singapore và Trưởng Bộ phận Tín dụng Thương mại Quốc tế, Trưởng Bộ phận Tín dụng Doanh nghiệp tại Ngân hàng ANZ, chi nhánh Hà Nội.



✓ **ÔNG VŨ TRÍ THỨC**
Kiểm soát viên

Ông sinh năm 1976, là Kiểm soát viên từ tháng 4/2013.

Trình độ chuyên môn

- » Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Trung tâm Pháp - Việt đào tạo về quản lý (CFVG Hà Nội).
- » Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kế toán, Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội (nay là Học viện Tài chính).
- » Chứng chỉ kiểm toán viên, Bộ Tài chính.

Kinh nghiệm

Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính.

- » Từ tháng 4/2007 đến nay, ông công tác tại Ban Tài chính Kế toán (SCIC) và hiện đang giữ chức vụ Trưởng ban Tài chính Kế toán.
- » Trong hai năm 2008 - 2009, ông công tác biệt phái, giữ chức vụ Phó Giám đốc kiểm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam - Ô Man.
- » Từ năm 1999 đến 3/2007 ông là kiểm toán viên, Phó trưởng phòng Kiểm toán tại Công ty Kiểm toán Việt Nam (thành viên hãng kiểm toán Deloitte).
- » Ngoài ra, hiện ông còn tham gia kiêm nhiệm vị trí thành viên HĐQT và HĐQT tại các tổ chức khác như: Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang và Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tràng Tiền; Là hội viên Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA).

GIỚI THIỆU
BAN THƯ KÝ



✓ **ÔNG NGUYỄN THANH TÚ**

Thư ký Công ty
Chánh văn phòng công ty

Ông sinh năm 1954. Ông gia nhập Vinamilk năm 1992 và đảm nhiệm vị trí Thư ký Công ty từ năm 2005 đến nay.

Trình độ chuyên môn

- » Cử nhân Luật - Chuyên ngành kinh tế (1991).
- » Cử nhân Sử học (1994).

Kinh nghiệm

- » Từ năm 2005 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Chánh văn phòng, Vinamilk.
- » Trước đó, từ năm 1992 đến năm 2004, ông trải qua các vị trí: phó Chánh văn phòng, Chánh văn phòng - Phòng Hành chính, Vinamilk.



✓ **BÀ LÊ QUANG THANH TRÚC**

Thư ký Công ty
Giám đốc Quản lý chi nhánh nước ngoài

Bà sinh năm 1975. Bà gia nhập Vinamilk vào năm 2005 và đảm nhiệm vị trí Thư ký Công ty từ năm 2005 đến nay.

Trình độ chuyên môn

- » Thạc sĩ Kinh tế Phát triển, chương trình hợp tác giữa The International Institute of Social Studies of Erasmus University, Hà Lan và Đại học Kinh tế Tp. HCM (2000).
- » Cử nhân chuyên ngành Ngoại thương, Đại học Kinh tế Tp. HCM (1998).
- » Cử nhân Ngữ văn Anh, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (1999).
- » Chứng chỉ Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- » Từ tháng 8/2015 đến nay, bà đảm nhiệm vị trí Giám đốc Quản lý chi nhánh nước ngoài.
- » Hơn 10 năm công tác (2005 - 2015), bà trải qua nhiều vị trí khác nhau tại Phòng Tài chính - Kế toán như Chuyên viên phân tích tài chính, Trưởng ban Quan hệ nhà đầu tư (IR), Trưởng ban Đầu tư Tài chính, Giám đốc Đầu tư, Vinamilk.
- » Trước khi gia nhập Vinamilk, bà từng nắm giữ các vị trí: Giám đốc Dự án, Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư I.C; Phó phòng tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI).



✓ **ÔNG NGUYỄN TRUNG**

Thư ký Công ty
Giám đốc Hoạch định Chiến lược

Ông sinh năm 1973. Ông gia nhập Vinamilk năm 1994 và đảm nhiệm vị trí Thư ký Công ty từ năm 2012 đến nay.

Trình độ chuyên môn

- » Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (Executive MBA), Trường Université du Québec à Montréal (2014).
- » Cử nhân, chuyên ngành kế toán, Đại học Tài chính Kế toán Tp. HCM (1994).
- » Chứng chỉ Phát triển bền vững, Viện Thụy Điển (2016).
- » Chứng chỉ Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- » Từ năm 2014 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Hoạch định Chiến lược.
- » Ông có hơn 7 năm công tác (2007 - 2014) trong vai trò Giám đốc Kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro, kiêm phụ trách bộ phận Pháp lý. Ngoài ra, khi đảm nhiệm vị trí này, ông đã chủ trì soạn lập Bộ Quy tắc ứng xử cho toàn Công ty.
- » Ông đảm nhiệm vai trò đại diện cho Vinamilk tại Hiệp hội Quản trị Công ty Châu Á (ACGA). Ông cũng từng tham gia khóa đào tạo về nghiệp vụ Thư ký Công ty do International Finance Corporation (IFC) tổ chức.
- » Trước đó, ông có hơn 14 năm kinh nghiệm tại Phòng Tài chính - Kế toán, Vinamilk với các vị trí: Kế toán tài sản - vật tư - xây dựng cơ bản, Kế toán tổng hợp - chuẩn bị báo cáo tài chính.

GIỚI THIỆU
KIỂM TOÁN NỘI BỘ



✓ **BÀ TẠ HẠNH LIÊN**

Giám đốc Kiểm toán nội bộ
Thư ký Ban Kiểm soát

Bà sinh năm 1980. Bà gia nhập Vinamilk năm 2007.

Trình độ chuyên môn

- » Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán kiểm toán, Đại học Kinh tế Tp. HCM.

Kinh nghiệm

- » Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính và hoạch định ngân sách.
- » Bà đảm nhiệm vị trí Giám đốc Kiểm toán nội bộ từ tháng 11/2011 sau khi hoàn thành công tác điều phối viên cho dự án “Xây dựng chức năng Kiểm toán nội bộ” và được chuyển giao các phương pháp, kỹ thuật Kiểm toán nội bộ theo chuẩn mực quốc tế từ Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- » Từ năm 2006 đến năm 2010, bà công tác tại Khối Tài chính và đảm nhận các vị trí khác nhau, tiêu biểu là Trưởng ban Hoạch định và kiểm soát ngân sách, giám sát Phân tích tài chính.
- » Trước khi gia nhập Vinamilk, bà từng là trợ lý kiểm toán, trưởng nhóm kiểm toán tại Công ty TNHH KPMG Việt Nam từ năm 2002 đến 2005.

GIỚI THIỆU

BAN ĐIỀU HÀNH



✓ **BÀ MAI KIỀU LIÊN**

Thành viên Hội đồng Quản trị
Thành viên Tiểu ban Nhân sự
Thành viên Tiểu ban Chính sách phát triển
Tổng Giám đốc

Vui lòng xem trang 52, mục “Giới thiệu Hội đồng Quản trị”.



✓ **ÔNG MAI HOÀI ANH**

Giám đốc Điều hành Hoạt động
Kiêm Giám đốc Điều hành Kinh doanh

Ông sinh năm 1970. Ông gia nhập Vinamilk năm 1996 và được bổ nhiệm làm Giám đốc Điều hành hoạt động kiêm Giám đốc Điều hành kinh doanh từ tháng 8/2015.

Trình độ chuyên môn

- » Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Bolton, Anh Quốc (năm 2012).
- » Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Tp. HCM.

Kinh nghiệm

- » Ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Hoạt động hơn 2 năm với chức năng quản lý chung các lĩnh vực: Marketing, Kinh doanh, Chuỗi cung ứng, Sản xuất, Nghiên cứu và Phát triển.
- » Từ năm 2012 đến nay, ông giữ vị trí Giám đốc Điều hành Kinh doanh.
- » Suốt 9 năm công tác (2003 - 2012), ông nắm giữ nhiều vị trí quản lý tại phòng Xuất nhập khẩu Vinamilk như: Trưởng phòng Xuất nhập khẩu, Giám đốc Xuất nhập khẩu, phụ trách việc kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu nguyên vật liệu.
- » Trước đó, trong khoảng thời gian từ năm 1996 đến năm 2003, ông trải qua các vị trí: Nhân viên xuất nhập khẩu, Phó phòng Xuất nhập khẩu.



✓ **ÔNG TRỊNH QUỐC DŨNG**

Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu

Ông sinh năm 1962, gia nhập Vinamilk năm 2005.

Trình độ chuyên môn

- » Kỹ sư Năng lượng và tự động hóa, Đại học Bách khoa Odessa, Liên Xô cũ (năm 1985).

Kinh nghiệm

- » Từ năm 2014 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu.
- » Trong 10 năm tại Vinamilk (2005 - 2014), ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc tại các nhà máy khác nhau của Vinamilk, như Nhà máy Sữa Nghệ An, Nhà máy Sữa Việt Nam.
- » Trước khi gia nhập Vinamilk, ông làm Giám đốc Trung tâm Tư vấn Dịch vụ Đầu tư Công nghiệp Điện trong 6 năm (1998 - 2005).
- » Từ năm 1987 đến năm 1998, từng công tác ở các vị trí khác nhau tại các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước, tiêu biểu: Ủy ban Nhân dân Thành phố Vinh, Sở Khoa học Công nghệ Môi trường Nghệ Tĩnh (nay là Nghệ An và Hà Tĩnh).

Các chức vụ ở các tổ chức khác

- » Giám đốc, Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam (là công ty con 100% vốn của Vinamilk).
- » Giám đốc, Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất - Thanh Hóa (là công ty con 96% vốn của Vinamilk).



✓ **BÀ NGUYỄN THỊ THANH HÒA**

Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng

Bà sinh năm 1955 và gia nhập Vinamilk năm 1983.

Trình độ chuyên môn

- » Cử nhân chuyên ngành Kỹ thuật Chế biến Sữa (1978), Đại học Công nghệ Chế biến Thịt và Sữa Moscow (nay là trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Công nghệ Sinh học Ứng dụng Moscow).

Kinh nghiệm

- » Từ năm 2015, bà là Giám đốc Điều hành Chuỗi cung ứng.
- » Tại Vinamilk trong hơn 17 năm (1999 - nay), bà trải qua nhiều vị trí quản lý cấp cao tại Vinamilk như Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Điều hành Sản xuất và Phát triển sản phẩm.
- » Trước đó, trong thời gian từ năm 1983 đến năm 1999, bà công tác tại nhiều vị trí khác nhau Kỹ sư công nghệ, Phó Giám đốc và trở thành Giám đốc Nhà máy Sữa Trường Thọ, kiêm Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội từ năm 1995.
- » Trước khi gia nhập Vinamilk, bà từng là giảng viên tại Đại học Bách khoa Tp. HCM trong gần 6 năm (1978 - 1983).

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



❖ **BÀ BUI THI HUONG**
Giám đốc Điều hành Nhân sự - Hành chính & Đối ngoại

Bà sinh năm 1962 và gia nhập Vinamilk năm 2005.

Trình độ chuyên môn

- » Cử nhân Nga Văn, chuyên ngành phiên dịch, Đại học Ngoại ngữ Quân sự, Liên Xô cũ (năm 1985).
- » Cử nhân Kinh tế - Quản trị Kinh doanh và Công đoàn, Đại học Công đoàn (năm 2000).

Kinh nghiệm

- » Từ năm 2015, bà là Giám đốc Điều hành Nhân sự - Hành chính & Đối ngoại.
- » Suốt gần 10 năm công tác (2005 - 2014), bà trải qua các vị trí: Quản lý hoạt động đối ngoại, Giám đốc Đối ngoại tại Bộ phận Đối ngoại - Vinamilk.
- » Trước khi gia nhập Vinamilk, bà đã có hơn 17 năm kinh nghiệm công tác tại Công ty Bóng đèn Điện Quang và đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng Phòng tiêu thụ, Giám đốc Điều hành Kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh.



❖ **ÔNG NGUYỄN QUỐC KHÁNH**
Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển

Ông sinh năm 1964 và gia nhập Vinamilk năm 1988.

Trình độ chuyên môn

- » Kỹ sư, chuyên ngành Kỹ thuật Hoá học và Thực phẩm, Đại học Bách khoa Tp. HCM (năm 1989).
- » Cử nhân, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Tp. HCM (năm 1997).
- » Cử nhân, chuyên ngành Ngữ văn Anh, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. HCM (năm 2001).

Kinh nghiệm

- » Từ năm 2015, ông là Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển.
- » Hơn 7 năm gắn bó với Vinamilk (2009 - nay), ông đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp cao tại Vinamilk như Giám đốc Điều hành Chuỗi cung ứng, Giám đốc Điều hành Sản xuất, Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển.
- » Trước đây, hơn 20 năm công tác (1988 - 2009), ông trải qua nhiều vị trí thuộc các bộ phận khác nhau tại các nhà máy của Vinamilk như Nhà máy Sữa Thống Nhất, Cần Thơ,... và trở thành Giám đốc Nhà máy Sữa Cần Thơ năm 2004.



❖ **ÔNG LÊ THÀNH LIÊM**
Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính
Kiêm Kế toán trưởng

Ông sinh năm 1973 và gia nhập Vinamilk năm 1994.

Trình độ chuyên môn

- » Thạc sĩ Thương mại và Tài chính Quốc tế, Đại học Leeds Metropolitan, Anh Quốc (năm 2012).
- » Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán Tài chính các Doanh nghiệp, Đại học Tài chính Kế toán Tp. HCM. (năm 1994).

Kinh nghiệm

- » Từ năm 2015, ông đảm nhiệm vị trí Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng.
- » Trước đó, ông có hơn 12 năm kinh nghiệm trong vai trò quản lý với các vị trí: Phó Phòng Kế toán, Kế toán trưởng tại Vinamilk.
- » Gần 10 năm công tác (1994 - 2003), ông trải qua nhiều vị trí khác nhau tại Phòng Tài chính - Kế toán, Vinamilk.



❖ **ÔNG PHAN MINH TIÊN**
Giám đốc Điều hành Marketing

Ông sinh năm 1970 và gia nhập Vinamilk năm 2014.

Trình độ chuyên môn

- » Cử nhân, Học viện Quản lý Moscow, Nga.

Kinh nghiệm

- » Từ tháng 5/2014 đến nay, ông là Giám đốc Điều hành Marketing, Vinamilk.
- » Trước khi gia nhập Vinamilk, ông có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing, xây dựng các thương hiệu hàng đầu và nắm giữ các vị trí quản lý cấp cao tại những công ty đa quốc gia:
 - » Giám đốc Marketing - Samsung Việt Nam (2013 - 2014).
 - » Phó Tổng Giám đốc phụ trách ngành Thực phẩm - Unilever Việt Nam (2008 - 2013).
 - » Trước đó ông trải qua nhiều vị trí quản lý marketing và kinh doanh tại Unilever Việt Nam (1996 - 2008).

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



✓ **BÀ NGÔ THỊ THU TRANG**
Thành viên HĐQT
Thành viên Tiểu ban Chính sách phát triển,
Thành viên Tiểu ban Quản lý rủi ro
Giám đốc Điều hành Dự án

Vui lòng xem trang 53, mục “Giới thiệu Hội đồng Quản trị”.



✓ **ÔNG TRẦN MINH VĂN**
Giám đốc Điều hành Sản xuất

Ông sinh năm 1960 và gia nhập Vinamilk năm 1981

Trình độ chuyên môn

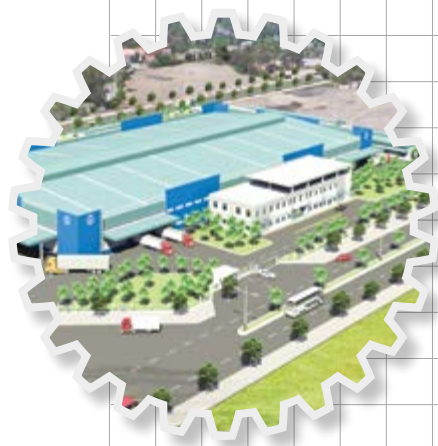
- » Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Bách khoa Hà Nội (năm 2004).
- » Cử nhân, chuyên ngành Luật thương mại, Đại học Luật Hà Nội (năm 2001).
- » Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Tp. HCM (năm 1994).
- » Kỹ sư Cơ khí, Đại học Bách khoa Tp. HCM (năm 1989).

Kinh nghiệm

- » Ông đảm nhiệm vai trò Giám đốc Điều hành Sản xuất tại Vinamilk từ tháng 12/2015.
- » Gần 10 năm công tác (2006 - 2015), ông trải qua nhiều vị trí quản lý trong Khối Dự án: Phó Tổng Giám đốc phụ trách dự án, Giám đốc Điều hành Dự án.
- » Suốt 25 năm công tác (1981 - 2006), ông đảm nhiệm nhiều vị trí khác nhau tại các nhà máy Vinamilk và trở thành Giám đốc Nhà máy sữa Thống Nhất năm 1994.



TỔNG DOANH THU
46.965
TỶ ĐỒNG



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



GIA TĂNG NĂNG LỰC SẢN XUẤT

ĐỂ ĐÁP ỨNG NHU CẦU TIÊU THỤ NGÀY CÀNG TĂNG, VINAMILK LIÊN TỤC PHÁT TRIỂN, MỞ RỘNG HỆ THỐNG SẢN XUẤT VỚI 13 NHÀ MÁY TRONG NƯỚC VÀ CÁC ĐƠN VỊ Ở NƯỚC NGOÀI. SONG SONG ĐÓ, VINAMILK ĐÃ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TRANG TRẠI BÒ SỮA CÔNG NGHỆ CAO NHẪM TỪNG BƯỚC TIẾN TỚI TỰ CHỦ NGUỒN NGUYÊN LIỆU.

BÁO CÁO

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty, HĐQT sẽ xây dựng lịch họp thường niên hằng năm, mỗi năm ít nhất 4 lần. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập cuộc họp thường kỳ của HĐQT bất cứ lúc nào cho là cần thiết, ít nhất mỗi quý một cuộc họp. Bên cạnh 4 cuộc họp HĐQT thường kỳ được đề cập trên, HĐQT còn tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT trong năm 2016. Theo đó, các nghị quyết/ quyết định được thông qua theo hình thức này có hiệu lực và giá trị như các nghị quyết/ quyết định được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Chi tiết được quy định tại khoản 13 điều 23 Điều Lệ.



HĐQT TỔ CHỨC GIÁM SÁT VÀ CHỈ ĐẠO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG QUA CÁC CUỘC HỌP ĐỊNH KỲ VÀ CÁC CUỘC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN:

STT	Thời gian	Nội dung chính	Kết quả
1	29/1/2016	Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh 2015; Kế hoạch 2016; Đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành 2015.	HĐQT thông qua: » Kết quả sản xuất kinh doanh 2015, kế hoạch 2016. » Mức thưởng cho HĐQT và Ban Điều hành theo kết quả 2015.
2	8/4/2016	Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I/2016; Kế hoạch Quý II/2016; Thảo luận tăng tỷ lệ sở hữu cho nhà đầu tư nước ngoài; Chuẩn bị kế hoạch ĐHCĐ 2016.	HĐQT thông qua: » Kết quả sản xuất kinh doanh Quý I/2016; Kế hoạch Quý II/2016; » Chủ trương tăng tỷ lệ sở hữu lên 100% có lộ trình cho nhà đầu tư nước ngoài; » Thanh lý đất tại Đà Nẵng.
3	21/5/2016	Thảo luận về vấn đề tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Vinamilk để báo cáo ĐHCĐ thường niên 2016.	HĐQT thông qua việc không hạn chế tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Vinamilk và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để báo cáo ĐHCĐ.
4	2/8/2016	Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh Quý II/2016; Kế hoạch Quý III/2016; Bổ sung thành viên HĐQT tại Vinamilk Europe.	HĐQT thông qua: » Kết quả sản xuất kinh doanh Quý II/2016; Kế hoạch Quý III/2016; » Bổ sung thành viên HĐQT VNM Europe.
5	20/8/2016	Thảo luận về việc tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ Công ty theo quy định của pháp luật tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	HĐQT thông qua việc tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ Công ty theo quy định của pháp luật tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền: » Tăng vốn điều lệ từ 88.877.310.000 đồng lên 12.095.499.240.000 đồng. » Thời gian thực hiện: Năm 2016 » Giao Tổng Giám đốc Vinamilk tiến hành các thủ tục đăng ký.
6	16/12/2016	Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh 10 tháng 2016; Kế hoạch 2017.	HĐQT thông qua : » Kết quả sản xuất kinh doanh 10 tháng 2016; Định hướng Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017; » Dự án đầu tư dây chuyền chế biến và chiết rót chai nhựa PET và giao cho Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.
7	23/1/2017	Thông qua việc thành lập chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Lam Sơn tại Khu công nghiệp Lễ Môn, Phường Quảng Hưng, Tp. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.	HĐQT thông qua việc thành lập chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Lam Sơn tại Khu công nghiệp Lễ Môn, Phường Quảng Hưng, Tp. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

THEO ĐÓ, TÌNH HÌNH THAM DỰ CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT TẠI CÁC CUỘC HỌP ĐỊNH KỲ HĐQT NHƯ SAU:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch	4/4	100%
2	Bà Mai Kiều Liên	Thành viên	4/4	100%
3	Ông Lê Song Lai	Thành viên	4/4	100%
4	Ông Lê Anh Minh	Thành viên	4/4	100%
5	Ông Ng Jui Sia (*)	Thành viên	3/3	100%
6	Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên	4/4	100%
7	Ông Lee Meng Tat (*)	Thành viên	1/1	100%

Ghi chú: (*): Ông Lee Mang Tat được HĐQT bầu vào HĐQT để thay thế Ông Ng Jui Sia kể từ ngày 1/9/2016.

Như vậy, tất cả các thành viên đều tham dự đầy đủ các cuộc họp trong năm của HĐQT. Ngoài ra, trong mỗi cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia của BKS với vai trò quan sát viên.



KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP ĐƯỢC THỂ HIỆN QUA CÁC NGHỊ QUYẾT SAU:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-CTS.HĐQT/2016	15/1/2016	Tái cơ cấu khoản vay dài hạn của Driftwood
2	02/NQ-CTS.HĐQT/2016	29/1/2016	Chủ trương thành lập Văn phòng đại diện tại Liên bang Nga
3	03/NQ-CTS.HĐQT/2016	29/1/2016	Thay đổi người đại diện vốn tại Angkor Milk
4	04/NQ-CTS.HĐQT/2016	29/1/2016	Thưởng HĐQT, Ban Điều hành và Kế toán trưởng
5	04B/NQ-CTS.HĐQT/2016	29/1/2016	Kết quả phiên họp định kỳ ngày 29/01/2016
6	05/NQ-CTS.HĐQT/2016	15/2/2016	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về điều chỉnh ngành nghề kinh doanh
7	06/NQ-CTS.HĐQT/2016	25/2/2016	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện tại Campuchia khi hết thời hạn hoạt động
8	07/NQ-CTS.HĐQT/2016	24/3/2016	Thành lập ban kiểm phiếu để kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc thay đổi ngành nghề
9	08/NQ-CTS.HĐQT/2016	9/4/2016	Thanh lý đất tại Đà Nẵng
10	09/NQ-CTS.HĐQT/2016	13/6/2016	Quy chế cổ phiếu cho người lao động
11	10/NQ-CTS.HĐQT/2016	28/6/2016	Không giới hạn tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài
12	11/NQ-CTS.HĐQT/2016	12/7/2016	Phê duyệt thủ lao chi tiết của thành viên HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
13	12/NQ-CTS.HĐQT/2016	21/7/2016	Tạm ứng cổ tức đợt 1/2016 và ngày đăng ký cuối cùng phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
14	13/NQ-CTS.HĐQT/2016	2/8/2016	Bổ nhiệm thành viên HĐQT công ty Vinamilk Europe
15	14/NQ-CTS.HĐQT/2016	2/8/2016	Vay ngắn hạn ngân hàng
16	15/NQ-CTS.HĐQT/2016	20/8/2016	Bổ nhiệm tạm thời thành viên HĐQT - Ông Lee Meng Tat
17	16/NQ-CTS.HĐQT/2016	31/8/2016	Tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam
18	17/NQ-CTS.HĐQT/2016	9/9/2016	Điều chỉnh Quy chế Cổ phiếu nhân viên 2016
19	18/NQ-CTS.HĐQT/2016	29/9/2016	Thông qua chủ trương xây dựng nhà máy sữa
20	19/NQ-CTS.HĐQT/2016	29/9/2016	Đầu tư bổ sung tài sản cố định
21	20/NQ-CTS.HĐQT/2016	19/10/2016	Tăng vốn đầu tư vào công ty con
22	21/NQ-CTS.HĐQT/2016	28/10/2016	Chủ trương thành lập văn phòng đại diện tại Thái Lan

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ NĂM 2016

Tính đến Quý I/2017, HĐQT đã tiến hành các cuộc họp trao đổi cũng như thực thi/ giám sát thực thi để triển khai thực hiện đầy đủ các kế hoạch đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên tổ chức vào tháng 5/2016, bao gồm:

- » Cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2015:
 - » Thực hiện đầy đủ việc trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2015.
 - » Hoàn thành chi trả cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2015 (tỷ lệ thực hiện: 20%/mệnh giá - 2.000 đồng/cổ phần).
- » Kế hoạch 2016:
 - » Kế hoạch doanh thu - lợi nhuận hợp nhất năm 2016: dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành, cùng với việc giám sát và phối hợp chặt chẽ của HĐQT, Vinamilk đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của ĐHĐCĐ giao.

(Chi tiết cụ thể được trình bày tại Báo cáo kết quả hoạt động năm 2016 trang 88).

- » Điều chỉnh tổng mức đầu tư tài sản giai đoạn 2012 - 2016: HĐQT đã thực hiện điều chỉnh tổng mức đầu tư tài sản và mức phân bổ cho các đơn vị đến hết năm 2016 là 12.500 tỷ. Mức đầu tư đã thực hiện thực tế đến cuối năm 2016 là 12.731 tỷ đồng.
- » Hoàn thành việc tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2016 (tỷ lệ thực hiện: 40%/mệnh giá - 4.000 đồng/cổ phần).
- » Phát hành và niêm yết cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5:1 nhân kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty:
 - » Chọn ngày 22/8/2016 là ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ phiếu thưởng.
 - » Công bố thông tin về việc phát hành, đưa ra phương án phát hành và thực hiện đầy đủ các thủ tục phát hành theo quy định của pháp luật và niêm yết số cổ phiếu đã phát hành thêm trên HOSE.
- » Chương trình cổ phiếu cho

người lao động:

- » Ban hành và điều chỉnh quy chế cổ phiếu cho người lao động.
- » Công bố thông tin phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn của người lao động trong Công ty trong đó quy định rõ về phương án phát hành cổ phiếu.
- » Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2016:
 - » Đã thực hiện chi trả đầy đủ theo mức phê duyệt của ĐHĐCĐ.

(Chi tiết cụ thể được trình bày tại mục “Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành” trang 81)

- » Chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Sữa Lam Sơn thành chi nhánh:
 - » HĐQT đã thông qua quyết định thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Lam Sơn vào ngày 24/1/2017.
- » Tỷ lệ sở hữu cho nhà đầu tư nước ngoài:
 - » HĐQT đã thông qua nghị quyết về việc không hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Vinamilk và Công ty đã hoàn thành các thủ tục báo cáo các cơ quan chức năng về nội dung này.

👉 TÍNH ĐẾN QUÝ I/2017, HĐQT ĐÃ TIẾN HÀNH CÁC CUỘC HỌP TRAO ĐỔI CŨNG NHƯ THỰC THI/ GIÁM SÁT THỰC THI ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ CÁC KẾ HOẠCH ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN TỔ CHỨC VÀO THÁNG 5/2016. 👉

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TIỂU BAN QUẢN LÝ RỦI RO

Công tác quản trị rủi ro tiếp tục được sự quan tâm của HĐQT và sự định hướng, giám sát của Tiểu ban QLRR. Trong năm 2016, Tiểu ban QLRR đã tiến hành 4 cuộc họp để xem xét, đánh giá công tác quản trị của Công ty. Trong đó, Tiểu ban QLRR đã có những trao đổi trực tiếp với các Giám đốc Điều hành để thảo luận và cũng như định hướng để triển khai quản lý các rủi ro trọng yếu cho Công ty. Bên cạnh đó, sự phối hợp tương tác giữa Tiểu ban QLRR với Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ cũng được tăng cường nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động của các tầng bảo vệ cho Công ty trước các rủi ro trọng yếu và đảm bảo các kế hoạch hành động phù hợp được triển khai kịp thời.

Số lượng cuộc họp: 4

Nội dung cuộc họp:

- » Thảo luận các báo cáo đánh giá rủi ro định kỳ hàng quý về mức độ rủi ro và các kế hoạch hành động.
- » Thảo luận với chủ sở hữu rủi ro quan trọng (Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm về rủi ro đổi mới sáng tạo và Giám đốc Điều hành Sản xuất về rủi ro chất lượng sản phẩm, Giám đốc Điều hành Tài chính về rủi ro tỷ giá, đầu tư tài chính, Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu về rủi ro dịch bệnh đàn bò, quản lý giá sữa tươi nguyên liệu) về các rủi ro và định hướng các kiểm soát.
- » Thảo luận với Ban Kiểm soát về cách thức tương tác liên quan tới soát

👉 CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TIẾP TỤC ĐƯỢC SỰ QUAN TÂM CỦA HĐQT VÀ ĐƯỢC SỰ ĐỊNH HƯỚNG, GIÁM SÁT CỦA TIỂU BAN QLRR. 👉

xét Báo cáo tài chính và phối hợp hoạt động với Kiểm toán nội bộ.

- » Định hướng và thống nhất Kế hoạch QLRR năm 2017.

TIỂU BAN LƯƠNG THƯỞNG

Tiểu ban đã thực hiện và đệ trình HĐQT xem xét, ra quyết định các công việc liên quan đến chương trình thưởng cho nhân viên quản lý trong dài hạn gắn kết với việc đạt và vượt kế hoạch kinh doanh. Đồng thời, Tiểu ban cũng đã xem xét đánh giá kết quả hoạt động của Tổng Giám đốc, Ban Điều hành năm 2016 và đề xuất khen thưởng Tổng Giám đốc, Ban Điều hành theo kết quả thực hiện năm 2016 để HĐQT xem xét và phê duyệt.

Số lượng cuộc họp: 2

Nội dung cuộc họp:

- » Chuẩn bị và trình HĐQT chính sách cổ phiếu cho nhân viên.
- » Xem xét và trình HĐQT cơ chế lương thưởng cho Tổng Giám đốc và Ban Điều hành năm 2016.

TIỂU BAN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

Tiểu ban đã có các hoạt động giám sát công tác chuẩn bị xây dựng chiến lược cho giai đoạn 5 năm

2017 - 2021 của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành.

Số lượng cuộc họp: 2

Nội dung cuộc họp:

- » Thẩm tra và góp ý cho chiến lược kinh doanh 5 năm 2017 - 2021 được chuẩn bị bởi Ban Điều hành.
- » Thảo luận và đề xuất chính sách phát triển bền vững cùng các nội dung trọng yếu cần HĐQT phê chuẩn: bên liên quan, lĩnh vực trọng yếu và định hướng kế hoạch phát triển bền vững của Công ty.

TIỂU BAN NHÂN SỰ

Đã xem xét và đề xuất ứng viên cho HĐQT bổ nhiệm thành viên HĐQT tạm thời, thay cho ông Ng Jui Sia xin từ nhiệm. Tiểu ban Nhân sự cũng tiến hành giám sát và đánh giá định kỳ.

Số lượng cuộc họp: 2

Nội dung cuộc họp:

- » Thẩm tra, đề cử việc bầu Ông Lee Meng Tat làm thành viên HĐQT thay thế ông Ng Jui Sia.
- » Chuẩn bị nhân sự để giới thiệu ứng viên HĐQT cho nhiệm kỳ 2017 - 2021.

BÁO CÁO GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH



CĂN CỨ VÀO ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ THỰC HIỆN VIỆC KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH TRONG VIỆC ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TRIỂN KHAI CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ VÀ HĐQT TRONG NĂM 2016 NHƯ SAU:

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Phương thức giám sát

- » Hội đồng Quản trị đã tiến hành giám sát các hoạt động của TGD và thành viên Ban Điều hành các nội dung công việc:
 - › Lập kế hoạch và triển khai thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ phê duyệt;
 - › Kế hoạch đầu tư tài sản;
 - › Hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro;
 - › Lập và trình bày báo cáo tài chính;
 - › Công tác hoạch định nguồn nhân lực;
 - › Lập chiến lược cho giai đoạn 5 năm 2017 - 2021;
 - › Triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT.
- » HĐQT đã giám sát tính đầy đủ của các nội dung trên qua việc thiết lập chương trình làm việc của các cuộc họp HĐQT và các tiểu ban. Về tính hiệu lực, hiệu quả và phù hợp, HĐQT đã trao đổi, thảo luận, chất vấn TGD và Ban Điều hành tại các cuộc họp HĐQT hàng quý và qua trao đổi thư điện tử, điện thoại và gặp gỡ. Các vấn đề nổi trội, khó khăn vướng mắc đều được xác định và giải quyết một cách triệt để và phù hợp.

- » Các nội dung chuyên sâu đều được HĐQT giao phó cho các tiểu ban HĐQT triển khai thực hiện và cập nhật kết quả vào các cuộc họp định kỳ. HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS để giám sát và hỗ trợ TGD và Ban Điều hành trong việc nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát, quản lý rủi ro, tính phù hợp và tin cậy của báo cáo tài chính cũng như quản trị doanh nghiệp. Những ý kiến đóng góp của BKS đều được xem xét và cân nhắc kỹ trong các quyết định của HĐQT.
- » HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng nghị quyết/ biên bản sau mỗi kỳ họp về: các kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan để Tổng Giám đốc và Ban Điều hành có cơ sở triển khai.

Kết quả giám sát

- Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và kết quả thực tế tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, HĐQT ghi nhận kết quả như sau:
- » Dưới sự chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành, Công ty đã đạt được các mục tiêu kinh doanh năm 2016 đã đề ra: (i)



» KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ ĐƯỢC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU CHỈNH PHÙ HỢP VỚI TÌNH HÌNH THỰC TẾ KINH DOANH. HỆ THỐNG TỔ CHỨC, KIỂM SOÁT VÀ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY TIỀN PHONG TRONG VIỆC ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN TIẾN TIẾN, TIẾP TỤC NÂNG CAO HÌNH ẢNH CÔNG TY, KHẲNG ĐỊNH UY TÍN VÀ VỊ THẾ DẪN ĐẦU THỊ TRƯỜNG. »

- tiếp tục đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm; (ii) giữ vững và tăng thị phần đối với nhiều nhóm sản phẩm chủ chốt, (iii) mở rộng và tăng sự vững mạnh mạng lưới phân phối; (iv) hoạt động của các công ty con ở nước ngoài và hoạt động kinh doanh quốc tế ngày càng đa dạng.
- » Triển khai thực hiện tốt các hoạt động theo ủy quyền, phù hợp với các nghị quyết của HĐQT.
 - » Cho năm cuối nhiệm kỳ, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã hoàn thành công tác lập kế hoạch chiến lược kinh doanh 5 năm 2017 - 2021, đồng thời cũng hoàn thành công tác hoạch định nguồn lực cho việc thực thi. Ngoài ra, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành cũng đã có những thành tựu trong việc nâng tầm quản trị doanh nghiệp cũng như lĩnh vực phát triển bền vững - trách nhiệm xã hội doanh nghiệp.

HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Thực hiện theo Quy chế quản trị Công ty, HĐQT thực hiện việc đánh giá Tổng Giám đốc và Ban Điều hành dựa trên các tiêu chí sau:



Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

Tiêu chí này được đánh giá qua kết quả việc thực hiện: (i) các mục tiêu chung của Công ty và (ii) mục tiêu chất lượng của khối, phòng phụ trách của từng Giám đốc Điều hành theo mô hình Thẻ điểm cân bằng. Các mục tiêu về tài chính, khách hàng, quy trình và học hỏi phát triển đều được phân bổ tỷ lệ đóng góp một cách phù hợp cho từng vị trí.

Việc đánh giá có kết hợp với thực tế giám sát của HĐQT nêu trên.

Bốn phạm vi chung của Cán bộ quản lý cấp cao

Tiêu chí bốn phạm vi chung của Cán bộ quản lý cấp cao được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty gồm:



Việc đánh giá này được thực hiện theo 2 giai đoạn: cá nhân tự đánh giá và quản lý trực tiếp đánh giá. Đối với các Giám đốc Điều hành, HĐQT còn dựa vào kết quả đánh giá giám sát của Tổng Giám đốc.

Năng lực và kỹ năng của cán bộ quản lý cấp cao



Việc đánh giá còn được hỗ trợ bởi Bộ Năng lực Lãnh đạo được phát triển riêng cho Vinamilk. Các tiêu chí đánh giá của mỗi khía cạnh được chọn lọc từ kết quả đánh giá gần nhất. Với mục đích theo dõi sự cải thiện, phát triển của người được đánh giá qua từng thời kỳ, các tiêu chí được lựa chọn để đánh giá được thực hiện theo một quy tắc khoa học.

Kết luận

- » Theo đánh giá của HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm 2016 trong sự tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty.
- » Các nội dung về chất lượng lãnh đạo và chất lượng quản lý, chất lượng cá nhân và kiến thức - kỹ năng sẽ được chú trọng nâng cao hơn nữa trong giai đoạn 2017 - 2021.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016 VÀ NHIỆM KỲ 2012 - 2016

TỔNG KẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CỦA NHIỆM KỲ 2012 - 2016

Về đầu tư

Tổng mức đầu tư thực tế tăng **24%** so với số kế hoạch ban đầu (thực tế có 62 dự án so với 42 theo dự tính).

Công ty mẹ: **72%** tổng vốn đầu tư, các công ty con **28%**.

Đầu tư mở rộng năng lực là **79%** và đầu tư duy tu, cải tạo và tối ưu hóa năng lực hiện hữu là **21%**.

Về sản xuất kinh doanh

- » Về doanh số hợp nhất: Tổng doanh số hợp nhất năm 2016 là 46.965 tỷ đồng, tăng 16,8% so với năm 2015 và đạt 105% so với kế hoạch. Đối với kế hoạch giai đoạn 5 năm (2012 - 2016) thì tổng doanh thu lũy kế đạt 102% so với kế hoạch. Mức tăng trưởng doanh thu bình quân 14,7%/năm của giai đoạn 2012 - 2016 được xem là

khá tốt trong bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước có nhiều biến động.
- » Về lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế của 2016 và lũy kế cho giai đoạn 2012 - 2016 đều vượt chỉ tiêu lần lượt là 12,8% và 11%. Mức tăng trưởng bình quân là 12,6%/năm cho giai đoạn 2012 - 2016.

» Về thị phần: Các ngành hàng chính đều tăng ấn tượng so với các đối thủ cạnh tranh.

» Cổ tức được chia đáp ứng mong đợi của cổ đông.

» Giá trị vốn hóa của Công ty năm 2016 so với 2012 cũng tăng thật ấn tượng (3,8 lần), từ 48.104 tỷ đồng lên 182.303 tỷ đồng.

Trách nhiệm xã hội

Nhiệm kỳ 2012 - 2016 là nhiệm kỳ đầu tiên mà vấn đề trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (“CSR”) được chú trọng và Vinamilk đã có báo cáo riêng cho chủ đề này. Kết quả thực hiện cũng đã đem lại một số lợi ích nhất định về mặt quản lý và đạt một số giải thưởng xếp hạng. Nhiệm kỳ 2012 - 2016 cũng đã ban hành chính sách và thông qua định hướng dài hạn cho chủ đề này. (Chi tiết xem phần “Báo cáo phát triển bền vững”).



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Trong năm 2016, Công ty tiếp tục duy trì sự đánh giá chính thức về hiệu quả làm việc của HĐQT nói chung và sự đóng góp của từng thành viên HĐQT nói riêng.

Cuộc họp đánh giá về kết quả hoạt động của HĐQT được tổ chức vào cuộc họp cuối cùng của HĐQT trong năm với sự tham gia của tất cả các thành viên HĐQT và sự hỗ trợ của Ban Thư ký.

Tiêu chí đánh giá: Hành vi và hiệu quả hoạt động, được thể hiện qua các khía cạnh:

» Kết quả doanh thu, lợi nhuận và các chỉ số phi tài chính khác.
- » Tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập, không điều hành, điều hành trong cơ cấu thành viên HĐQT.

» Số cuộc họp của HĐQT, của các tiểu ban và các nội dung được đề ra trong từng cuộc họp.

» Số lượng các trường hợp về xung đột lợi ích có xảy ra.

» Việc tuân thủ quy định về bảo mật thông tin.

» HĐQT tham gia các chương trình đào tạo về quản lý.

» Xây dựng chính sách thù lao cho HĐQT.
- » Các chính sách mới được phát triển và ban hành.

Hình thức đánh giá: Sử dụng một số câu hỏi được chọn lọc từ Tài liệu hướng dẫn đánh giá HĐQT của Tổ chức tài chính quốc tế (“IFC”) với thang điểm đánh giá 5 mức độ.

Qua kết quả thực hiện cho thấy, trong năm qua, HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và đem lại hiệu quả tốt nhất có thể cho Công ty. Các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT về quản trị, giám sát, chiến lược, quản trị rủi ro, nhân sự và lương thưởng,... đã được giải quyết một cách chuyên nghiệp.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ vào Quy chế Quản trị Công ty, việc đánh giá từng thành viên HĐQT sẽ được thực hiện ít nhất một năm một lần. Cụ thể, cuộc họp đánh giá về kết quả hoạt động của HĐQT được tổ chức vào cuộc họp cuối cùng của HĐQT trong năm với thành phần tham gia: tất cả các thành viên HĐQT và sự hỗ trợ của Ban Thư ký.

Hình thức đánh giá: Thành viên HĐQT tự đánh giá qua bảng câu hỏi với các nội dung:

- » Sự chuẩn bị, hiện diện và đóng góp tại các cuộc họp HĐQT, tiểu ban.
- » Phẩm chất cá nhân, tính chuyên nghiệp và 4 bốn phận.

Kết quả đánh giá được Ban Thư ký tổng hợp và thông tin để có sự đánh giá chung của tất cả các thành viên HĐQT.

Kết quả: Trong năm 2016, toàn bộ các thành viên HĐQT đạt kết quả tốt. Mỗi thành viên đều chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình, làm tốt bốn phận và có sự đóng góp chuyên nghiệp vào các quyết định chung của HĐQT.



CÁC NỘI DUNG KHÁC CỦA VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Công ty chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên. Ngoài ra, Công ty cũng mua bảo hiểm trách nhiệm cho thành viên HĐQT, thành viên BKS và bảo hiểm sức khỏe cho các thành viên và người thân như chế độ áp dụng đối với Giám đốc Điều hành.

HĐQT quyết định lương, thưởng và các khoản lợi ích tài chính khác của Tổng Giám đốc và phê duyệt khung lương, thưởng của các Giám đốc Điều hành dựa trên đề xuất của Tổng Giám đốc.

Thù lao cho mỗi thành viên HĐQT trong năm tài chính 2016 được trình bày trong bảng sau:

STT	Thành viên HĐQT	Thù lao (triệu đồng)
1	Bà Lê Thị Băng Tâm	3.442
2	Bà Mai Kiều Liên	761
3	Ông Lê Song Lai	2.352
4	Ông Lê Anh Minh	2.332
5	Ông Ng Jui Sia	1.574
6	Ông Lee Meng Tat	777
7	Bà Ngô Thị Thu Trang	761

Thù lao và chi phí cho mỗi thành viên BKS trong năm tài chính 2016 được trình bày trong bảng sau:

STT	Thành viên BKS	Thù lao (triệu đồng)
1	Ông Nguyễn Trung Kiên	953
2	Ông Nguyễn Đình An	595
3	Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	752
4	Ông Vũ Trí Thức	700

Lương, thưởng và các lợi ích khác của Ban Điều hành

STT	Thành viên BDH	Lương	Thưởng	Tổng cộng
1	Mai Kiều Liên	27%	73%	100%
2	Ngô Thị Thu Trang	51%	49%	100%
3	Nguyễn Thị Thanh Hòa	50%	50%	100%
4	Trần Minh Văn	51%	49%	100%
5	Nguyễn Quốc Khánh	51%	49%	100%
6	Mai Hoài Anh	51%	49%	100%
7	Phan Minh Tiên	51%	49%	100%
8	Bùi Thị Hương	51%	49%	100%
9	Trịnh Quốc Dũng	50%	50%	100%
10	Lê Thành Liêm	51%	49%	100%



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ			Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm			Giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Tăng		Giảm	
								Mua	Cổ phiếu thưởng tỷ lệ 5:1		
Hội đồng Quản trị											
1	Mai Kiều Liên	Thành viên HĐQT, TGD	3.262.291	0,27%		4.111.420	0,28%	163.893	685.236	849.129	
2	Ngô Thị Thu Trang	Thành viên HĐQT, GĐĐH	988.360	0,08%		1.080.075	0,07%	54.203	195.512	249.715	(158.000)
Ban Kiểm soát											
1	Nguyễn Trung Kiên	Trưởng BKS	32.400	0,00%		38.880	0,00%		6.480	6.480	
2	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên BKS	33.703	0,00%		35.000	0,00%		6.740	6.740	(5.443)
Ban Điều hành											
1	Mai Hoài Anh	Giám đốc Điều hành	219.348	0,02%		355.911	0,02%	77.245	59.318	136.563	
2	Trịnh Quốc Dũng	Giám đốc Điều hành	139.831	0,01%		209.688	0,01%	34.909	34.948	69.857	
3	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Giám đốc Điều hành	766.389	0,06%		752.906	0,05%	72.700	163.817	236.517	(250.000)
4	Bùi Thị Hương	Giám đốc Điều hành	10.002	0,00%		59.846	0,00%	39.870	9.974	49.844	
5	Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Điều hành	54.662	0,00%		20.664	0,00%	45.892	8.110	54.002	(88.000)
6	Lê Thành Liêm	Giám đốc Điều hành	208.850	0,02%		298.718	0,02%	40.082	49.786	89.868	
7	Phan Minh Tiên	Giám đốc Điều hành	24.000	0,00%		80.359	0,01%	42.966	13.393	56.359	
8	Trần Minh Văn	Giám đốc Điều hành	460.843	0,04%		616.137	0,04%	52.605	102.689	155.294	

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ			Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm			
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Tăng		Giảm	
								Mua	Cổ phiếu thưởng tỷ lệ 5:1	Tổng cộng	
Các bên có liên quan											
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước	Lê Song Lai và Ngô Thị Thu Trang	541.054.080	45,06%		570.886.596	39,33%	0	108.210.816	108.210.816	(78.378.300)
2	Amersham Industries Limited	Lê Anh Minh	11.551.262	0,96%		10.341.514	0,71%	0	2.310.252	2.310.252	(3.520.000)
3	DC Developing Markets Strategies Public Limited Company	Lê Anh Minh	274.646	0,02%		824.615	0,06%	514.200	80.769	594.969	(45.000)
4	Grinling International Limited	Lê Anh Minh	5.351.018	0,45%		5.441.221	0,37%	0	1.070.203	1.070.203	(980.000)
5	Norges Bank	Lê Anh Minh	5.529.200	0,46%		6.635.040	0,46%	0	1.105.840	1.105.840	
6	The CH/SE Asia Investment Holdings (Singapore) Pte. Ltd.	Lê Anh Minh	197.388	0,02%		100.000	0,01%	0	39.477	39.477	(136.865)
7	Vietnam Enterprise Investments Limited	Lê Anh Minh	12.643.612	1,05%		9.728.612	0,67%	0		0	(2.915.000)
8	F&N Dairy Investments Pte. Ltd.	Ng Jui Sia và Lee Meng Tat	132.490.778	11,03%		198.178.083	13,65%	39.189.150	26.498.155	65.687.305	
9	F&Nbev Manufacturing Pte. Ltd.	Ng Jui Sia và Lee Meng Tat	0	0,00%		39.189.150	2,70%	39.189.150		39.189.150	
10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư SCIC	Lê Song Lai	11	0,00%		336.070	0,02%	1.280.510		1.280.510	(944.451)
11	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Lê Song Lai	50.000	0,00%		0	0,00%	0			(50.000)
12	Mai Quang Liêm	Em trai bà Mai Kiều Liên	145.884	0,01%		86.896	0,01%	1.530	29.482	31.012	(90.000)
13	Nguyễn Minh Ấn	Em trai bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	127.980	0,01%		174.807	0,01%	17.693	29.134	46.827	
14	Dương Thị Ngọc Trinh	Mẹ của ông Mai Hoài Anh	176.904	0,01%		212.284	0,01%	0	35.380	35.380	

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Căn cứ theo Điều lệ Công ty về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi có quy định cụ thể như sau:

- » Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý cấp cao không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
- » Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý cấp cao có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan.
- » Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước HĐQT, BKS và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Trong năm 2016, Công ty không nhận được bất kỳ thông báo nào từ các thành viên này về việc phát sinh các giao dịch. Công ty cũng không có bất kỳ các khoản vay, bảo lãnh hoặc cho vay đối với các thành viên trên hay người có liên quan của họ.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các quy định, quy chế và hoạt động của Công ty đều tuân thủ theo các quy định về Quản trị Công ty của pháp luật. Tất cả các thông tin liên quan đến tình hình quản trị của Công ty đều được công bố đúng thời hạn theo quy định của pháp luật. Cụ thể, trong

năm 2016, Công ty đã có hơn 50 lần công bố, tất cả đều phù hợp với luật định và không phát sinh bất cứ vi phạm nào.

Trong năm 2016, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động nhằm nâng cao chất lượng quản trị trong đó tiêu biểu là:

- » Soát xét, bổ sung sửa đổi để tích hợp các nội dung quản trị.
- » Nghiên cứu, xem xét và quyết định thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức (từ Ban Kiểm soát sang Tiểu ban Kiểm toán).
- » HĐQT chính thức phụ trách nội dung Phát triển bền vững.



ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT bàn bạc, thảo luận và đi đến thống nhất các lĩnh vực, khía cạnh mà HĐQT có thể tập trung và nâng cao hiệu quả hoạt động hơn nữa trong 5 năm tiếp theo bao gồm:



Cơ quan giúp việc - Thư ký Công ty - cũng sẽ được nâng cao chất lượng:

- » Các vai trò của Thư ký theo các chuẩn mực tiên tiến.
- » Cấu trúc và năng lực của Ban Thư ký.

BÁO CÁO
CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

👉 NĂM 2016, NĂM CUỐI CỦA KẾ HOẠCH 5 NĂM 2012 - 2016, NĂM KỶ NIỆM 40 NĂM NGÀY THÀNH LẬP VINAMILK, BAN ĐIỀU HÀNH ĐÁNH GIÁ ĐÂY LÀ MỘT NĂM THÀNH CÔNG VỚI NHIỀU KẾT QUẢ VÀ THÀNH TỰU. 👉

TỔNG DOANH THU
46.965
TỶ ĐỒNG
ĐẠT 105% SO VỚI KẾ HOẠCH

TỔNG QUAN

Năm 2016, năm cuối của kế hoạch 5 năm 2012 - 2016, năm kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Vinamilk, Ban Điều hành đánh giá đây là một năm thành công với nhiều kết quả và thành tựu.

Nhờ sự nỗ lực trong điều hành và quản lý, các chỉ số tài chính và phi tài chính đều rất tốt, phản ánh chính xác, đầy đủ tình hình thực hiện thực tế so với kế hoạch mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó:

- » Về doanh số: 46.965 tỷ đồng đạt 105% so với kế hoạch.
- » Về thị phần: cả 5 ngành hàng chính sữa nước, sữa bột, sữa chua ăn, sữa chua uống và sữa đặc đều tăng thị phần so với 2015.
- » Về lợi nhuận: 11.238 tỷ đồng đạt 112% so với kế hoạch.

Với kết quả trên, như vậy so với kế hoạch 5 năm được đề ra tại ĐHĐCĐ năm 2012, Ban Điều hành báo cáo và giải trình các kết quả như sau:

- » Về tổng doanh số 5 năm: 181.579 tỷ đồng đạt 102 % so với kế hoạch. Mức tăng bình quân hàng năm là 14,7%. Đây là mức tăng trưởng khá cao trong điều kiện thị trường cạnh tranh và kinh tế vĩ mô có nhiều biến động.
- » Về tổng lợi nhuận trước thuế 5 năm: 43.158 tỷ đồng đạt 110% so với kế hoạch. Mức tăng bình quân năm là 12,8%, và đáp ứng mong đợi của cổ đông.
- » Về thị phần 2016 so với 2012: các ngành hàng sữa nước đã tăng thị phần từ 45,9% lên 54,5%, sữa bột trẻ em tăng từ 21,7% lên 25,1% ở 6 thành phố lớn và đạt 40,6% thị phần trên toàn quốc năm 2016, sữa chua uống đã tăng thị phần từ 24,4% lên 33,9%, sữa đặc đã tăng thị phần từ 79,4% lên 79,7%.
- » Về chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn đạt mức cao và duy trì ổn định trong suốt nhiệm kỳ ROE ~ 40% và ROA ~ 30%. Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu tăng bình quân lần lượt là 10,5% và 9,7%/năm trong 5 năm qua.

👉 VỀ CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN ĐẠT MỨC CAO VÀ DUY TRÌ ỔN ĐỊNH TRONG SUỐT NHIỆM KỲ ROE ~ 40% VÀ ROA ~ 30%. TỔNG TÀI SẢN VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU TĂNG BÌNH QUÂN LẦN LƯỢT LÀ 10,5% VÀ 9,7%/NĂM TRONG 5 NĂM QUA. 👉

Kết quả này đã góp phần làm tăng giá trị vốn hóa của Công ty lên 3,8 lần, từ 48.104 tỷ đồng (2012) lên 182.303 tỷ đồng (năm 2016).

Riêng năm 2016, theo phân tích đánh giá của Ban Điều hành, các thành tựu đạt được nêu trên là kết quả của các yếu tố thành công sau:

- » Nắm bắt kịp thời nhu cầu thị trường và tiến bộ công nghệ, đưa ra nhiều sản phẩm với đặc tính và lợi ích đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Với thị trường nước ngoài, sự hiện diện ở 43 quốc gia và vùng lãnh thổ cũng đem lại một doanh số đáng kể.

LỢI NHUẬN
11.238

TỶ ĐỒNG
ĐẠT 112% SO VỚI KẾ HOẠCH

GIÁ TRỊ VỐN HÓA
182.303
TỶ ĐỒNG



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

- » Sự phối hợp hiệu quả giữa các chức năng tiếp thị - phát triển sản phẩm - phân phối đã mang lại kết quả tốt trong chuỗi giá trị mà nổi bật là sự xuất hiện của kênh thương mại điện tử và sản phẩm hữu cơ theo tiêu chuẩn châu Âu.
- » Các bộ phận hậu cần mua hàng - trang trại - sản xuất - logistic đã hoàn thành tốt chức năng của mình và liên kết chặt chẽ với tiến tuyến.
- » Sự nỗ lực, sáng tạo, đầy nhiệt huyết của hơn 6.000 cấp quản lý và nhân viên.
- » Sự hợp tác linh hoạt và vững chắc của các đối tác, nhà cung cấp.

Về hệ thống: Năm 2016, Công ty đã tiến hành một số cải tiến thay đổi

trong cơ cấu quản trị: tái xem xét và hoàn thiện cơ cấu tổ chức các chức năng trong chuỗi giá trị lẫn phụ trợ. Khởi động thành công bước đầu trong việc tăng giá trị và hiệu suất thông qua áp dụng tinh thần tinh gọn LEAN.

Ban Điều hành tin rằng, với động lực từ những gì đã hoàn thành và chuẩn bị đến năm 2016, cùng với các hành trang “sáng tạo”, “đổi mới”, Vinamilk sẽ vượt qua các khó khăn, thách thức của những năm tiếp theo.

NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT

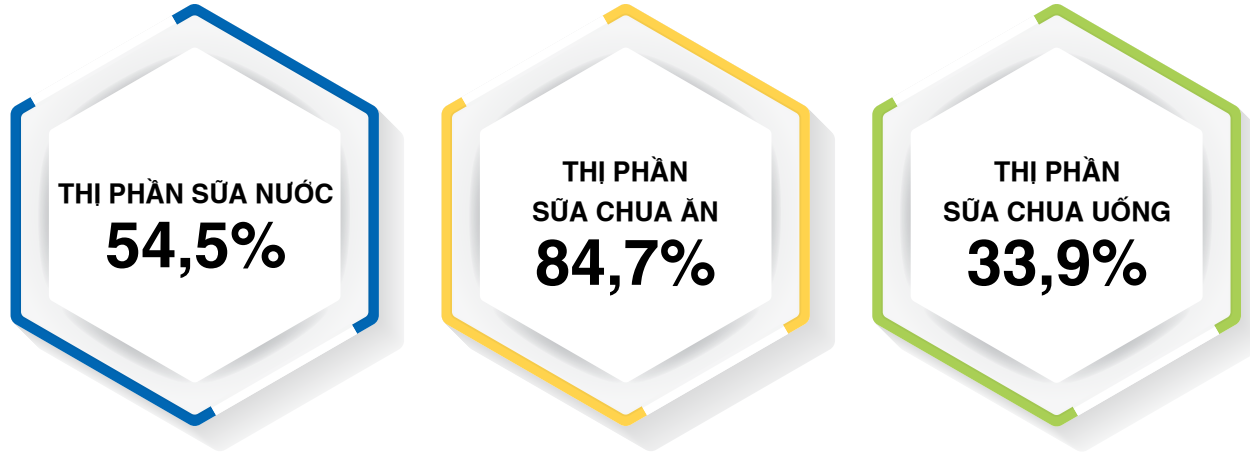
Hoạt động tiếp thị

Năm 2016 đánh dấu một năm thành công của hoạt động marketing mà đáng kể nhất ở 3 khía cạnh sau:

- » Với gần 30 sản phẩm mới thuộc 6 ngành hàng, việc cải tiến đã đem lại cho khách hàng một danh mục sản phẩm phong phú đa dạng và tiên phong. Đặc biệt gây dấu ấn là các dòng sữa chua uống nha đam lựu đỏ, sữa tươi hữu cơ (organic) theo tiêu chuẩn Mỹ lẫn châu Âu với sự hỗ trợ truyền thông tiếp thị kịp thời và hiệu quả của rất nhiều kênh phương tiện thông tin.
- » Hoạt động truyền thông tiếp thị mạnh mẽ và ấn tượng đã đóng góp một phần không nhỏ trong các thành tựu đạt được, đặc biệt là sự phát triển của tiếp thị số (digital communication) qua kênh youtube và các mạng xã hội.



“NĂM 2016 LÀ NĂM THAY ĐỔI VƯỢT BẬC TRONG VIỆC GIA TĂNG SỰ HIỆN DIỆN CỦA SẢN PHẨM VINAMILK TRÊN THỊ TRƯỜNG.”



- » Kết quả tất yếu và đáng tự hào là chỉ số thị phần tăng ở 3 ngành hàng chủ lực: sữa nước tăng 1,5% lên 54,5%, sữa chua ăn tăng 0,4% lên 84,7% và sữa chua uống tăng đột phá 1,9% lên 33,9%.

Hoạt động nghiên cứu và phát triển (R & D)

- » Để đáp ứng xu thế và dẫn dắt thị trường, công tác nghiên cứu và phát triển trong năm 2016 tập trung chú trọng 3 xu hướng chính: (i) đa dạng hóa ngành hàng sữa chua, sữa tươi qua sự kết hợp trái cây nhiệt đới giàu vi chất; (ii) đa dạng hóa sữa bột, bột dinh dưỡng

thông qua việc tích hợp, bổ sung nhiều vi chất đa dạng để thỏa mãn các nhu cầu khác nhau về chức năng; (iii) đa dạng hóa các sản phẩm khác với nhiều kích cỡ và kỹ thuật bao bì.

- » Đồng thời, hoạt động nghiên cứu đã đánh dấu sự hợp tác với nhiều trung tâm nghiên cứu lớn, uy tín trong và ngoài nước theo hướng tích hợp dọc nhằm nâng cao hơn nữa trách nhiệm sản phẩm đối với người tiêu dùng. Các dòng sản phẩm sữa bột cho trẻ em, sữa bột công dụng đặc trị đã đạt được các tiêu chuẩn cao nhất.

- » Trong việc nắm bắt kịp thời nhu cầu, hiệu quả sản phẩm và nâng cao thêm giá trị cộng thêm cho người tiêu dùng, Trung tâm dinh dưỡng và Phòng khám An Khang của Công ty đã kết hợp công tác tư vấn dinh dưỡng và khám bệnh thực tế bằng nhiều hình thức như tư vấn online và các kênh truyền thông điện tử nói chung, câu lạc bộ về bệnh tiểu đường,...

Hoạt động kinh doanh phân phối

- » Nội địa:
 - » Năm 2016 là năm thay đổi vượt bậc trong việc gia tăng sự hiện diện của sản phẩm Vinamilk trên thị trường. Thành quả này là kết quả cộng hưởng từ hệ thống phân phối ngày càng sâu rộng của Vinamilk, phân phối đạt trên 85%, số điểm bán lẻ của Vinamilk lên đến 220.000 điểm được phục vụ trực tiếp từ các nhà phân phối, và chuỗi cửa hàng “Giấc mơ sữa Việt” đã lên



“ VIỆC CHỦ ĐỘNG ĐƯA RA KỊP THỜI CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾP THỊ KHUYẾN DÙNG HIỆU QUẢ LÀ MỘT NHÂN TỐ GÓP PHẦN VÀO SỰ THÀNH CÔNG TRONG VIỆC GIA TĂNG THỊ PHẦN VÀ GIỮ VỮNG VỊ THẾ VINAMILK TRÊN THỊ TRƯỜNG. ”



đến con số 218, 100% siêu thị và cửa hàng tiện lợi đều bán các sản phẩm Vinamilk. Một điểm nhấn mới trong việc tăng sự thuận tiện cho người tiêu dùng là sự ra đời của kênh thương mại điện tử với sự hợp tác của đối tác đáng tin cậy và hệ thống cửa hàng “Giấc mơ sữa Việt”.

› Việc chủ động đưa ra kịp thời các hoạt động tiếp thị khuyến dùng hiệu quả là một nhân tố góp phần vào sự thành công trong việc gia tăng thị phần và giữ vững vị thế Vinamilk trên thị trường.

› Cuối cùng, không thể không đề cập đến cuộc cách mạng trong hệ thống phân phối là chương trình tái cấu trúc và tăng cường năng lực hệ thống các nhà phân phối. Các nhà phân phối đã được tái quy hoạch theo hướng gia tăng độ lớn, nâng mức thỏa mãn điểm lẻ và đạt hiệu quả cao khi khai thác tốt lợi thế độ lớn.

» Kinh doanh quốc tế

› Năm 2016, mảng kinh doanh quốc tế đã gặt hái được nhiều thành quả. Kim ngạch

xuất khẩu của Vinamilk đạt 5.745 tỷ đồng, tương đương 258,5 triệu USD, tăng trưởng 9% so với năm 2015.

› Với sự hoạt động mạnh mẽ và đa dạng trong công tác xúc tiến thương mại, sự phối hợp chặt chẽ giữa chiến lược thâm nhập, định vị thương hiệu và chiến lược tiếp thị tổng hợp, hình ảnh và các sản phẩm của Vinamilk đã có bước đi đáng kể trong công cuộc thâm nhập thị trường quốc tế, phát triển các thị trường xuất khẩu mới như Dubai, Bangladesh, Mông Cổ, Hồng Kông và Tanzania.

› Với nhiều nỗ lực, Vinamilk vinh dự được chọn là doanh nghiệp đầu tiên của Việt Nam được tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở ASEAN. Thành quả này sẽ là tiền đề thuận lợi trong việc hướng đến danh mục các thị trường tiềm năng và trọng điểm vừa được phân tích, đánh giá hoàn thành trong năm 2016 và chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm tiếp theo.

Hoạt động mua hàng và chuỗi cung ứng

» Chú trọng vào khâu ảnh hưởng lớn đến chuỗi giá trị, công tác mua hàng đã được hoàn thiện thông qua nâng cấp cơ chế đánh giá nhà cung cấp và kiểm soát mua hàng nhằm đem lại sự tối ưu về chi phí mua trong sự theo sát các quy định, ràng buộc và điều kiện được đưa ra bởi các hiệp định thương mại như Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (“TPP”) và Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ (“NAFTA”).

“ NGUỒN LỰC SẢN XUẤT ĐÃ ÁP DỤNG NHIỀU PHƯƠNG PHÁP KỸ THUẬT ĐỂ NÂNG CAO HIỆU SUẤT KHAI THÁC NĂNG LỰC MÁY MÓC THIẾT BỊ. NĂM 2016, VIỆC PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ VÀ THỰC HIỆN QUY HOẠCH CƠ SỞ SẢN XUẤT CHO 5 NĂM TIẾP THEO ĐÃ CƠ BẢN HOÀN THÀNH. ”



» Kết hợp song song việc phân tích đánh giá kịp thời và công tác hậu cần về hàng hóa, nguyên vật liệu, kho bãi,... để hoàn thiện chuỗi cung ứng phù hợp với hoạch định hệ thống các nhà máy sản xuất ở trong và ngoài nước.

» Hoạt động vận chuyển đã có nhiều biện pháp cải tiến như linh động nhiều phương thức vận chuyển, tái cơ cấu và quy hoạch hệ thống nhà cung cấp vận chuyển, áp dụng thêm nữa công nghệ thông tin để quản lý công tác vận chuyển và chất lượng dịch vụ vận chuyển.

Hoạt động sản xuất

» Với tôn chỉ đảm bảo chất lượng sản phẩm trong sản xuất là mục tiêu hàng đầu, việc thực hiện nâng cấp và đổi mới các quy định quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm đã được thực thi trên diện rộng trong năm 2016. Ngoài ra, công tác kiểm soát lưu trữ, truy vết đã được thiết kế theo hướng tích hợp hơn nữa công nghệ thông tin.

» Nguồn lực sản xuất đã áp dụng nhiều phương pháp kỹ thuật để nâng cao hiệu suất khai thác năng lực máy móc thiết bị. Năm 2016, việc phân tích, đánh giá và thực hiện quy hoạch cơ sở sản xuất cho 5 năm tiếp theo đã cơ bản hoàn thành.

» Nhằm thỏa mãn các yêu cầu khác trong nước và đạt chuẩn quốc tế, hệ thống tiêu chuẩn sản phẩm và quy trình thực hiện của Vinamilk đã được tích hợp các tiêu chuẩn và quy chuẩn sản





👉 VỚI HỆ THỐNG TRANG TRẠI, VIỆC HỢP TÁC SÂU RỘNG VỚI CÁC TỔ CHỨC, VIỆN NGHIÊN CỨU HÀNG ĐẦU VỀ SỨC KHỎE SINH SẢN, KHẨU PHẦN THỨC ĂN DINH DƯỠNG, HỆ THỐNG VẮT VÀ NUÔI BÒ, KỂ CẢ TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT ĐÃ ĐEM LẠI KẾT QUẢ TO LỚN. 👉

xuất theo quy định của thế giới (FDA, BRC...); Và đặc biệt, tất cả các hoạt động đã được phân tích tích hợp theo hướng đảm bảo về môi trường, an toàn và sức khỏe, hướng tới phát triển bền vững.

Trang trại - vùng nguyên liệu

- » Là một mắt xích quan trọng trong việc đảm bảo nguồn cung nội địa, hệ thống trang trại bò sữa Việt Nam đã có

những bước đi ngoạn mục trong năm 2016. Khởi đầu là sự hợp tác với một số nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi lớn và có uy tín để đặc chế ra công thức thức ăn cho bò sữa trong điều kiện Việt Nam. Chương trình này đã được thử nghiệm rộng khắp các trang trại của Vinamilk và triển khai rộng đến hàng ngàn hộ chăn nuôi bò sữa. Lợi ích to lớn không chỉ ở việc đảm bảo kiểm soát được chất lượng thức ăn đầu vào đầy đủ dinh dưỡng và ngăn ngừa dịch bệnh, mà còn tiết kiệm chi phí cho hộ chăn nuôi - tổng lợi ích lên đến 51 tỷ đồng. Bên cạnh đó, hệ thống trạm thu mua sữa đã được quy hoạch và nâng tầm nhằm đảm bảo thuận tiện nhất cho hộ chăn nuôi và đảm

bảo chất lượng cũng như phù hợp với hệ thống nhà máy sản xuất của Vinamilk. Cuối cùng, chất lượng công tác tư vấn của Công ty đối với hộ chăn nuôi trong việc lựa chọn con giống, cách chăm sóc sức khỏe, thú y,... đã đem lại kết quả đáng khích lệ.

» Với hệ thống trang trại, việc hợp tác sâu rộng với các tổ chức, viện nghiên cứu hàng đầu về sức khỏe sinh sản, khẩu phần thức ăn dinh dưỡng, hệ thống vắt và nuôi bò, kể cả trong lĩnh vực trồng trọt đã đem lại kết quả to lớn. Chất lượng đàn bò, bê đã tiến một bước qua hàng loạt kỹ thuật chăn nuôi, nhiều công thức thức ăn đặc thù, các quy trình

về phòng chống bệnh tật, làm mát môi trường, vệ sinh môi trường, vắt sữa... và kết quả cuối cùng là năng suất sữa thu hoạch đã gần chạm mức của các nước tiên tiến 30 lít/ngày.

» Để chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm tiếp theo, công tác quy hoạch hệ thống trang trại chăn nuôi bò sữa với hệ thống nhà máy sản xuất đã hoàn thành. Sẽ là thiếu sót khi không kể đến việc đưa vào vận hành trang trại bò sữa organic đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam tại tỉnh Lâm Đồng - đánh dấu việc Việt Nam đủ năng lực để sản xuất ra nguồn sữa nguyên liệu đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của châu Âu.

Đầu tư dự án cơ sở hạ tầng

- » Các dự án trọng điểm đã được phân tích, đánh giá, lập kế hoạch và phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả.
- » Công tác thực thi, hoàn thành và đưa vào sử dụng đúng tiến độ, phù hợp kế hoạch định về phân bổ vốn và giải ngân.
- » Công tác hoạch định NCC và lựa chọn MMTB theo hướng nắm bắt những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới nhất, năng suất cao, hiệu quả cao.
- » Toàn bộ các quy trình, quy định trong việc chuẩn bị dự án và thực thi dự án được hoàn thiện theo hướng rút ngắn thực hiện các khâu quy định.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

📍 NGUỒN LỰC SẢN XUẤT ĐÃ ÁP DỤNG NHIỀU PHƯƠNG PHÁP KỸ THUẬT ĐỂ NÂNG CAO HIỆU SUẤT KHAI THÁC NĂNG LỰC MÁY MÓC THIẾT BỊ. NĂM 2016, VIỆC PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ VÀ THỰC HIỆN QUY HOẠCH CƠ SỞ SẢN XUẤT CHO 5 NĂM TIẾP THEO ĐÃ CƠ BẢN HOÀN THÀNH. 📍



Nhân sự

» Nhận thức tầm quan trọng của nguồn nhân lực - tài sản vô hình vô cùng quan trọng - hàng loạt các chương trình dự án quan trọng và có tính hệ thống đã được khởi động, triển khai và thực thi như: Nhân sự kế thừa,

Quản trị nhân tài, Quản trị viên tập sự 2016 (đợt 2),... với nhiều cột mốc đáng kể.

» Với vai trò là đầu tàu dẫn dắt, tất cả các cấp quản lý đã được huấn luyện/ tái huấn luyện chương trình Mô thức lãnh đạo - một phần rất quan trọng cho sự thành

công của Vinamilk trong tương lai. Cụ thể, các giá trị thực hành được kỳ vọng, “coaching”, “what to stop”, “6 nguyên tắc & 7 hành vi” về văn hóa và lãnh đạo đã đem lại nhiều lợi ích thiết thực trong việc cụ thể hóa các giá trị đạo đức và thực hành trong giai đoạn mới.

» Ngoài ra, việc hoàn tất và triển khai Bộ năng lực chung cùng với các cải tiến trong chính sách đào tạo là hành trang cần thiết cho việc hoạch định nguồn nhân lực vững mạnh trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

Tài chính

» Các hoạt động kinh doanh trong năm 2016 đã được hỗ trợ một cách hiệu quả thông qua việc đổi mới, nâng cao chất lượng và cung cấp một cách kịp thời, đầy đủ, đáng tin cậy các báo cáo quản trị đa dạng đến Ban Điều hành.

Cụ thể, các báo cáo phân tích, đánh giá theo ngành hàng, theo trung tâm chi phí - lợi nhuận (trong và ngoài nước) được thực hiện theo hướng tích hợp phương pháp xác định chi phí dựa trên hoạt động (activity-based costing) theo chuẩn của các công ty cùng quy mô và/ hoặc trong sự liên hệ với ngân sách năm đã giúp Ban Điều hành đưa ra những quyết định kịp thời và đúng đắn.

» Về báo cáo tài chính, Công ty đã triển khai sử dụng chương trình quản lý tổng thể ERP cho các trang trại bò và nâng cao chất lượng của báo cáo tài chính riêng và hợp nhất, đảm bảo kịp thời tiến độ mong đợi.

Các chức năng hỗ trợ khác

Cuối cùng nhưng không kém quan trọng là hoạt động của các phòng ban hỗ trợ.

» Công tác đối ngoại: Với sự tập trung chú trọng các hợp tác quan trọng đối với nhiều đối tác chọn lọc và thông qua nhiều chương trình hành động hiệu quả, uy tín và hình ảnh của Vinamilk ở trong nước và quốc tế đã được nhân rộng và tạo ấn tượng tốt.

» Bộ phận truyền thông nội bộ được xác lập và đã tạo một cuộc cách mạng trong truyền thông nội bộ thông qua nhiều hình thức đa dạng như website, sổ tay văn hóa, Bộ nhận diện thương hiệu, phong trào sáng kiến “Đi tìm kim cương”,... nhằm nâng cao môi trường làm việc, thúc đẩy hợp tác, nâng cao sự hài lòng và gắn kết của nhân viên đối với Công ty.

» Quan hệ đầu tư: Các công tác đa dạng và hiệu quả đã cung cấp

thông tin, ghi nhận đầy đủ các mối quan tâm của các cổ đông cũng như nhà đầu tư đã giúp duy trì và nâng cao uy tín của Công ty.

» Kiểm soát hệ thống và IT đã tích hợp thành công an ninh thông tin ISO 27001 vào hệ thống quản lý ISO chung của Công ty; Quản lý rủi ro đã hoàn thiện hồ sơ rủi ro, các phương pháp kỹ thuật đánh giá hệ thống kiểm soát, và giám sát một cách kịp thời hiệu quả các rủi ro hàng đầu; Bộ phận pháp lý đã hoàn thành tốt các công tác sáp nhập Công ty Sữa Lam Sơn, mua nâng sở hữu tại Driftwood và các dự án hợp tác kinh doanh tại nước ngoài.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CHUNG

Bằng việc đạt được kết quả kinh doanh tốt trong năm và quản lý chặt chẽ vốn lưu động cũng như tài sản dài hạn, tình hình tài chính của Công ty tiếp tục duy trì được sự ổn định qua các năm. Với mức lợi nhuận cao trong năm 2016, vốn chủ sở hữu và tổng tài sản đã tăng lên lần lượt là 7,1% và 6,9% so với năm 2015.

ĐVT: Tỷ đồng

	Năm 2016	Năm 2015	% tăng/ (giảm)
Vốn chủ sở hữu	22.406	20.924	7,1%
Tổng nguồn vốn	29.379	27.478	6,9%
Doanh thu thuần	46.794	40.080	16,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.160	9.271	20,4%
Lợi nhuận trước thuế	11.238	9.367	20,0%
Lợi nhuận sau thuế	9.364	7.770	20,5%

Về quản lý vốn lưu động

- » *Vốn bằng tiền:* Nhờ các kết quả đạt được do sản xuất kinh doanh hiệu quả, giá trị vốn bằng tiền của Công ty luôn duy trì ở mức cao; đồng thời dòng tiền được quản lý một cách hiệu quả và an toàn. Chính sách quản lý rủi ro được thiết lập nhằm đảm bảo các khoản tiền gửi kỳ hạn luôn ở mức an toàn tối ưu và linh hoạt, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm.

» *Nợ phải thu khách hàng:* Chiếm 11,7% tài sản ngắn hạn. Nợ quá hạn dưới 30 ngày chỉ chiếm khoảng 2% số dư nợ phải thu và là nợ quá hạn thông thường, được thanh toán đầy đủ. Nợ quá hơn 30 ngày và nợ
- khó đòi hầu như không đáng kể. Vòng quay nợ phải thu cải thiện hơn, tăng từ 19,1 lần trong năm 2015 lên 21,3 lần trong năm 2016. Đây là kết quả của việc Công ty đã duy trì chính sách công nợ hợp lý và chặt chẽ trong những năm qua.

» *Hàng tồn kho:* Chiếm 24,2% tài sản ngắn hạn. Chỉ số vòng quay hàng tồn kho tuy có giảm so với 2015 (từ 6,4 lần xuống 5,8 lần), nhưng vẫn nằm trong mức hợp lý và ổn định, phù hợp với chính sách quản lý hàng tồn kho của Công ty. Công ty không để xảy ra tình trạng hàng tồn kho chậm lưu chuyển nào đáng kể trong 2016 cũng như trong nhiều năm qua.
- » *Nợ phải trả ngắn hạn:* Chiếm 22% tổng nguồn vốn. Công ty đã và đang duy trì chính sách thanh toán với nhà cung cấp hợp lý và chặt chẽ, phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

Về quản lý tài sản dài hạn

Chiếm 36,4% tổng tài sản, chủ yếu là tài sản cố định hữu hình liên quan đến các nhà máy sản xuất của Công ty. Công ty đang duy trì chính sách quản lý tài sản dài hạn và đầu tư mới để đảm bảo rằng việc quản lý tài sản hiệu quả nhất, phù hợp với sự tăng trưởng trong tương lai, không để xảy ra lãng phí và thất thoát tài sản.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Với kết quả kinh doanh tốt và việc quản lý tài chính chặt chẽ, năm 2016, Công ty tiếp tục duy trì ổn định các chỉ số tài chính ở mức an toàn, đáp ứng và giữ vững niềm tin của cổ đông. Điển hình là chỉ tiêu ROE đã tăng từ 38% lên 43% và chỉ tiêu ROA đã tăng từ 29% lên 33%.

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
» Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,89	2,79	Lần
» Hệ số thanh toán nhanh	2,16	2,12	Lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
» Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	24%	24%	
» Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	31%	31%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
» Vòng quay hàng tồn kho	5,8	6,4	Lần
» Vòng quay các khoản phải thu	21,3	19,1	Lần
» Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,65	1,51	Lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
» Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	20%	19%	
» Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	43%	38%	
» Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	33%	29%	
» Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	24%	23%	

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ



Các nhà đầu tư tham quan siêu nhà máy Mega.

CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Trong năm 2016, bộ phận IR đã có hơn 350 lượt gặp gỡ với cổ đông, nhà đầu tư tổ chức và cá nhân thông qua nhiều hình thức tiếp xúc khác nhau và tại nhiều địa điểm khác nhau. Cụ thể như sau:



Lãnh đạo HOSE, SCIC và Vinamilk trong buổi giới thiệu thoái 9% vốn SCIC tại Vinamilk.

Đặc biệt, có những hình thức tiếp đón thiết thực như: tổ chức hơn 10 cuộc tham quan hệ thống nhà máy sản xuất hiện đại cho các cổ đông, nhà đầu tư và các tổ chức nghiên cứu học thuật khác đến từ châu Á, châu Âu và Mỹ.

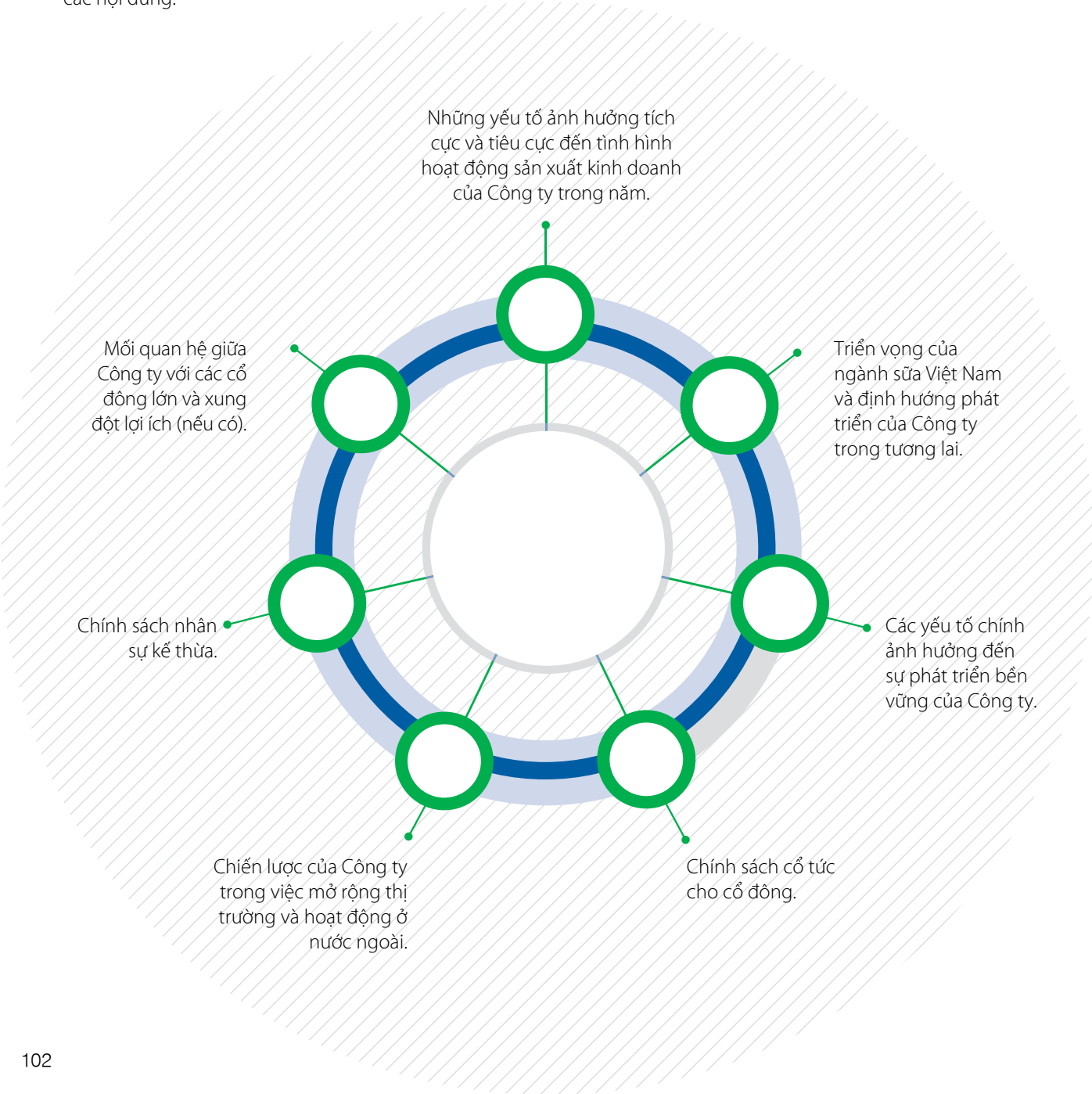
Công ty cũng rất tích cực tham gia các sự kiện hội nghị đầu tư quốc tế được tổ chức ở Việt Nam, Nhật, Singapore, Hồng Kông, Mỹ, Anh, nhằm gặp gỡ cổ đông và các nhà đầu tư.

Đáng ghi nhận, Công ty đã tích cực tham gia các sự kiện tiếp xúc nhà đầu tư do SCIC tổ chức để cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư quan tâm liên quan đến đợt bán thoái vốn thoái 9,0% vốn của SCIC tại Vinamilk.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH MÀ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ QUAN TÂM

Các nội dung trao đổi chú trọng các vấn đề đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cổ đông (thiểu số cũng như đa số) và các thông tin liên quan đến việc trở thành cổ đông của Vinamilk. Công ty có ghi nhận các mối quan tâm của các bên về các nội dung:



KẾT QUẢ VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG



Nhìn chung, theo đánh giá của cổ đông và nhà đầu tư được tiếp đón, công tác quan hệ cổ đông và nhà đầu tư của Vinamilk có những bước tiến mới, có ý nghĩa, hiệu quả và ngày càng chuyên nghiệp hơn.

Các thông tin được cung cấp một cách hợp lý, kịp thời và thỏa mãn các mối quan tâm của cổ đông, nhà đầu tư và đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong công bố thông tin đến tất cả các bên liên quan.

Nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả hoạt động của bộ phận IR, Công ty: i) luôn duy trì nhân sự chuyên trách, ii) sắp xếp và tổ chức công việc một cách tốt nhất nhằm tạo điều kiện dễ dàng nhất, linh hoạt nhất và tốt nhất cho cổ đông và nhà đầu tư trong việc tiếp xúc với Công ty, iii) luôn đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong việc công bố thông tin đến tất cả các bên liên quan.

Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư:

Ông Trần Chí Sơn
Trưởng Bộ phận Tài chính
ICIR cấp bởi IR Society - UK và
IRPAS - Singapore
Tel : +84 08 541 55555
(Số nội bộ: 108401)
Email : tcson@vinamilk.com.vn

BÁO CÁO QUẢN LÝ RỦI RO

Năm 2016, cùng với tình hình chung của thế giới, Việt Nam đối mặt với nhiều biến động về môi trường kinh tế, chính trị, xã hội. Việc thực hiện các mục tiêu đặt ra của các tổ chức cũng vì vậy mà gặp nhiều khó khăn, thách thức. Đối với Vinamilk, để đảm bảo đạt được những mục tiêu chiến lược đã đề ra, hoạt động quản lý rủi ro của Vinamilk càng được chú trọng, cải tiến liên tục và triển khai trên toàn Công ty. Nhiệm vụ chính của quản lý rủi ro là nhận diện được các rủi ro tiềm ẩn, phát hiện những yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu, hỗ trợ và đưa ra những giải pháp để giúp Ban Điều hành đưa ra những quyết định hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu.

Cơ cấu QLRR của Vinamilk vẫn tiếp tục duy trì với 3 tầng phòng vệ: Thiết lập - Thực thi và Giám sát.

💧💧 VINAMILK HIỆN ĐANG QUẢN LÝ DANH MỤC RỦI RO Ở TẤT CẢ CÁC KHÍA CẠNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NHƯ CHIẾN LƯỢC VÀ THỰC THI CHIẾN LƯỢC - CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM - NHÂN SỰ - TÀI CHÍNH - MÔI TRƯỜNG - XỬ LÝ KHỦNG HOẢNG - TUÂN THỦ. 💧💧

QUẢN LÝ CÁC RỦI RO QUAN TRỌNG

Vinamilk hiện đang quản lý danh mục rủi ro ở tất cả các khía cạnh hoạt động của Công ty như Chiến lược và thực thi chiến lược - Chất lượng sản phẩm - Nhân sự - Tài chính - Môi trường - Xử lý khủng hoảng - Tuân thủ. Các rủi ro này được theo dõi

thường xuyên, đánh giá định kỳ và đưa ra các biện pháp kiểm soát chặt chẽ nhằm ngăn chặn và giảm thiểu thiệt hại nếu rủi ro xảy ra. Trong đó, một số các rủi ro quan trọng được Vinamilk chú trọng quản lý trong năm 2016:



STT	Rủi ro	Mô tả rủi ro	Biện pháp kiểm soát
1	Rủi ro về kế hoạch chiến lược.	Thiếu kế hoạch chiến lược thích đáng để đáp ứng các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty.	Triển khai xây dựng Chiến lược cho giai đoạn 2017 - 2021 theo phương pháp tiếp cận tiên tiến với sự hỗ trợ của đơn vị tư vấn hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn chiến lược. Triển khai đến các Khối/ Phòng giúp nắm rõ chiến lược và mục tiêu chiến lược và đảm bảo sự thống nhất xuyên suốt trong toàn Công ty. Xác định các nguồn lực cốt lõi cần thiết để triển khai thực hiện.
2	Rủi ro triển khai kế hoạch kinh doanh	Thất bại trong việc triển khai các kế hoạch kinh doanh, đánh giá thông qua việc quản lý danh mục đầu tư và các dự án cụ thể.	Xác định các kế hoạch, dự án quan trọng của Công ty. Phân công cụ thể bộ phận chủ trì triển khai. Xây dựng các tiêu chí đánh giá, đo lường kết quả thực hiện. Triển khai giám sát, đánh giá định kỳ để đưa ra các giải pháp kịp thời.
3	Rủi ro sản phẩm không đạt chất lượng	Các sản phẩm được tạo ra không đảm bảo các yêu cầu, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.	Thiết lập các kiểm soát theo các yêu cầu của các tiêu chuẩn quốc tế. Thường xuyên thực hiện đánh giá các kiểm soát để đảm bảo tính hiệu quả của các kiểm soát cũng như sự tuân thủ trong các khâu.
4	Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào không đáp ứng kịp thời	Nguy cơ gián đoạn, không đủ nguyên vật liệu đầu vào cho quá trình sản xuất.	Quản lý tồn kho an toàn, đánh giá và quản lý Nhà cung cấp, có kế hoạch mua hàng một cách hợp lý.
5	Rủi ro dịch bệnh đàn bò	Nguy cơ xảy ra dịch bệnh trên đàn bò dẫn tới bò chết hoặc giảm chất lượng sữa.	Áp dụng vệ sinh an toàn sinh học cho các trang trại, chăm sóc sức khỏe đàn bò theo các phương pháp tiên tiến, có biện pháp xử lý y tế phù hợp đối với các trường hợp phát sinh.
6	Rủi ro an ninh thông tin	Nguy cơ gián đoạn hệ thống, bảo mật thông tin và bị tấn công từ các tội phạm công nghệ thông tin.	Áp dụng hệ thống An ninh thông tin ISO 27000, đánh giá định kỳ hệ thống bởi nội bộ và bên ngoài. Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật các giải pháp phòng vệ an ninh thông tin.
7	Biến động tỷ giá	Những biến động trong tỷ giá hối đoái gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động và lợi nhuận của doanh nghiệp.	Lập nhu cầu ngoại tệ, chuẩn bị ngoại tệ dự trữ, dự báo theo dõi và phân tích các biến động tỷ giá để cân đối nhu cầu và điều chỉnh kế hoạch tương ứng.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

💡 ĐẶC BIỆT, ĐỐI VỚI CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI ĐANG QUAN TÂM VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, RỦI RO MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐANG RẤT ĐƯỢC CHÚ TRỌNG VÀ GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ TẠI VINAMILK. RỦI RO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, RỦI RO THIÊN TAI, RỦI RO TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ, ĐO LƯỜNG VÀ GIÁM SÁT, TRONG ĐÓ CÓ TÍCH HỢP VỚI CÁC CHỈ SỐ MÔI TRƯỜNG THEO BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG. 💡

Đánh giá chung năm 2016, các rủi ro quan trọng và các biến động trong môi trường kinh doanh đã được Công ty nhận diện kịp thời, đánh giá đúng mức độ tác động và đưa ra các giải pháp phù hợp để đảm bảo đạt được các mục tiêu đã đề ra.

KIỂM SOÁT VÀ CHỈ SỐ CẢNH BÁO KRIs

Chương trình Tự đánh giá kiểm soát CSA được triển khai định kỳ 6 tháng/1 lần cho toàn bộ các rủi ro quan trọng. Từ chương trình này, các kiểm soát được xác định, triển khai thực hiện và đánh giá hiệu quả. Từ đó các Chủ kiểm soát có đầy đủ cơ sở để điều chỉnh, cải tiến công việc, gia tăng hiệu suất làm việc.

Chỉ số cảnh báo KRIs năm 2016 được xác lập cho các Rủi ro mang tính chất hoạt động, đo lường định lượng rõ ràng, để từ đó có thể cảnh báo tốt nhất khả năng rủi ro xảy ra.

TRUYỀN THÔNG NỘI BỘ

Công ty đã triển khai ban hành Bản tin Quản lý rủi ro đến từng khối phòng định kỳ hàng quý, giúp cho các khối phòng nắm được thông tin về các rủi ro, môi trường rủi ro và các bài học kinh nghiệm về quản lý rủi ro ở Việt Nam và thế giới.

Với những duy trì và cải tiến như trên, mức độ rủi ro của hầu hết các rủi ro đều nằm trong mức được chấp nhận, đảm bảo sự hài hòa giữa lợi ích và chi phí, giúp công ty đạt được mục tiêu chiến lược đã đề ra trong năm 2016.



QUẢN LÝ RỦI RO 2017

Năm 2017 là năm tiền đề cho việc thực thi chiến lược trong giai đoạn mới 2017 - 2021, do đó hoạt động Quản lý rủi ro cũng đặt ra những nhiệm vụ nhằm hỗ trợ tốt nhất cho việc đạt được chiến lược Công ty. Đồng thời chú trọng vào việc tích hợp Quản lý rủi ro càng sâu càng tốt vào các hoạt động trọng yếu của Công ty.

Rà soát danh mục rủi ro: Rà soát và xác định danh mục rủi ro bám sát với chiến lược 2017 - 2021, tập trung vào các rủi ro thật sự trọng yếu, ảnh hưởng trực tiếp tới việc đạt được các mục tiêu chiến lược. Đồng thời, phân công nhân sự phụ trách hợp lý dựa trên trách nhiệm, quyền hạn.

Đánh giá kiểm soát: Tiếp tục duy trì việc đánh giá kiểm soát 6 tháng/1 lần và mở rộng ra cho các rủi ro trong danh mục rủi ro. Phương pháp thực hiện liên tục được cải tiến và bộ phận Quản lý rủi ro sẽ đào tạo, hướng dẫn chi tiết về cách thức cho các phòng ban trong Công ty.

Tích hợp rủi ro: Kết nối sợi dây liên kết giữa Quản lý Rủi ro với Quản lý Dự án, Quản lý sự cố, Quản lý Khủng hoảng và Hoạt động liên tục. Rà soát hệ thống kiểm soát của Công ty, kết hợp với hoạt động của Kiểm toán nội bộ dựa trên cơ sở rủi ro để đảm bảo sự kết nối, đồng nhất, tối

ưu hóa kết quả đánh giá với chi phí về nguồn lực hợp lý nhất.

Xác lập tiêu chí đo lường rủi ro: Định lượng hóa cụ thể theo mục tiêu mới. Phân chia xuống các cấp độ và xác định cách thức đo lường, tính toán. Đặc biệt, xác định các tiêu chí cụ thể cho từng rủi ro đánh giá.

Với các điểm nhấn trên đây, Quản lý rủi ro sẽ ngày càng đi sâu vào công việc hàng ngày và trở thành một phần không thể thiếu, không những Vinamilk có thể đảm bảo đạt được mục tiêu mà hệ thống Quản lý rủi ro cũng đạt đến một mức độ trưởng thành mới.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

👉 **MỘT SỰ CÁCH TÂN VÀ ĐỔI MỚI TRONG DANH MỤC SẢN PHẨM VỚI HƠN 160 SKUS MỚI SẼ ĐÁP ỨNG MỌI NHU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ ĐƯỢC HỖ TRỢ BỞI HỆ THỐNG PHÂN PHỐI TIỆN DỤNG VÀ SẴN SÀNG CAO.** 👉

CHIẾN LƯỢC

- » Trước môi trường kinh doanh đầy biến động, sau khi phân tích và đánh giá một cách đầy đủ và căn trọng các yếu tố liên quan, Vinamilk vẫn kiên định tự tin bước lên phía trước như là công ty tạo ra giá trị tốt nhất với các điểm mạnh/lợi thế cạnh tranh trong các ngành nghề truyền thống. Một số nét cơ bản trong 5 năm sắp tới sẽ là:
- » Mục tiêu doanh số và thị phần: 80.000 tỷ đồng tương đương 3,3 tỷ USD; không giảm thị phần ở tất cả các ngành hàng.
- » Một sự cách tân và đổi mới trong danh mục sản phẩm với hơn 160 sản phẩm (SKUs) mới sẽ đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng và được hỗ trợ bởi hệ thống phân phối tiện dụng và sẵn sàng cao.

- » Một sự cam kết đầu tư cao ở tất cả các khâu cho mục đích tăng trưởng sẽ được thực thi mà đặc biệt là lợi thế quy mô, phân phối và tiếp thị và nguồn nhân lực.
- » Một sự sẵn sàng cao cho việc mua bán sáp nhập và mở rộng mối quan hệ hợp tác mạnh mẽ theo hướng tích hợp dọc để hỗ trợ cho mô hình kinh doanh được hoạch định.
- » Một chương trình đa dạng về nguồn nhân lực sẽ đảm bảo đội ngũ nhân sự có năng lực thực thi trong một môi trường làm việc tương tác xuất sắc.
- » Một triết lý kinh doanh bền vững, có trách nhiệm sẽ được thiết lập và giám sát thực thi một cách hiệu quả, kịp thời.

👉 **NHẪM ĐÁP ỨNG TỐT HƠN NỬA NGƯỜI TIÊU DÙNG NƯỚC NGOÀI, VINAMILK SẼ CHUYÊN MÔN HÓA CHỨC NĂNG R & D MỘT CÁCH CỤ THỂ (XEM XÉT CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUY TRÌNH VÀ NHÂN SỰ) ĐỐI VỚI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG MỤC TIÊU TIỀM NĂNG TRỌNG ĐIỂM.** 👉



KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG 2017

Hoạt động tiếp thị

- » Tiếp tục dẫn đầu về cải tiến sản phẩm và phát triển sản phẩm mới ở tất cả các ngành hàng chủ lực, Vinamilk đã giữ vững vị trí số 1 và đi đầu trong các xu hướng mới, đặc biệt là trong xu hướng các sản phẩm bao bì tiện dụng và chức năng đặc thù.
- » Thúc đẩy tăng trưởng bằng cách đẩy mạnh phân khúc trung và cao cấp với các giá trị cộng thêm ở thành thị và đẩy mạnh thâm nhập ngành hàng với dòng sản phẩm phổ thông ở khu vực nông thôn.
- » Nâng tầm các hoạt động tiếp thị nhằm tạo ra giá trị cao hơn.

Hoạt động nghiên cứu và phát triển (R & D)

Nhằm đáp ứng tốt hơn nữa người tiêu dùng nước ngoài, Vinamilk sẽ chuyên môn hóa chức năng R & D một cách cụ thể (xem xét cơ cấu tổ chức, quy trình và nhân sự) đối với một số thị trường mục tiêu tiềm năng trọng điểm.

Hoạt động kinh doanh phân phối

- » Nội địa
 - » Tiếp tục thực thi chương trình tái cấu trúc và tăng cường năng lực hệ thống nhà phân phối - có tính đến đặc thù địa lý nông thôn và

thành thị. Song song, thực thi quyết liệt và kịp thời nhiều hoạt động để gia tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

- » Đẩy mạnh hoạt động và hiệu quả của kênh thương mại điện tử nhằm tối ưu hóa sự tiện dụng cho khách hàng. Công tác dịch vụ phân phối đến điểm bán được chú trọng và ưu tiên hàng đầu.
- » Không ngừng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nhằm nâng cao chất lượng nhân sự theo mô hình và cấu trúc của tất cả các kênh phân phối.

💧 TIẾP TỤC MỞ RỘNG THÊM 4 THỊ TRƯỜNG TIỀM NĂNG TRỌNG ĐIỂM TẠI KHU VỰC CHÂU PHI VỚI CÔNG TÁC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI ĐA DẠNG VÀ HIỆU QUẢ NHẪM GIA TĂNG SỰ HIỆN DIỆN CỦA VINAMILK TRÊN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ. 🍷



- » Quốc tế
 - » Triển khai mô hình kinh doanh marketing và hợp tác với các đối tác phân phối nhằm gia tăng doanh số tại các thị trường châu Á tiềm năng trọng điểm đã đạt được các mục tiêu tiền đề.
 - » Tiếp tục mở rộng thêm 4 thị trường tiềm năng trọng điểm

tại khu vực châu Phi với công tác xúc tiến thương mại đa dạng và hiệu quả nhằm gia tăng sự hiện diện của Vinamilk trên thị trường quốc tế.

- » Tiếp cận và xúc tiến một cách linh hoạt và đa dạng hóa các loại hình hợp tác kinh doanh với các đối tác quốc tế.

Hoạt động mua hàng và logistic

- » Hoàn thiện các công việc cuối cùng trong công tác hoạch định và hợp tác nhà cung cấp/đối tác chiến lược. Hệ thống tiêu chuẩn trong đánh giá nhà cung cấp sẽ được tích hợp để đảm bảo cả về hiệu quả, an toàn sản phẩm và hướng đến phát triển bền vững.

💧 MỞ RỘNG VÀ NÂNG CAO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ KỸ SƯ CHĂN NUÔI THÚ Y CHUYÊN MÔN CAO VÀ ĐẨY MẠNH TRÌNH ĐỘ NGANG TẦM CÁC NƯỚC TIỀN TIẾN TRÊN THẾ GIỚI. 🍷

Hoạt động sản xuất

- » Triển khai thực thi các dự án nâng cấp, mở rộng các nhà máy hiện hữu và đầu tư nhà máy mới theo kế hoạch đầu tư chiến lược đã hoạch định.
- » Khuyến khích và triển khai áp dụng rộng rãi các giải pháp nâng cao hiệu quả nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất chung. Ngoài ra, tăng cường hơn nữa công nghệ thông tin trong công tác quản lý máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế.
- » Triển khai việc soát xét và tìm cơ hội cải tiến nâng cao yếu tố phát triển bền vững bằng cách

ghi nhận, đánh giá nhiều chỉ số theo hướng bảo vệ môi trường, an toàn và sức khỏe.

Trang trại - vùng nguyên liệu

- » Thực thi việc nâng cấp và xây dựng mới các trang trại theo hoạch định. Trong khâu phát triển và thiết kế các trang trại, việc tích hợp các yêu cầu phát triển bền vững (đặc biệt là vấn đề môi trường, chất thải, năng lượng, phân bón, tái tạo điện) và phù hợp với biến đổi khí hậu sẽ được chú trọng.

- » Tiêu chuẩn hóa các hệ thống máy móc thiết bị theo hướng áp dụng kỹ thuật tiên tiến của thế giới mà phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng nuôi trồng tại Việt Nam. Đẩy mạnh công tác hỗ trợ giống bò cao sản được qua kiểm nghiệm tốt tại các trang trại Vinamilk cho các hộ chăn nuôi bò sữa.
- » Mở rộng và nâng cao đội ngũ cán bộ kỹ sư chăn nuôi thú y chuyên môn cao và đẩy mạnh trình độ ngang tầm các nước tiên tiến trên thế giới.





🌟 NÂNG CAO HƠN NỮA CÔNG TÁC THIẾT LẬP QUAN HỆ ĐỐI TÁC BỀN VỮNG NHẪM CÓ HIỆU QUẢ TỐT NHẤT TRONG CÔNG TÁC ĐẦU TƯ CŨNG NHƯ SAU ĐẦU TƯ. 🌟

Đầu tư dự án cơ sở hạ tầng

- » Tập trung nguồn lực trong khâu chuẩn bị dự án để tìm ra giải pháp tốt nhất trong việc thực thi, tối ưu hóa các cơ sở sản xuất, kinh doanh, kho tàng, trang trại (kể cả đầu tư mới), đặc biệt là các nhà máy mới và các đại trang
- » Nâng cao hơn nữa công tác thiết lập quan hệ đối tác bền vững nhằm đạt hiệu quả tốt nhất trong công tác đầu tư cũng như sau đầu tư.

Nhân sự

- » Tiếp tục thực thi các giai đoạn tiếp theo của chương trình kế hoạch Nhân sự kế thừa, Quản trị tài năng trong sự liên hệ với mô hình lộ trình nghề nghiệp song song với việc phát triển 2 năng lực lãnh đạo tạo ra thành công “Dũng cảm - Khiêm nhường”.
- » Thực thi đầy đủ, triệt để hệ thống nhân sự cho các mảng chiến lược và công cuộc vươn tầm sâu rộng ra thị trường quốc tế phù hợp với chiến lược 5 năm tiếp theo. Yếu tố thúc đẩy là việc xây dựng, điều chỉnh chính sách, quy trình phù hợp với định hướng chiến lược 5 năm mà tiêu điểm là phiên bản BSC nâng cấp.

🌟 TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG VĂN HÓA CÙNG VỚI SỔ TAY VĂN HÓA VINAMILK NHẪM THÚC ĐẨY HÀNH VI NHÂN VIÊN CÙNG HƯỚNG ĐẾN GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỐT LÕI, HƯỚNG ĐẾN THỰC THI MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TƯƠNG TÁC XUẤT SẮC VÀ TẠO RA NHỮNG KẾT QUẢ VƯỢT TRỘI. 🌟

- » Cải tiến và nâng cao hơn nữa những đặc điểm của môi trường làm việc như động viên, khích lệ, hoạt động thể thao, văn nghệ,... để nâng cao hơn nữa vị thế và gắn kết với chiến lược chung.
- » Tăng cường các hoạt động đối ngoại, các hoạt động tổ chức cho cộng đồng để truyền thông nhằm nâng cao danh tiếng Công ty và thương hiệu nhà tuyển dụng góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh và thu hút nhân tài.
- » Tập trung nâng cao tính đa dạng, hữu ích, đầy đủ của các báo cáo quản trị và dự báo, đánh giá thẩm định các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng và đánh giá hiệu quả sau đầu tư nhằm đáp ứng ngày tốt hơn nhu cầu quản lý điều hành.
- » Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chi phí; Tiếp tục triển khai áp dụng hệ thống quản lý ERP đối các công ty con tại nước ngoài, hướng đến sự đồng bộ thông tin dữ liệu trong toàn tập đoàn.
- » Mở rộng phạm vi phương pháp xác định chi phí dựa trên hoạt động “activity based costing” đến nhiều lĩnh vực thuộc chuỗi giá trị và hỗ trợ hơn nữa nhằm tìm kiếm cơ hội cải tiến, nâng cao lợi thế cạnh tranh.

Các chức năng hỗ trợ khác

- » Triển khai các hoạt động truyền thông văn hóa cùng với Sổ tay văn hóa Vinamilk nhằm thúc đẩy hành vi nhân viên cùng hướng đến giá trị văn hóa cốt lõi, hướng đến thực thi môi trường làm việc tương tác xuất sắc và tạo ra những kết quả vượt trội.



- » Rà soát và xây dựng hệ thống tiêu chí, thông số rủi ro phù hợp với chiến lược mới 2017 - 2021. Triển khai quản lý rủi ro đến các công ty con và áp dụng chương trình Control Self Assessment theo phương pháp mới trong sự tương thích cao hơn với Kiểm toán nội bộ.
- » Đầu tư nguồn lực cũng như mạng lưới đối tác pháp lý trong việc tham gia thực thi các dự án đầu tư/ hợp tác tác nước ngoài. Xây dựng hệ thống dữ liệu và quản lý tài sản trí tuệ online.

CÁC DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG
TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2016



Các danh hiệu, giải thưởng quốc tế và khu vực:

STT	TÊN DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG	ĐƠN VỊ CÔNG BỐ/ TRAO TẶNG
1	Top 300 Công ty năng động nhất châu Á (Asia 200)	Tạp chí Nikkei
2	Top 10 trong 1.000 Thương hiệu hàng đầu châu Á (đứng hàng thứ 4)	Tạp chí Campaign Asia-Pacific (dựa theo AC Nielsen)
3	Đứng đầu trong Top 40 Doanh nghiệp thương hiệu giá trị nhất	Tạp chí Forbes
4	Giấy chứng nhận “Trang trại bò sữa organic đầu tiên của Việt Nam đạt tiêu chuẩn châu Âu”	Tổ chức toàn cầu Coltrol Union - Hà Lan

Các danh hiệu, giải thưởng trong nước:

STT	TÊN DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG	ĐƠN VỊ CÔNG BỐ/ TRAO TẶNG
1	Top 100 Sản phẩm dịch vụ chất lượng cao ASEAN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Báo Thời báo MeKong
2	Giấy chứng nhận danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao 2016” 20 năm liền do người tiêu dùng bình chọn	Hội Doanh nghiệp HVNCLC & BSA
3	Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2015 (đứng hạng thứ 2)	Công ty Nghiên cứu thị trường Nielsen và mạng Anphabe.com
4	Danh hiệu “Thương hiệu mạnh Việt Nam 2015”	Thời báo Kinh tế Việt Nam
5	Danh hiệu “Thương hiệu thực phẩm an toàn tin dùng 2016”	Hội Khoa học Kỹ thuật an toàn thực phẩm
6	Danh hiệu “Thương hiệu Việt uy tín” lần thứ 12 năm 2016 (đứng đầu trong Top 10)	Tạp chí Thương hiệu Việt
7	Top 50 Doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam	Nhịp cầu đầu tư
8	Công ty đứng vị trí hàng đầu trong số 10 công ty xuất sắc nhiều năm liền đạt giải	Nhịp cầu đầu tư
9	Top 50 Doanh nghiệp sữa có doanh thu lớn nhất thế giới (đứng thứ 49)	Báo cáo của Euro Monitor & KPMG
10	Bảng xếp hạng V1000 năm 2016 - 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam (hạng 5)	V1000
11	Top 5 Công ty có hoạt động quan hệ nhà đầu tư được nhà đầu tư bình chọn cao nhất	Vietstock
12	Top 5 Doanh nghiệp niềm yết tốt nhất	Vietstock
13	Top 5 Định chế tài chính đánh giá cao nhất	Vietstock
14	Top 10 Doanh nghiệp niềm yết uy tín năm 2016	Công ty CP báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Báo Điện tử vietnamnet
15	Top 100 Thương hiệu Tin và Dùng	Thời báo Kinh tế Việt Nam
16	Bằng khen “có thành tích xuất sắc đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.”	Bộ trưởng Bộ Tài chính
17	Danh hiệu “Thương hiệu quốc gia” liên tiếp lần thứ 4	Bộ Công Thương
18	Giấy chứng nhận “Doanh nghiệp bền vững năm 2016”	Phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam

BÁO CÁO CỦA
BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

GIÁM SÁT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH TRONG VIỆC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Ban Kiểm soát đã tổ chức bốn (4) phiên họp chính thức trong năm 2016 như sau:



Phiên họp/ Số thành viên tham gia	Nội dung chính
Phiên 1 7/4/2016	» Thảo luận với kiểm toán độc lập về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015.
4/4	» Thảo luận kế hoạch kiểm tra các quy trình kinh doanh chính trong năm 2016. » Thảo luận cách thức chọn kiểm toán độc lập cho năm 2016.
Phiên 2 28/7/2016	» Thảo luận với kiểm toán độc lập về kết quả soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016.
4/4	» Thảo luận về các công việc của BKS đã triển khai trong 6 tháng, bao gồm: > Các kết quả kiểm toán nội bộ (KTNB); > Tình hình giám sát triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ và hoạt động quản trị rủi ro. » Phê duyệt cơ cấu phân bổ thù lao 2016 cho các thành viên.
Phiên 3 16/12/2016 3/3	» Thảo luận về các công việc đã triển khai trong 11 tháng. » Chuẩn bị tổ chức chào giá chọn kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2017.
Phiên 4 21/2/2017 3/3	» Tổng kết các hoạt động của BKS và KTNB trong năm 2016. » Thảo luận về kết quả chào giá và thủ tục trình ĐHĐCĐ phê duyệt Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2017.

Trong năm 2016, BKS đã giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trên bốn khía cạnh: tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh. Việc giám sát của BKS được thực hiện thông qua các hoạt động sau:

Giám sát hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

Trong năm 2016, BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu. Theo đó, BKS đã nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế, tham gia chất vấn và đóng góp ý kiến với HĐQT trong việc ra quyết định và thực hiện các mục tiêu được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Đối với Ban Điều hành, BKS thực hiện việc giám sát và điều hành thông qua lập kế hoạch và chỉ đạo thực hiện hoạt động KTNB. Qua kết quả từ các cuộc kiểm toán, BKS cũng gợi ý nhiều ý kiến để Ban Điều hành xem xét, cân nhắc trong việc hoàn thiện hệ thống quản lý và kiểm soát nội bộ.

Ngoài ra, BKS cũng thực hiện chức năng thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh tại các cuộc họp HĐQT cũng như tái kiểm tra thông qua các buổi làm việc với Kiểm toán độc lập khi soát xét các báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm.

» **Kết luận:** BKS đánh giá việc quản lý, điều hành Công ty của HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã được thực hiện một cách cẩn trọng, hợp lý, hiệu quả và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

Hoạt động quản trị rủi ro

BKS cùng KTNB đã chủ động tham gia các cuộc họp định kỳ quý của Tiểu ban Quản lý Rủi ro nhằm cập

nhật các thực hành về đánh giá rủi ro, kế hoạch hành động phối hợp cũng như kế hoạch tương lai. Thông tin có được từ các cuộc họp này giúp BKS và KTNB kịp thời điều chỉnh kế hoạch làm việc theo hướng tập trung vào các rủi ro trọng yếu.

» **Kết luận:** Hệ thống quản trị rủi ro của Vinamilk vẫn đang tiếp tục được hoàn thiện và củng cố trong năm 2016 và cần được triển khai sâu hơn đến các phòng ban nhằm kết hợp chặt chẽ hơn với các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông

Trong kỳ, BKS không nhận được yêu cầu kiểm tra nào từ cổ đông.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Kiểm tra tình hình tài chính và thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty

BKS đã thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán và thiết lập quy trình làm việc với kiểm toán độc lập của Vinamilk (Công ty TNHH KPMG Việt Nam, sau đây gọi là KPMG), Ban Điều hành và Tiểu ban QTRR. Theo đó, BKS có thể và thực tế đã tham gia tích cực vào quy trình phát hành báo cáo tài chính hàng quý và cuối năm của Công ty. Trong đó, BKS đã thực hiện đầy đủ và hiệu quả việc rà soát, phân tích sự biến động của các khoản mục trọng yếu trên báo cáo tài chính và thông báo kết quả soát xét tới HĐQT trước khi Công ty phát hành báo cáo tài chính.

Trong năm 2016, KPMG đã lần đầu áp dụng kỹ thuật phân tích dữ liệu bằng

máy tính (Data Analytics) trong việc kiểm toán tại Vinamilk. Kỹ thuật này cho phép rà soát được nhiều dữ liệu hơn một cách đáng kể để nâng cao chất lượng kiểm toán và đã được Ban Điều hành đón nhận và hợp tác triệt để.

BKS có các kết luận sau về tình hình tài chính và báo cáo tài chính của Công ty:

Tình hình tài chính

BKS đánh giá tình hình tài chính của Vinamilk trong năm 2016 rất tốt với các kết quả như sau:

- » Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự

phòng, vốn chủ sở hữu đều đạt chuẩn cao; và

- » Kết quả doanh thu và lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinamilk vượt chỉ tiêu do ĐHĐCĐ phê duyệt.

Báo cáo tài chính

BKS đánh giá thông tin trong các báo cáo kinh doanh và báo cáo tài chính năm, 6 tháng và quý của Công ty được trình bày một cách trung thực, hợp lý, nhất quán, phù hợp với các quy định của pháp luật. Ban Điều hành Công ty duy trì mức độ cẩn trọng hợp lý trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.



Kiến nghị Hội đồng Quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công ty

BKS đã tham gia và đóng góp ý kiến cho việc quyết định chuyển đổi mô hình quản trị từ Ban Kiểm soát sang mô hình Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị.

Lựa chọn đề xuất kiểm toán độc lập

Trong năm 2016, BKS duy trì sự phối hợp chặt chẽ với KPMG. Phí kiểm toán và các phí tư vấn khác mà Vinamilk đã trả cho KPMG trong năm tài chính 2016 (không bao gồm VAT) như sau:

- » Phí kiểm toán báo cáo tài chính: **1.529** triệu VNĐ
- » Phí tư vấn khác: **872** triệu VNĐ

BKS đánh giá tính chất và phạm vi của các dịch vụ tư vấn không làm ảnh hưởng đến tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập trong việc kiểm toán báo cáo tài chính.

BKS đã thông báo cho HĐQT các thủ tục trình ĐHĐCĐ phê chuẩn chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2017 trong kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất.



HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ

TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ 2016

Sau 5 năm thành lập, hoạt động kiểm toán nội bộ (KTNB) ngày càng gắn bó với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. KTNB không chỉ là công cụ của BKS trong việc kiểm tra giám sát mà còn là đối tác hỗ trợ hiệu quả cho Ban Điều hành trong việc kiểm tra tính tuân thủ và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

Để chuẩn bị cho sự phát triển trong 5 năm tiếp theo, phòng KTNB đã bổ sung nguồn lực đáng kể trong năm 2016, tăng số nhân sự trong phòng từ 6 lên 11 người.

Dựa trên danh mục rủi ro của Công ty, phòng KTNB đã làm việc với BKS và Tổng Giám đốc để nhận diện các rủi ro trọng yếu trong năm, xác định các quy trình sản xuất kinh doanh liên quan tới các rủi ro này và tổ chức các đợt kiểm toán nhằm đánh giá tính phù hợp của hệ thống kiểm soát cũng như tính tuân thủ của các nhân viên tác nghiệp trong quy trình.



Phòng KTNB đã hoàn thành việc kiểm toán các quy trình sau trong năm 2016:

- 1

Quy trình quản lý hoạt động Xí nghiệp kho vận
- 2

Quy trình mua nguyên vật liệu và khai báo hải quan
- 3

Quy trình quản lý chi phí kinh doanh tại chi nhánh
- 4

Quy trình quản lý chất lượng sản phẩm tại nhà máy
- 5

Quy trình quản lý trang trại
- 6

Quy trình thu mua sữa tươi
- 7

Quy trình quản lý hoạt động Marketing
- 8

Quy trình mua hàng của công ty con (Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam)
- 9

Quy trình quản lý giao dịch với thành viên liên quan
- 10

Quy trình chọn Nhà cung cấp dự án đầu tư nội bộ



KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NỘI BỘ 2016

Kết quả KTNB trong năm 2016 cho thấy hệ thống kiểm soát và tính tuân thủ ngày càng tốt của Công ty, cụ thể:

- » Số phát hiện trung bình trong mỗi đợt kiểm toán giảm 55% so với năm 2015;
- » Không có phát hiện ở mức độ quan trọng trong năm 2016;
- » 85% nhân sự được tái kiểm toán trong năm 2016 đã hoàn toàn tuân thủ hoặc tuân thủ tốt hơn 2015.

Ngoài ra, phòng KTNB cũng đề xuất cải tiến 42 quy trình/ quy định kiểm soát nội bộ của Công ty để hệ thống quản lý rủi ro được hiệu quả và chặt chẽ hơn.

Trong các đợt kiểm toán, Ban Điều hành cũng đã phối hợp tích cực với phòng KTNB nhằm khắc phục các hạn chế tồn đọng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ. Tiêu chí tuân thủ tiếp tục được đưa vào tiêu chí đánh giá hàng năm của các cấp quản lý đã giúp nâng cao ý thức về tuân thủ và quản lý rủi ro.

KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN NỘI BỘ 2017

Trong năm 2017, phòng KTNB sẽ triển khai các hoạt động sau:

- » Đẩy mạnh tương tác với hệ thống quản trị rủi ro, cập nhật kịp thời kế hoạch kiểm toán theo các sự thay đổi trong danh mục rủi ro của Công ty;
- » Ngoài việc kiểm toán những rủi ro hàng đầu ở cấp độ Công ty, phòng KTNB sẽ gia tăng hoạt động kiểm toán xuống các rủi ro ở cấp đơn vị và quy trình.

HƠN
30

triệu ly sữa đã được trao tặng
cho trẻ em trên toàn quốc



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



NÂNG CAO THỂ CHẤT NGƯỜI VIỆT

NĂM 2016, VINAMILK KẾT HỢP CÙNG QUỸ SỮA “VƯỜN CAO VIỆT NAM” TRAO TẶNG SỮA CHO 40.000 TRẺ EM NGHÈO VÙNG SÂU VÙNG XA VỚI TỔNG GIÁ TRỊ LÊN TỚI 22,5 TỶ ĐỒNG, VINAMILK MONG MUỐN GIẢM TỶ LỆ TRẺ EM SUY DINH DƯỠNG TẠI VIỆT NAM XUỐNG MỨC THẤP NHẤT VÀ ĐẢM BẢO “MỌI TRẺ EM ĐỀU CÓ QUYỀN ĐƯỢC UỐNG SỮA MỖI NGÀY”.



“TẠI VINAMILK, THÁCH THỨC CỦA THỜI ĐẠI MỚI ĐƯỢC NHẬN THỨC RÕ RÀNG VÀ ỨNG PHÓ BẰNG CHIẾN LƯỢC. XÃ HỘI PHÁT TRIỂN MANG LẠI RẤT NHIỀU LỢI ÍCH CHO CỘNG ĐỒNG, ĐỒNG THỜI CŨNG ĐEM LẠI RẤT NHIỀU THÁCH THỨC.”

Tại Hội nghị Thượng đỉnh Liên hợp quốc về Phát triển bền vững, New York (Mỹ) vào tháng 9 năm 2015, 193 thành viên Liên hợp quốc, trong đó có Việt Nam, đã thông qua Chương trình nghị sự toàn cầu về phát triển bền vững đến năm 2030 với 17 mục tiêu về Phát triển bền vững (SDGs)

như một lộ trình để chấm dứt đói nghèo, chống bất bình đẳng và chống biến đổi khí hậu.

Bên cạnh vai trò của chính phủ và các tổ chức quốc tế, chương trình nghị sự nhấn mạnh vai trò của các doanh nghiệp, được xem là một

trong những yếu tố chủ chốt, đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và đầu tư vào đổi mới sáng tạo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, đóng góp trong việc thực hiện thành công SDGs.

Tại Vinamilk, thách thức của thời đại mới được nhận thức rõ ràng và ứng phó bằng chiến lược. Xã hội phát triển mang lại rất nhiều lợi ích cho cộng đồng, đồng thời cũng đem lại rất nhiều thách thức. Toàn thế giới đang phải đối mặt với rất nhiều những vấn đề nghiêm trọng như an toàn vệ sinh thực phẩm, ô nhiễm môi trường, các bệnh dịch mới, sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên cũng như quá trình nóng lên của Trái đất. Các vấn đề đó được thể hiện cụ thể

trong 17 mục tiêu về Phát triển bền vững (SDGs)

Chúng tôi tin, để hạn chế và giải quyết các vấn đề trên, cần phải có sự hợp tác và hỗ trợ chặt chẽ của tất cả cá nhân và doanh nghiệp. Mỗi cá nhân, mỗi tổ chức là một phần của xã hội. Sự phát triển của mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp cũng là sự phát triển của xã hội, và ngược lại, sự đi lên của xã hội cũng sẽ có những tác động tích cực đến từng thành viên ở trong đó. Chúng ta cần phải nâng cao ý thức về vấn đề phát triển bền vững và hành động một cách có trách nhiệm với cộng đồng và với xã hội. Đó là việc làm cần thiết và có ích cho không những cho bản thân chúng ta mà còn cho xã hội hiện tại và các thế hệ tương lai.

Với niềm tin đó, bên cạnh việc nhìn lại hành trình 40 năm đầy tự hào, Vinamilk cũng nhìn lại những bước

“CHÚNG TA CẦN PHẢI NÂNG CAO Ý THỨC VỀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ HÀNH ĐỘNG MỘT CÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ VỚI XÃ HỘI.”

chân vững chắc trên lộ trình phát triển bền vững. Từ đó, đưa ra các chiến lược và chương trình hành động cũng như các mục tiêu cụ thể trên tinh thần của Hội nghị Thượng đỉnh Liên hợp quốc, các định hướng của Chính phủ, lợi ích và mong muốn của các bên liên quan cũng như chiến lược và định hướng hoạt động của Công ty.

Nhìn lại chặng đường đã đi, từ năm 2012 khi khái niệm về Phát triển bền vững còn rất mới ở Việt Nam, Vinamilk là một trong những doanh

ngiệp đầu tiên thực hiện Báo cáo Phát triển bền vững theo phát động của Ủy ban Chứng khoán. Tính đến năm 2016, 5 năm kể từ khi Phát triển bền vững chính thức trở thành một phần tất yếu của các chiến lược cũng như mục tiêu hoạt động của công ty, Vinamilk tự hào với những giá trị mang lại cho các bên liên quan, tự hào với những thành quả gặt hái được về kinh tế, môi trường, lao động, trách nhiệm với sản phẩm cũng như tự hào về sự ghi nhận của các bên liên quan về hoạt động phát triển bền vững tại Vinamilk.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

CON SỐ VÀ SỰ KIỆN

Sự trưởng thành của hệ thống quản lý qua các năm

	Năm 2012	Năm 2016
Về hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm	» 10/11 nhà máy chứng nhận HACCP	» 13/13 nhà máy đạt chứng nhận FSSC 22000
Về hệ thống quản lý năng lượng và môi trường	» 2/11 nhà máy đạt chứng nhận ISO 50001 » 8/11 nhà máy đạt chứng nhận ISO 14001	» 13/13 nhà máy đạt chứng nhận ISO 14001 và ISO 50001
Về hệ thống quản lý sức khỏe nghề nghiệp	» Phối hợp với đơn vị tư vấn để triển khai áp dụng thí điểm Hệ thống quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp (OHSAS 18001:2007) tại Nhà máy Sữa bột Dielac	» 8/13 nhà máy đạt chứng nhận OHSAS 18001:2007
Về hệ thống quản lý tại các trang trại	» Đưa ra định hướng, chủ trương áp dụng các hệ thống	» 8/9 đạt chứng nhận ISO 9001:2008 » 7/9 đạt chứng nhận Global Gap » Và 1 trang trại đạt tiêu chuẩn organic

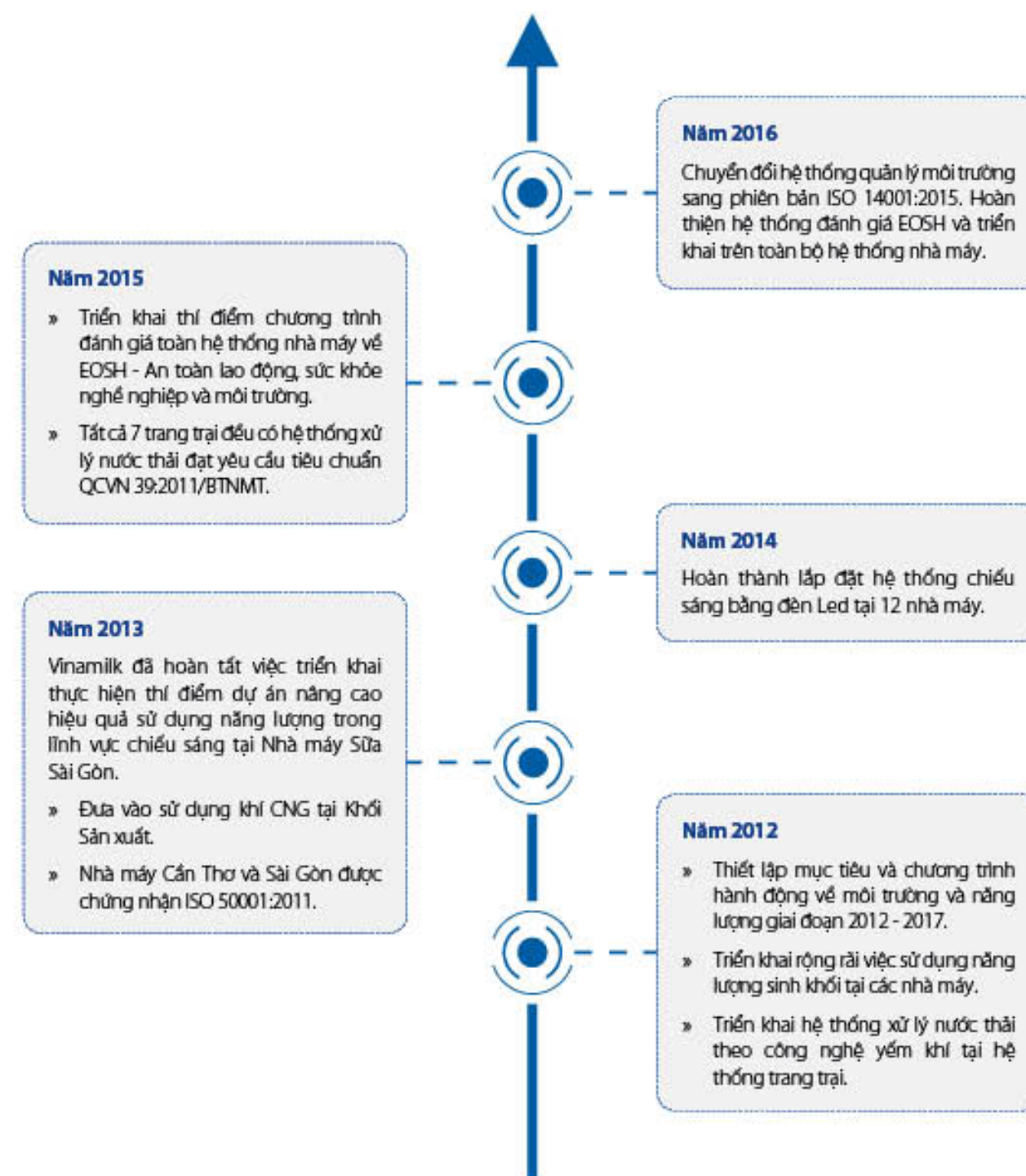
Giá trị mang lại cho các bên liên quan

Bên liên quan	Năm 2013 (tỷ đồng)	Năm 2016 (tỷ đồng)	Tỷ lệ tăng
Cổ đông	3.834	7.238	189%
Nhà nước	3.250	4.358	134%
Nhà cung cấp	27.400	28.361	104%
Cộng đồng	12	25	208%

Chú thích: Năm 2013 là năm đầu tiên công bố thống kê các giá trị mang lại cho các bên liên quan.



Các chương trình nổi bật về năng lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp qua các năm



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

NHỮNG ĐIỂM NHẤN TRONG HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Tổng quan về phát triển bền vững

Dấu ấn năm 2016 trong lộ trình phát triển bền vững tại Vinamilk đó là sự hợp tác cùng PwC trong việc đánh giá đảm bảo có giới hạn cho Báo cáo Phát triển bền vững năm 2016 với danh mục các chỉ tiêu được chọn lọc bao phủ các hoạt động trọng yếu của Công ty như: trách nhiệm sản phẩm, môi trường, năng lượng và an toàn lao động. Bằng việc triển khai đánh giá đảm bảo cho Báo cáo Phát triển bền vững, Vinamilk khẳng định thông điệp về một doanh nghiệp minh bạch, uy tín và trách nhiệm trong từng thông tin công bố ra thị trường.

Bên cạnh đó, năm 2016, Vinamilk lọt vào Top 10 Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững do VCCI tổ chức. Qua đó thể hiện mạnh mẽ cam kết chung tay vì một Việt Nam tốt đẹp hơn, tích cực hưởng ứng và triển khai các chương trình cũng như định hướng từ Chính phủ và các tổ chức phát triển bền vững uy tín trên thế giới.

Môi trường làm việc

Tiếp tục giữ vững vị trí hàng đầu trong việc tạo môi trường làm việc hấp dẫn cho người lao động. Năm 2016, Vinamilk đứng Top 2 trong

100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam do Công ty Nghiên cứu thị trường Nielsen và Công ty Anphabe thực hiện với các tiêu chí khảo sát về lương, thưởng, phúc lợi, chất lượng công việc và cuộc sống. Thành tựu đó là sự nỗ lực trên mọi phương diện về ươm mầm, đào tạo và phát triển tài năng, về môi trường làm việc an toàn, về sự công bằng, minh bạch trong đánh giá năng lực và tính cạnh tranh, hấp dẫn trong các chính sách phúc lợi, khen thưởng về các thực hành tiên tiến trong quan hệ lao động và sự minh bạch cũng như hiệu quả trong trao đổi thông tin nội bộ,...



Các phương diện	Các chương trình triển khai trong năm 2016
Về quản trị nhân tài	Ươm mầm và phát triển tài năng với Chương trình Quản trị viên tập sự 2016 và Chương trình Quản trị nhân tài.
Về đào tạo	Chương trình “Tư vấn huấn luyện” dành cho lãnh đạo cấp cao, chương trình đào tạo “Mô thức lãnh đạo”, các nguyên tắc văn hóa và hành vi lãnh đạo đến toàn bộ cấp quản lý.
Về môi trường làm việc	» Công bằng, đánh giá năng lực rõ ràng và hiệu quả: Giới thiệu về Bộ Năng lực chung Vinamilk và hướng dẫn phương pháp đánh giá năng lực trên phạm vi toàn quốc. » Tạo môi trường làm việc an toàn: Đánh giá an toàn lao động định kỳ.
Về quan hệ lao động	Hoàn thành việc triển khai thực hiện các yêu cầu mới theo thay đổi của nhà nước về lao động: Hội nghị Người lao động 2016, Thỏa ước lao động tập thể sửa đổi, bổ sung năm 2016, hệ thống thang bảng lương và hợp đồng lao động mới áp dụng từ 01/01/2016.
Về phúc lợi và thu nhập	Hoàn thành việc xét nâng bậc thu nhập theo kết quả công việc 2016. Hoàn thành việc triển khai thực hiện chương trình cổ phiếu nhân viên 2016.
Về truyền thông nội bộ	Hoạt động truyền thông nội bộ được cơ cấu và triển khai nhằm tạo sân chơi sáng tạo cho nhân viên và một môi trường làm việc chuyên nghiệp. Năm 2016, Công ty chính thức khởi động cuộc thi tìm kiếm “Sáng kiến kim cương” nhằm đẩy mạnh phong trào sáng tạo trong sản xuất kinh doanh.

Cộng đồng - xã hội

Tiếp tục triển khai và mở rộng các chương trình tư vấn dinh dưỡng, vì sức khỏe cộng đồng.

Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

Tổ chức các buổi hội thảo chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi và tư vấn sử dụng các sản phẩm sữa tốt cho sức khỏe thông qua Hội Bảo vệ người tiêu dùng, Hội Phụ nữ, Hội người cao tuổi, Hội cựu chiến binh các địa phương và hàng loạt các hội thảo cho người tiêu dùng và người cao tuổi đã được Vinamilk tổ chức tại Đồng Nai, Nghệ An, Phú Yên, Hà Nội và Tp. HCM, qua đó tư vấn sức khỏe cho hơn 3.500 người tiêu dùng và người cao tuổi.

Bên cạnh đó, Vinamilk cũng liên kết với bệnh viện Chợ Rẫy trong

các hoạt động tư vấn dinh dưỡng cho 1 triệu bệnh nhân điều trị nội trú và ngoại trú, đào tạo chuyên sâu về dinh dưỡng lâm sàng trong và ngoài nước cho 600 cán bộ y tế của bệnh viện, đồng thời thực hiện nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dinh dưỡng chuyên biệt cho bệnh nhân.

Tư vấn dinh dưỡng cho trẻ em

Vinamilk đồng hành cùng Hội Nhi khoa Việt Nam tổ chức “Hội nghị Khoa học Nhi khoa Toàn quốc lần thứ 22”.

Quỹ sữa vươn cao Việt Nam

Khởi động Quỹ sữa Vươn cao Việt Nam 2016 với hơn 22,5 tỷ đồng cho 40.000 trẻ em trên 40 tỉnh, tiêu biểu như: trao sữa cho hơn 80.000 ly sữa

trị giá gần 500 triệu đồng cho gần 800 em học sinh nghèo hiếu học tại tỉnh Ninh Bình; trao tặng 111.000 ly sữa cho hơn 1.200 trẻ em tại tỉnh An Giang, trao tặng hơn 130.000 ly sữa cho trẻ em tại tỉnh Vĩnh Long.

Sữa học đường

Gần 10 năm đồng hành cùng triển khai thực hiện chương trình “Sữa học đường”, hưởng ứng chương trình “Sữa học đường Quốc gia” vừa mới được Chính phủ phê duyệt, Vinamilk đã trao tặng 20 tỷ đồng cho chương trình Sữa học đường. Đồng thời, Vinamilk cũng phát động chương trình sữa học đường năm học 2016 - 2017 tại các địa phương như Đồng Nai, Bắc Ninh và Bà Rịa Vũng Tàu với khoảng nửa triệu học sinh sẽ được uống sữa tại nhà trường trong suốt năm học.



Cộng đồng địa phương

Tiếp tục hỗ trợ nông dân trong chăn nuôi, giúp hộ chăn nuôi nâng cao chất lượng bò sữa nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh thời kỳ hội nhập và triển khai chương trình hợp tác cung cấp cám đến hộ chăn nuôi năm 2016.

Sản phẩm

Vinamilk luôn chú trọng tiêu chí tốt cho sức khỏe, giảm đường, giảm chất béo (không no) nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu về hương vị của sản phẩm và thị hiếu của người tiêu dùng. Năm 2016, đánh dấu khởi đầu về chiến lược Phát triển thực phẩm hữu cơ theo xu hướng thế giới tại Vinamilk. Trong đó có sự ra đời của sản phẩm organic đầu tiên tại Việt Nam và việc xây dựng hệ thống kiểm soát sản xuất theo tiêu chuẩn organic châu Âu.

Không ngừng vươn đến sự hoàn hảo cũng như không ngừng nâng cao giá trị dinh dưỡng của sản phẩm, năm 2016, có 28 sản phẩm mới đã được nghiên cứu và phát triển, phục vụ đa dạng nhu cầu của khách hàng về thị hiếu cũng như dinh dưỡng ở đa dạng các lứa tuổi.

Môi trường và năng lượng

Hoạt động về môi trường và năng lượng được duy trì hiệu quả hoạt động bằng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế. Vinamilk đã không ngừng đưa ra các sáng kiến và chương trình tiết kiệm năng lượng để nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm lượng phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm thiểu tác động đến môi trường.

Nhà máy

- » Lượng biomass sử dụng tăng 17% so với năm 2015.
- » Giảm phát thải CO₂ với lượng tương đương 3,49 kg/tấn sản phẩm so với năm 2015.

Các hoạt động tiêu biểu năm 2016

- » Triển khai xây dựng lại định mức nhiên liệu sử dụng tại các nhà máy.
- » Triển khai thực hiện đánh giá chéo các nhà máy trong công tác bảo vệ môi trường.
- » Triển khai nội dung đào tạo nhận thức về bảo vệ môi trường tại các nhà máy theo chủ đề quản lý chất thải nguy hại.



Trang trại

Triển khai định hướng về chương trình sử dụng hệ thống năng lượng mặt trời, các chương trình tiết kiệm điện, tiết kiệm nước cùng các sáng kiến cải tiến. Đồng thời, trong năm 2016, Vinamilk trong đó bao gồm hệ thống trang trại cũng nhận được bằng khen tuyên dương của Tổng cục Cảnh sát về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm giai đoạn (2006 - 2016).

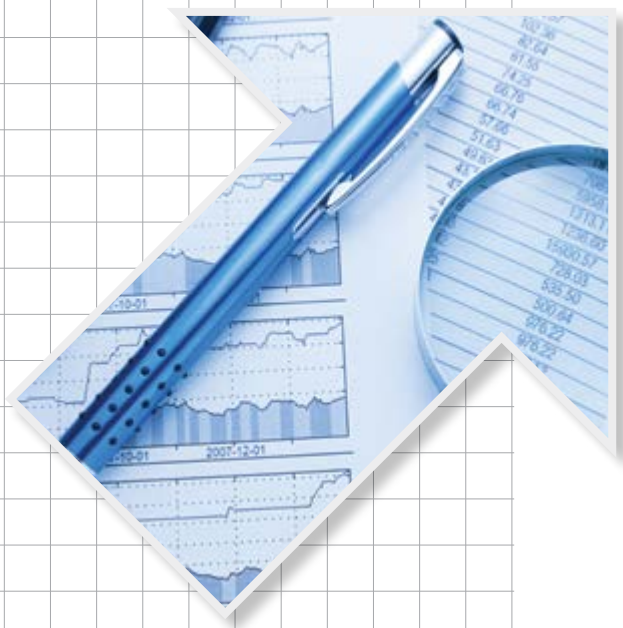
Chiến lược và định hướng hoạt động giai đoạn 2017 - 2020

- (i) Đưa ra kế hoạch 3 năm để hoàn thiện tất cả các nội dung liên quan (bao gồm “Ranh giới”). Cụ thể, năm 2017, Vinamilk sẽ tiến hành khảo sát kỳ vọng và các lợi ích hợp lý từ các bên liên quan là (i) người lao động, (ii) nhà cung cấp/ đối tác lớn và (iii) cổ đông lớn.
- (ii) Hoàn thiện phần cơ cấu quản lý và thực thi về phát triển.
- (iii) Đánh giá toàn diện hiện trạng về lĩnh vực phát triển bền vững xuyên suốt toàn Công ty.
- (iv) Tham gia các tổ chức chuyên ngành, đào tạo nhận thức.
- (v) Tích hợp sâu rộng hơn nội dung phát triển bền vững vào hoạt động sản xuất kinh doanh bổ sung/ sửa đổi quy trình về đầu tư, nhà cung cấp,...).
- (vi) Xây dựng lộ trình đảm bảo theo các chỉ tiêu GRI-4 cho báo cáo liên quan chặt chẽ đến các lĩnh vực trọng yếu và thành tựu từng thời kỳ.

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

9.364

TỶ ĐỒNG



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



KHÁT VỌNG

VƯỜN TẦM THẾ GIỚI

VỚI KHÁT VỌNG “TOÀN CẦU HÓA THƯƠNG HIỆU” ĐƯA SỮA VIỆT NAM ĐI KHẮP 5 CHÂU, VINAMILK KHÔNG NGỪNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHIỀU NHÀ MÁY HIỆN ĐẠI CÓ CÔNG SUẤT LỚN, GÓP VỐN VÀ MUA CỔ PHẦN CỦA CÁC HÃNG SỮA NGOẠI. BƯỚC ĐI NÀY CHỨNG TỎ TIỀM LỰC VỮNG MẠNH CỦA VINAMILK TRONG CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN, HƯỚNG ĐẾN TOP 50 DOANH NGHIỆP SỮA LỚN NHẤT THẾ GIỚI.

TÓM TẮT MỘT SỐ THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN 2012 - 2016

Một số thông tin tài chính cơ bản đã kiểm toán trong 05 năm gần nhất của báo cáo tài chính hợp nhất và của Báo cáo tài chính Công ty mẹ như sau:

TỔNG DOANH THU



LỢI NHUẬN SAU THUẾ



TỔNG DOANH THU CỦA CÔNG TY MẸ



LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CÔNG TY MẸ



Thông tin tài chính hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng	2012	2013	2014	2015	2016	CAGR
Tổng doanh thu	27.102	31.586	35.187	40.223	46.965	14,7%
Lợi nhuận trước thuế	6.930	8.010	7.613	9.367	11.238	12,8%
Lợi nhuận sau thuế	5.819	6.534	6.068	7.770	9.364	12,6%
Lợi nhuận phân bổ cho chủ sở hữu của Công ty	5.819	6.534	6.069	7.773	9.350	12,6%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.981	6.533	4.556	4.864	5.831	
Tổng tài sản	19.698	22.875	25.770	27.478	29.379	10,5%
Vốn chủ sở hữu	15.493	17.545	19.800	20.924	22.406	9,7%
Vốn cổ phần	8.340	8.340	10.006	12.007	14.515	14,9%
Tổng nợ phải trả	4.205	5.330	5.970	6.554	6.973	13,5%
Vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	79%	77%	77%	76%	76%	
Tổng nợ/ Tổng tài sản	21%	23%	23%	24%	24%	
ROE	42%	40%	32%	38%	43%	
ROA	33%	31%	25%	29%	33%	

Thông tin tài chính Công ty mẹ

ĐVT: Tỷ đồng	2012	2013	2014	2015	2016	CAGR
Tổng doanh thu	27.337	31.764	32.554	38.010	43.932	12,6%
Lợi nhuận trước thuế	6.887	7.947	7.537	9.246	11.067	12,6%
Lợi nhuận sau thuế	5.786	6.472	5.998	7.677	9.245	12,4%
Tổng tài sản	19.783	21.883	24.483	26.009	28.123	9,2%
Vốn chủ sở hữu	15.394	17.385	19.449	20.358	21.794	9,1%
Vốn cổ phần	8.340	8.340	10.006	12.007	14.515	14,9%
Tổng nợ phải trả	4.388	4.498	5.034	5.651	6.329	9,6%
Vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	78%	79%	79%	78%	77%	
Tổng nợ/ Tổng tài sản	22%	21%	21%	22%	23%	
ROE	42%	39%	33%	39%	44%	
ROA	33%	31%	26%	30%	34%	

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy chứng nhận	4103001932	ngày 20 tháng 11 năm 2003
Đăng ký Doanh nghiệp số	0300588569	ngày 18 tháng 1 năm 2017
	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300588569 ngày 18 tháng 1 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch
	Bà Mai Kiều Liên	Thành viên
	Ông Lê Song Lai	Thành viên
	Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên
	Ông Lee Meng Tat	Thành viên (từ ngày 1 tháng 9 năm 2016)
	Ông Ng Jui Sia	Thành viên (đến ngày 31 tháng 8 năm 2016)
	Ông Lê Anh Minh	Thành viên
Ban Điều hành	Bà Mai Kiều Liên	Tổng Giám đốc
	Ông Mai Hoài Anh	Giám đốc Điều hành Hoạt động kiểm
		Giám đốc Điều hành Kinh doanh
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng
	Ông Trịnh Quốc Dũng	Giám đốc Điều hành Phát triển Vùng Nguyên liệu
	Bà Ngô Thị Thu Trang	Giám đốc Điều hành Dự án
	Ông Trần Minh Văn	Giám đốc Điều hành Sản xuất
	Ông Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển
	Ông Phan Minh Tiên	Giám đốc Điều hành Tiếp thị
	Bà Bùi Thị Hương	Giám đốc Điều hành Nhân sự - Hành chính -
		Đối ngoại
	Ông Lê Thành Liêm	Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Trung Kiên	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên
	Ông Vũ Trí Thức	Thành viên
	Ông Nguyễn Đình An	Thành viên (đến ngày 7 tháng 11 năm 2016)
Trụ sở đăng ký	10 Tân Trào Phường Tân Phú, Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, được trình bày từ trang 141 đến trang 203, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2017, được trình bày từ trang 141 đến 203.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 16-01-305/YE2



Hà Vũ Định
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2017

Lâm Thị Ngọc Hảo
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0866-2013-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		18.673.827.685.789	16.731.875.433.624
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	655.423.095.436	1.358.682.600.684
Tiền	111		599.923.095.436	1.212.517.600.684
Các khoản tương đương tiền	112		55.500.000.000	146.165.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.453.749.313.471	8.668.377.936.330
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	443.132.521.486	525.980.876.577
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(500.629.886)	(72.195.440.247)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	10.011.117.421.871	8.214.592.500.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.866.683.958.798	2.685.469.151.432
Phải thu khách hàng	131	7	2.191.348.458.582	2.202.396.055.303
Trả trước cho người bán	132		288.808.403.942	126.289.719.352
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	390.619.273.181	359.995.340.900
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(4.168.573.420)	(3.211.964.123)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		76.396.513	-
Hàng tồn kho	140	9	4.521.766.382.352	3.810.095.215.771
Hàng tồn kho	141		4.538.439.873.598	3.827.369.319.952
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.673.491.246)	(17.274.104.181)
Tài sản ngắn hạn khác	150		176.204.935.732	209.250.529.407
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	59.288.353.847	156.056.494.506
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		116.835.557.323	53.192.367.873
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		81.024.562	1.667.028

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		10.704.828.639.675	10.746.300.510.728
Các khoản phải thu dài hạn	210		21.855.008.176	20.898.388.770
Phải thu từ cho vay dài hạn	215		7.245.908.762	5.573.700.349
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	14.609.099.414	15.324.688.421
Tài sản cố định	220		8.321.053.086.713	8.214.134.749.497
Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.916.322.992.944	7.795.345.501.520
Nguyên giá	222		14.257.738.667.127	13.059.721.039.709
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.341.415.674.183)	(5.264.375.538.189)
Tài sản cố định vô hình	227	11	404.730.093.769	418.789.247.977
Nguyên giá	228		557.891.027.713	553.684.246.456
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(153.160.933.944)	(134.894.998.479)
Bất động sản đầu tư	230	12	136.973.382.326	142.368.204.632
Nguyên giá	231		179.678.050.557	179.678.050.557
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(42.704.668.231)	(37.309.845.925)
Tài sản dở dang dài hạn	240		993.111.642.018	843.679.104.973
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	13	127.671.589.409	82.393.992.187
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	865.440.052.609	761.285.112.786
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		613.806.560.199	940.365.020.223
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(c)	419.909.385.728	397.130.670.931
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	6(c)	11.387.476.240	11.378.476.240
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	6(c)	(7.490.301.769)	(4.740.126.948)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(b)	190.000.000.000	536.596.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		618.028.960.243	584.855.042.633
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	459.395.057.029	417.329.840.261
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	16(a)	34.650.812.752	25.180.187.314
Lợi thế thương mại	269	17	123.983.090.462	142.345.015.058
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		29.378.656.325.464	27.478.175.944.352

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.972.707.036.879	6.554.260.196.767
Nợ ngắn hạn	310		6.457.497.982.894	6.004.316.835.213
Phải trả người bán	311	18	2.561.910.262.979	2.193.602.809.261
Người mua trả tiền trước	312		35.951.866.026	19.882.391.510
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	19	255.510.130.860	215.807.811.014
Phải trả người lao động	314		192.349.429.102	452.476.117.228
Chi phí phải trả	315	20	1.025.974.683.705	593.485.587.927
Doanh thu chưa thực hiện	318		3.360.079.979	1.350.893.817
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	592.099.957.922	644.468.337.067
Vay ngắn hạn	320	22(a)	1.332.666.200.200	1.475.358.507.208
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		889.995.571	2.420.017.605
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	23	456.785.376.550	405.464.362.576
Nợ dài hạn	330		515.209.053.985	549.943.361.554
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.663.272.218	2.598.840.218
Phải trả dài hạn khác	337		589.208.918	2.814.519.233
Vay dài hạn	338	22(b)	326.970.398.182	368.170.178.853
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16(b)	90.025.589.500	89.034.118.250
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	95.960.585.167	87.325.705.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		22.405.949.288.585	20.923.915.747.585
Vốn chủ sở hữu	410	25	22.405.949.288.585	20.923.915.747.585
Vốn cổ phần	411	26	14.514.534.290.000	12.006.621.930.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		260.699.620.761	-
Cổ phiếu quỹ	415	26	(1.176.335.920)	(5.388.109.959)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		5.654.693.453	8.329.599.322
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	1.797.019.925.588	3.291.207.229.973
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.591.831.510.779	5.391.795.573.082
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.928.776.175.324	3.154.335.500.192
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.663.055.335.455	2.237.460.072.890
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		237.385.583.924	231.349.525.167
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		29.378.656.325.464	27.478.175.944.352

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Người lập:



Lê Thành Liêm
Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính
kiểm Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	46.965.003.101.825	40.222.599.525.948
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	170.663.701.551	142.215.015.202
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	30	46.794.339.400.274	40.080.384.510.746
Giá vốn hàng bán	11	31	24.458.633.395.995	23.817.969.568.510
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		22.335.706.004.279	16.262.414.942.236
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	722.560.775.263	648.981.742.038
Chi phí tài chính	22	33	102.450.313.571	162.840.107.939
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.499.350.049	31.277.451.964
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	24	6(c)	16.478.714.797	12.898.974.260
Chi phí bán hàng	25	34	10.758.752.992.255	6.257.506.620.133
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	1.053.251.528.978	1.232.722.578.041
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		11.160.290.659.535	9.271.226.352.421
Thu nhập khác	31	36	182.321.601.244	166.272.240.339
Chi phí khác	32	37	104.985.689.883	70.357.536.375
Lợi nhuận từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		77.335.911.361	95.914.703.964
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.237.626.570.896	9.367.141.056.385
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	1.883.267.418.844	1.471.975.323.593
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	39	(9.470.625.438)	125.612.981.095
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		9.363.829.777.490	7.769.552.751.697

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		9.363.829.777.490	7.769.552.751.697
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		9.350.329.130.383	7.773.409.631.243
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62		13.500.647.107	(3.856.879.546)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	5.831	4.864

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Người lập:



Lê Thành Liêm
Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp) Mẫu B 03 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		11.237.626.570.896	9.367.141.056.385
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.190.837.007.934	1.097.075.552.739
Phân bổ lợi thế thương mại	02		18.361.924.596	18.361.924.596
Các khoản dự phòng	03		24.851.964.200	9.746.294.608
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.318.867.186)	3.971.846.156
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang	05		23.313.975.174	12.204.756.318
Thu nhập từ cổ tức và lãi tiền gửi	05		(660.177.839.434)	(558.765.316.003)
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	05		(16.478.714.797)	(12.898.974.260)
Chi phí lãi vay	06		46.499.350.049	31.277.451.964
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		11.863.515.371.432	9.968.114.592.503
Biến động các khoản phải thu	09		(183.074.482.860)	165.561.724.757
Biến động hàng tồn kho	10		(1.036.885.160.204)	(498.539.245.611)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		330.394.544.447	484.339.606.582
Biến động chi phí trả trước	12		84.053.128.168	(35.873.901.754)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		11.421.007.510	124.141.507.400
			11.069.424.408.493	10.207.744.283.877
Tiền lãi vay đã trả	14		(34.203.620.310)	(27.330.327.473)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.771.242.504.991)	(1.805.610.651.275)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(874.196.976.859)	(715.652.197.441)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		8.389.781.306.333	7.659.151.107.688

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo) Mẫu B 03 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.141.612.752.349)	(1.067.841.221.053)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		50.326.954.998	44.000.581.044
Tiền chi gửi có kỳ hạn	23		(1.448.667.704.487)	(1.309.442.450.000)
Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(190.000.000.000)
Tiền chi cho vay	23		(1.672.208.413)	-
Tiền thu hồi cho vay	24		-	1.821.603.322
Tiền thu hồi từ việc bán công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	155.767.663
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.100.000.000)	(80.161.500.899)
Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác	26		1.800.000.000	13.902.241.885
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		602.139.063.443	460.883.543.055
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(1.945.786.646.808)	(2.126.681.434.983)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		354.965.040.720	-
Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát	31		-	107.476.398.854
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	32		(1.176.335.920)	-
Tiền chi mua thêm cổ phần trong một công ty con từ cổ đông không kiểm soát	32		(68.145.358.428)	-
Tiền thu từ đi vay	33		4.071.885.136.592	3.973.222.371.269
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.260.046.315.599)	(3.782.739.882.737)
Tiền chi trả cổ tức	36		(7.238.478.492.000)	(6.002.261.574.354)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(7.140.996.324.635)	(5.704.302.686.968)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(697.001.665.110)	(171.833.014.263)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.358.682.600.684	1.527.875.428.216
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(35.888.530)	(2.278.224.319)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	62		(6.221.951.608)	4.918.411.050
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61 + 62)	70	5	655.423.095.436	1.358.682.600.684

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Người lập:



Lê Thành Liêm
Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính
kiểm Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành, và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Những hoạt động chính của Công ty là:

- Chế biến, sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, sữa tươi, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, nguyên liệu và hóa chất;
- Kinh doanh bất động sản gồm quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh kho, bến bãi, vận tải hàng hóa nội bộ bằng ô tô phục vụ cho hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty;
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan;
- Sản xuất và mua bán bao bì;
- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa;
- Cung cấp các dịch vụ phòng khám đa khoa;
- Chăn nuôi, trồng trọt;
- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột và thực phẩm khác; và
- Bán lẻ đồ uống có cồn, đồ không chứa cồn (các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có ga), nước khoáng thiên nhiên, rượu vang và bia cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 6 công ty con (1/1/2016: 6 công ty con) được liệt kê như dưới đây:

Công ty con	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	
	31/12/2016	1/1/2016
Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn (*)	100,00%	100,00%
Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia	100,00%	100,00%
Driftwood Dairy Holdings Corporation	100,00%	70,00%
Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	96,11%	96,11%
Angkor Dairy Products Co., Ltd.	51,00%	51,00%

(*) Sau ngày kết thúc niên độ, Công ty con này đã được sáp nhập vào Công ty.

Driftwood Dairy Holdings Corporation được thành lập và hoạt động tại Mỹ, Angkor Dairy Products Co., Ltd. được thành lập và hoạt động tại Campuchia, Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia được thành lập và hoạt động tại Ba Lan, các công ty con còn lại được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 3 công ty liên kết (1/1/2016: 2 công ty liên kết) được liệt kê ở Thuyết minh 6(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 6.981 nhân viên (1/1/2016: 6.661 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái bình quân trong kỳ.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do quy đổi cơ sở hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh tức là mua để bán lại để tạo lợi nhuận. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Điều hành Tập đoàn có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
• máy móc và thiết bị	8 - 15 năm
• phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
• thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
• gia súc	6 năm
• tài sản khác	3 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 6 năm.

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác phản ánh thương hiệu và giá trị quan hệ khách hàng, có được thông qua hợp nhất kinh doanh, ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Thương hiệu và giá trị quan hệ khách hàng được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 - 10 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|---------------------|-------------|
| • quyền sử dụng đất | 49 năm |
| • cơ sở hạ tầng | 10 năm |
| • nhà cửa | 10 - 50 năm |

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không tính khấu hao.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê (“Thông tư 45”). Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 4 năm.

(iii) Chi phí khác

Chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban Điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(m) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, trừ các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Việc mua lại cổ phiếu được phân loại như cổ phiếu quỹ theo vốn chủ sở hữu. Khi các cổ phiếu quỹ này được bán hoặc phát hành lại, số tiền thu được ghi nhận như một khoản tăng thêm của vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thặng dư hay thiếu hụt giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu quỹ, tính theo phương pháp bình quân gia quyền, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành giao dịch được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(vi) Doanh thu từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Doanh thu từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(t) Phân phối cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được trong năm. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong năm kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

(u) Các quỹ

Các quỹ được trích lập dựa theo Điều lệ của Công ty như sau:

- Quỹ khen thưởng và phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế

Việc sử dụng các quỹ nói trên phải được sự phê duyệt của các cổ đông, Ban Điều hành hoặc Tổng Giám đốc, tùy thuộc vào bản chất và quy mô của nghiệp vụ đã được nêu trong Điều lệ và Quy chế Quản lý Tài chính của Công ty.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(x) Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan của Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác Việt Nam ("Nước ngoài"). Tài sản bộ phận và chi tiêu vốn không được trình bày do vị trí tài sản và sản xuất chủ yếu là ở Việt Nam.

	Trong nước (Khách hàng tại Việt Nam)		Nước ngoài (Khách hàng ở các nước khác Việt Nam)		Tổng cộng	
	2016	2015	2016	2015	2016	2015
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	38.098.772.683.879	32.160.905.237.291	8.695.566.716.395	7.919.479.273.455	46.794.339.400.274	40.080.384.510.746
Giá vốn hàng bán	(20.065.856.588.756)	(19.261.905.095.133)	(4.392.776.807.239)	(4.556.064.473.377)	(24.458.633.395.995)	(23.817.969.568.510)
Lợi nhuận theo bộ phận	18.032.916.095.123	12.899.000.142.158	4.302.789.909.156	3.363.414.800.078	22.335.706.004.279	16.262.414.942.236

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	1.355.443.244	1.461.134.841
Tiền đang chuyển	828.777	-
Tiền gửi ngân hàng	598.566.823.415	1.211.056.465.843
Các khoản tương đương tiền	55.500.000.000	146.165.000.000
	655.423.095.436	1.358.682.600.684

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016			1/1/2016		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng giảm giá	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng giảm giá
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu:						
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (*)	442.000.000.000	442.000.000.000	-	442.000.000.000	442.000.000.000	-
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	-	-	-	82.283.660.000	10.784.237.200	(71.499.422.800)
• Khác	1.132.521.486	631.935.400	(500.629.886)	1.697.216.577	1.001.275.920	(696.017.447)
	443.132.521.486	442.631.935.400	(500.629.886)	525.980.876.577	453.785.513.120	(72.195.440.247)

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đã ký một thỏa thuận mua bán cổ phiếu để chuyển nhượng chứng khoán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt, giao dịch này vẫn chưa hoàn tất (Thuyết minh 21). Giá trị ghi sổ của cổ phiếu phản ánh số tiền dự kiến có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

		31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn			
• tiền gửi có kỳ hạn		9.711.117.421.871	8.214.592.500.000
• trái phiếu doanh nghiệp	(*)	300.000.000.000	-
		10.011.117.421.871	8.214.592.500.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn			
• tiền gửi có kỳ hạn		-	46.596.000.000
• trái phiếu doanh nghiệp	(*)	190.000.000.000	490.000.000.000
		190.000.000.000	536.596.000.000

(*) Khoản này phản ánh đầu tư vào trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phát hành với thời gian đáo hạn gốc là 36 tháng từ ngày mua. Các trái phiếu không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm từ 7,5% đến 8,4% (2015: từ 7,5% đến 8%) và có thể thu được lần lượt trong tháng 6 năm 2017 và tháng 9 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Địa chỉ	Thuyết minh	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư góp vốn vào:							
Các công ty liên kết							
• Miraka Limited	109 Tuwharetoa, Taupo, New Zealand		22,81%	22,81%	338.642.990.088	(*)	-
• Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	(**)	15,00%	15,00%	72.902.360.632	(*)	-
• Công ty cổ phần APIS	Số 18A, VSIP II-A, Đường 27, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, Xã Vĩnh Tân, Thị trấn Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	(**)	18,00%	18,00%	8.364.035.008	(*)	-
Khác					419.909.385.728		-
• Quỹ đầu tư tăng trưởng Việt Nam (VF2)	Melinh Point Tower, 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				10.270.276.240	(*)	(7.490.301.769)
• Nhà thuốc - Phòng khám đa khoa An Khang	184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				300.000.000	(*)	
• Khác					817.200.000	(*)	-
					11.387.476.240		(7.490.301.769)
					431.296.861.968		(7.490.301.769)

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Ban Điều hành đánh giá rằng Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này bởi vì Công ty có thành viên trong Hội Đồng Quản Trị của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ngày 1 tháng 1 năm 2016	Địa chỉ	Thuyết minh	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư góp vốn vào:							
Các công ty liên kết							
• Miraka Limited	109 Tuwharetoa, Taupo, New Zealand		22,81%	22,81%	344.633.586.103	(*)	-
• Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm A Châu Sài Gòn Nam	Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	(**)	15,00%	15,00%	52.497.084.828	(*)	-
					397.130.670.931		-
Khác							
• Quỹ đầu tư tăng trưởng Việt Nam (VF2)	Melinh Point Tower, 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				10.270.276.240	(*)	(4.740.126.948)
• Nhà thuốc - Phòng khám đa khoa An Khang	184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				300.000.000	(*)	-
• Khác					808.200.000	(*)	-
					11.378.476.240		(4.740.126.948)
					408.509.147.171		(4.740.126.948)

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Ban Điều hành đánh giá rằng Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty này bởi vì một thành viên trong Ban Điều hành của Công ty là thành viên Hội Đồng Quản Trị của công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Biến động của các khoản đầu tư góp vốn và các công ty liên kết trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	397.130.670.931	317.972.437.657
Đầu tư	8.100.000.000	80.161.500.899
Cổ tức nhận được	(1.800.000.000)	(13.902.241.885)
Lợi nhuận được chia	16.478.714.797	12.898.974.260
Số dư cuối năm	419.909.385.728	397.130.670.931

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	72.195.440.247	139.208.371.400
Tăng dự phòng trong năm	-	2.444.264.188
Hoàn nhập	(260.762.300)	(14.723.076.000)
Sử dụng dự phòng trong năm	(71.439.561.606)	(54.745.741.894)
Chênh lệch quy đổi	5.513.545	11.622.553
Số dư cuối năm	500.629.886	72.195.440.247

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	4.740.126.948	4.857.290.601
Tăng dự phòng trong năm	2.750.174.821	16.201.044
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(133.364.697)
Số dư cuối năm	7.490.301.769	4.740.126.948

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Phải thu khách hàng được liệt kê theo khách hàng chính

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Abdulkarim Alwan Foodstuff Trading (LLC)	429.110.901.892	203.761.695.760
Các khách hàng khác	1.762.237.556.690	1.998.634.359.543
	2.191.348.458.582	2.202.396.055.303

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lãi tiền gửi	269.061.980.250	212.366.875.509
Lãi trái phiếu	17.595.726.029	16.252.054.779
Phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	54.797.825.720	54.213.539.996
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	27.796.047.217	51.308.507.620
Phải thu ký quỹ ngắn hạn	9.449.358.271	3.413.858.029
Phải thu người nhân viên	809.687.030	851.613.738
Tạm ứng cho nhân viên	3.185.564.959	2.472.642.740
Phải thu khác	7.923.083.705	19.116.248.489
	390.619.273.181	359.995.340.900

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu ký quỹ dài hạn	8.361.414.588	8.077.003.595
Phải thu khác	6.247.684.826	7.247.684.826
	14.609.099.414	15.324.688.421

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	634.956.689.982	-	713.368.097.247	-
Nguyên vật liệu	2.533.783.474.836	(7.137.697.729)	2.042.354.953.351	(4.540.567.450)
Công cụ và dụng cụ	17.581.053.761	-	14.690.611.647	-
Sản phẩm dở dang	54.226.522.481	-	40.459.630.933	-
Thành phẩm	1.202.995.232.465	(9.535.793.517)	924.779.281.512	(12.733.536.731)
Hàng hóa	90.105.103.241	-	63.254.608.363	-
Hàng gửi đi bán	4.791.796.832	-	28.462.136.899	-
	4.538.439.873.598	(16.673.491.246)	3.827.369.319.952	(17.274.104.181)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	17.274.104.181	13.124.371.843
Tăng dự phòng trong năm	20.495.989.783	25.106.722.157
Hoàn nhập	(10.690.570.501)	(14.757.077.585)
Sử dụng dự phòng trong năm	(10.406.032.217)	(6.199.912.234)
Số dư cuối năm	16.673.491.246	17.274.104.181

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Gia súc	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	2.755.511.942.189	8.550.599.129.792	751.737.636.813	484.461.722.452	436.181.269.278	81.229.339.185	13.059.721.039.709
Tăng trong năm	15.375.530.144	80.389.786.381	69.732.206.711	25.392.581.985	-	6.998.174.587	197.888.279.808
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	237.131.996.651	600.105.498.867	36.874.527.437	13.108.729.465	-	-	887.220.752.420
Chuyển từ hàng tồn kho	-	-	-	-	272.283.691.202	-	272.283.691.202
Phân loại lại	11.839.362.577	(8.015.376.172)	-	(3.823.986.405)	-	-	-
Thanh lý	(14.029.576.250)	(38.864.141.756)	(12.542.148.178)	(1.707.116.991)	(102.650.375.681)	(943.675.936)	(170.737.034.792)
Giảm khác	(462.424.134)	-	-	-	-	-	(462.424.134)
Chênh lệch quy đổi	1.874.634.617	7.662.333.788	1.116.661.016	257.943.829	-	912.789.664	11.824.362.914
Số dư cuối năm	3.007.241.465.794	9.191.877.230.900	846.918.883.799	517.689.874.335	605.814.584.799	88.196.627.500	14.257.738.667.127
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	593.380.740.026	3.857.225.278.208	314.040.785.468	304.141.447.160	134.940.947.189	60.646.340.138	5.264.375.538.189
Khấu hao trong năm	146.727.368.874	786.673.041.454	74.825.406.590	62.890.165.628	87.997.350.649	8.443.215.259	1.167.556.548.454
Phân loại lại	2.474.487.022	1.370.858.339	-	(3.845.345.361)	-	-	-
Thanh lý	(2.094.576.251)	(33.376.797.555)	(8.739.999.461)	(1.685.295.409)	(50.949.132.361)	(53.619.028)	(96.899.420.065)
Chênh lệch quy đổi	548.463.146	4.282.751.198	590.714.860	169.362.807	-	791.715.594	6.383.007.605
Số dư cuối năm	741.036.482.817	4.616.175.131.644	380.716.907.457	361.670.334.825	171.989.165.477	69.827.651.963	6.341.415.674.183
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	2.162.131.202.163	4.693.373.851.584	437.696.851.345	180.320.275.292	301.240.322.089	20.582.999.047	7.795.345.501.520
Số dư cuối năm	2.266.204.982.977	4.575.702.099.256	466.201.976.342	156.019.539.510	433.825.419.322	18.368.975.537	7.916.322.992.944

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 1.666.304.535.994 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 1.274.052.869.357 VND).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	373.377.557.148	131.590.189.308	48.716.500.000	553.684.246.456
Tăng trong năm	-	1.340.358.000	-	1.340.358.000
Chênh lệch quy đổi	2.303.678.257	20.245.000	542.500.000	2.866.423.257
Số dư cuối năm	375.681.235.405	132.950.792.308	49.259.000.000	557.891.027.713
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	26.543.438.045	76.751.381.576	31.600.178.858	134.894.998.479
Khấu hao trong năm	2.178.493.690	14.312.501.244	1.394.642.240	17.885.637.174
Chênh lệch quy đổi	-	6.119.389	374.178.902	380.298.291
Số dư cuối năm	28.721.931.735	91.070.002.209	33.369.000.000	153.160.933.944
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	346.834.119.103	54.838.807.732	17.116.321.142	418.789.247.977
Số dư cuối năm	346.959.303.670	41.880.790.099	15.890.000.000	404.730.093.769

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 48.086.488.915 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 48.086.488.915 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Nhà cửa	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm và cuối năm	82.224.238.170	6.464.218.561	90.989.593.826	179.678.050.557
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.851.632.773	3.944.983.747	31.513.229.405	37.309.845.925
Khấu hao trong năm	793.556.901	630.586.190	3.970.679.215	5.394.822.306
Số dư cuối năm	2.645.189.674	4.575.569.937	35.483.908.620	42.704.668.231
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	80.372.605.397	2.519.234.814	59.476.364.421	142.368.204.632
Số dư cuối năm	79.579.048.496	1.888.648.624	55.505.685.206	136.973.382.326

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn phản ánh nhà cửa và cơ sở hạ tầng nắm giữ để cho thuê.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê có thể khác với giá trị ghi sổ.

Trong bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 7.892.173.774 VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 7.541.595.410 VND).

13. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỞ DANG DÀI HẠN

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị ghi sổ của các con bò dưới 16 tháng tuổi mà sẽ được chuyển vào tài sản cố định hữu hình dưới danh mục gia súc khi kết thúc gian đoạn mười sáu tháng, khi các con bò đã sẵn sàng cho việc sản xuất sữa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	761.285.112.786	824.432.512.321
Tăng trong năm	1.044.519.335.770	1.108.947.131.917
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(887.220.752.420)	(1.021.415.383.817)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(28.197.705.229)
Chuyển sang hàng tồn kho	(1.374.735.454)	(5.153.262.275)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(28.951.779.818)	(93.491.543.348)
Thanh lý	(3.270.493.241)	-
Giảm khác	(19.493.943.201)	(25.242.167.757)
Chênh lệch quy đổi	(52.691.813)	1.405.530.974
Số dư cuối năm	865.440.052.609	761.285.112.786

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn đang thực hiện như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trang trại bò sữa Tây Ninh	233.475.427.576	236.872.364.848
Máy móc thiết bị - Nhà máy Sữa Việt Nam	179.888.609.336	-
Máy móc thiết bị - Nhà máy Sữa Sài Gòn	90.072.363.870	6.881.459.400
Máy móc thiết bị - Nhà máy Sữa Lam Sơn	30.025.233.724	202.058.180.116
Khác	331.978.418.103	315.473.108.422
	865.440.052.609	761.285.112.786

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí công cụ và dụng cụ trả trước	24.807.070.386	10.647.392.756
Chi phí bảo trì hệ thống và triển khai phần mềm trả trước	5.166.842.293	4.312.079.769
Chi phí cải tạo và sửa chữa trả trước	2.809.598.781	5.090.144.128
Chi phí thuê hoạt động trả trước	7.007.482.846	15.894.422.496
Chi phí quảng cáo trả trước	5.746.426.437	4.448.905.912
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	13.750.933.104	115.663.549.445
	59.288.353.847	156.056.494.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	209.761.204.943	145.952.090.873	61.616.544.445	417.329.840.261
Tăng trong năm	14.781.271.996	123.255.853.848	22.924.037.571	160.961.163.415
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	15.600.000.000	-	13.351.779.818	28.951.779.818
Phân bổ trong năm	(7.452.961.053)	(83.992.013.504)	(55.494.401.960)	(146.939.376.517)
Giảm khác	-	(1.306.566.174)	(208.000)	(1.306.774.174)
Chênh lệch quy đổi	367.836.790	11.923.961	18.663.475	398.424.226
Số dư cuối năm	233.057.352.676	183.921.289.004	42.416.415.349	459.395.057.029

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	20%	-	683.950.320
Chi phí phải trả và dự phòng	20%	35.072.880.406	24.496.236.994
		35.072.880.406	25.180.187.314
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	20%	(422.067.654)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		34.650.812.752	25.180.187.314

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất (*)	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Phải thu khách hàng	40%	2.354.816.280	2.328.882.180
Hàng tồn kho	40%	1.170.465.209	1.157.574.623
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	40%	45.796.087.384	45.291.725.188
Chi phí phải trả	40%	6.138.857.752	6.071.249.187
Khác	40%	503.308.941	497.765.891
		55.963.535.566	55.347.197.069
Dự phòng định giá	40%	(42.225.681.578)	(41.760.641.032)
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		13.737.853.988	13.586.556.037
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Tài sản cố định	40%	(103.616.162.711)	(102.475.015.544)
Khác	40%	(147.280.777)	(145.658.743)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(103.763.443.488)	(102.620.674.287)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần		(90.025.589.500)	(89.034.118.250)

(*) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lỗ tính thuế sử dụng mức thuế suất có hiệu lực của Driftwood Dairy Holdings Corporation, một công ty con thành lập và hoạt động tại Mỹ.

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	142.345.015.058	160.706.939.654
Phân bổ trong năm	(18.361.924.596)	(18.361.924.596)
Số dư cuối năm	123.983.090.462	142.345.015.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp chính

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần APIS	8.760.950.000	8.760.950.000	-	-
Miraka Limited	-	-	74.684.584.840	74.684.584.840
Các nhà cung cấp khác	2.553.149.312.979	2.553.149.312.979	2.118.918.224.421	2.118.918.224.421
	2.561.910.262.979	2.561.910.262.979	2.193.602.809.261	2.193.602.809.261

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

19. THUẾ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	1/1/2016 VND	Phải nộp VND	Đã nộp VND	Chênh lệch quy đổi VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	113.591.963.122	1.998.672.605.825	(2.051.533.044.739)	24.520.644	60.756.044.852
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.789.950.010	1.883.267.418.844	(1.771.242.504.991)	(43.122.752)	174.771.741.111
Thuế thu nhập cá nhân	31.591.679.683	326.775.938.553	(343.451.370.897)	950.900	14.917.198.239
Thuế nhập khẩu	3.233.139.248	141.943.317.441	(143.195.765.072)	(6.283.555)	1.974.408.062
Thuế khác	4.601.078.951	47.484.828.177	(48.994.944.234)	(224.298)	3.090.738.596
	215.807.811.014	4.398.144.108.840	(4.358.417.629.933)	(24.159.061)	255.510.130.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi	584.298.882.216	303.628.936.160
Chi phí quảng cáo	170.814.940.905	54.006.437.728
Chi phí vận chuyển	77.412.131.182	58.991.919.668
Chi phí bảo trì và sửa chữa	11.769.500.442	47.714.730.252
Chi phí nhiên liệu	13.959.796.579	13.355.140.533
Chi phí nhân công thuê ngoài	62.494.315.062	34.667.035.675
Chi phí thuê ụ, kệ trưng bày	922.786.364	740.454.553
Chi phí lãi vay	21.082.620.101	8.786.890.362
Chi phí phải trả khác	83.219.710.854	71.594.042.996
	1.025.974.683.705	593.485.587.927

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải trả khác liên quan đến khoản đầu tư tài chính (*)	448.007.419.155	448.007.419.155
Thuế nhập khẩu phải nộp	42.613.702.494	58.076.771.700
Phải trả ký quỹ ngắn hạn nhận được	71.249.658.216	63.776.967.568
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	728.779.914	1.246.476.469
Chi phiếu chưa thanh toán vượt mức số dư ngân hàng	8.189.608.390	22.824.654.805
Cổ tức phải trả	4.003.285.748	-
Khác	17.307.504.005	50.536.047.370
	592.099.957.922	644.468.337.067

(*) Phải trả khác liên quan đến khoản đầu tư tài chính bao gồm một khoản nhận trước là 447.822.000.000 VND từ một bên thứ ba về việc chuyển nhượng trong tương lai một khoản đầu tư của Tập đoàn vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (Thuyết minh 6(a)). Tại ngày báo cáo, việc chuyển nhượng này vẫn chưa hoàn tất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

22. VAY

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016	Tăng thêm	Chi trả	Chênh lệch quy đổi	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.453.626.907.208	3.959.777.224.432	(4.126.501.758.535)	363.827.095	1.287.266.200.200
Vay dài hạn đến hạn trả	21.731.600.000	44.686.000.000	(21.628.024.000)	610.424.000	45.400.000.000
	1.475.358.507.208	4.004.463.224.432	(4.148.129.782.535)	974.251.095	1.332.666.200.200

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
• Khoản vay 1	(i)	VND	4,90%	1.100.000.000.000	-
• Khoản vay 2		USD	1,28%	-	677.460.000.000
The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
• Khoản vay 1	(ii)	VND	4,90%	100.000.000.000	-
• Khoản vay 2		USD	1,28%	-	564.550.000.000
Wells Fargo	(iii)	USD	2,748%	87.266.200.200	122.662.316.960
Deutsche Polska Spółka Akcyjna					
• Khoản vay 1		EUR	1,10%	-	21.336.313.870
• Khoản vay 2		PLN	2,81%	-	67.618.276.378
				1.287.266.200.200	1.453.626.907.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.300 tỷ VND và không được đảm bảo.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50 triệu USD và không được đảm bảo.
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 169.897 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 226.111 triệu VND).

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Vay dài hạn	372.370.398.182	389.901.778.853
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(45.400.000.000)	(21.731.600.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	326.970.398.182	368.170.178.853

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay		Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Sumitomo Mitsui Banking Corporation	(i)	USD	2,71%	2020	363.200.000.000	246.950.000.000
Các cá nhân	(ii)	VND	Không	2039	9.170.398.182	10.824.975.403
Wells Fargo						
• Khoản vay 1		USD	2,375%	2016	-	98.690.200.000
• Khoản vay 2		USD	2,375%	2016	-	33.436.603.450
					372.370.398.182	389.901.778.853

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng ký quỹ dài hạn và tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 76.500 triệu VND (1/1/2016: 46.596 triệu VND) và 424.927 triệu VND (1/1/2016: không).
- (ii) Các khoản vay này không có đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

23. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dùng để trả khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	405.464.362.576	355.719.314.789
Trích quỹ trong năm	924.744.180.232	768.905.099.077
Sử dụng quỹ trong năm	(873.423.166.258)	(719.160.051.290)
Số dư cuối năm	456.785.376.550	405.464.362.576

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Biến động dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND
Số dư đầu năm	87.325.705.000
Tăng dự phòng trong năm	10.053.842.830
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.418.962.663)
Số dư cuối năm	95.960.585.167

25. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	10.006.413.990.000	-	(5.388.109.959)	(161.099.075)	2.521.718.366.944	7.157.699.467.945	119.953.867.653	19.800.236.483.508
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	2.000.207.940.000	-	-	-	-	(2.000.207.940.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	7.773.409.631.243	(3.856.879.546)	7.769.552.751.697
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	769.488.863.029	(769.488.863.029)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(768.905.099.077)	-	(768.905.099.077)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	(6.000.711.624.000)	(1.549.950.354)	(6.002.261.574.354)
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	107.476.398.854	107.476.398.854
Điều chỉnh	-	-	-	-	-	-	1.863.569.438	1.863.569.438
Chênh lệch quy đổi	-	-	-	8.490.698.397	-	-	7.462.519.122	15.953.217.519
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	12.006.621.930.000	-	(5.388.109.959)	8.329.599.322	3.291.207.229.973	5.391.795.573.082	231.349.525.167	20.923.915.747.585
Phát hành cổ phiếu	2.507.912.360.000	260.699.620.761	5.388.109.959	-	(2.419.035.050.000)	-	-	354.965.040.720
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(1.176.335.920)	-	-	-	-	(1.176.335.920)
Hoàn trả vốn cho lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(62.222.774.839)	(5.922.583.589)	(68.145.358.428)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	9.350.329.130.383	13.500.647.107	9.363.829.777.490
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	924.847.745.615	(924.847.745.615)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(924.744.180.232)	-	(924.744.180.232)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	(7.238.478.492.000)	(4.003.285.748)	(7.242.481.777.748)
Chênh lệch quy đổi	-	-	-	(2.674.905.869)	-	-	2.461.280.987	(213.624.882)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	14.514.534.290.000	260.699.620.761	(1.176.335.920)	5.654.693.453	1.797.019.925.588	5.591.831.510.779	237.385.583.924	22.405.949.288.585

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

26. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.451.453.429	14.514.534.290.000	1.200.662.193	12.006.621.930.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.451.453.429	14.514.534.290.000	1.200.662.193	12.006.621.930.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(27.100)	(1.176.335.920)	(522.795)	(5.388.109.959)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.451.426.329	14.513.357.954.080	1.200.139.398	12.001.233.820.041

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	1.200.139.398	12.001.233.820.041	1.000.118.604	10.001.025.880.041
Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") trong năm (*)				
• Phát hành cổ phiếu mới	8.887.731	88.877.310.000	-	-
• Phát hành lại cổ phiếu quỹ	522.795	5.388.109.959	-	-
Cổ phiếu thưởng phát hành trong năm (**)	241.903.505	2.419.035.050.000	200.020.794	2.000.207.940.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(27.100)	(1.176.335.920)	-	-
Số dư cuối năm	1.451.426.329	14.513.357.954.080	1.200.139.398	12.001.233.820.041

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(*) Ngày 13 tháng 7 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định phát hành 9.410.526 cổ phiếu phổ thông (bao gồm 8.887.731 cổ phiếu phổ thông mới và 522.795 cổ phiếu quỹ) cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") với giá phát hành là 37.720 VND/cổ phiếu.

(**) Ngày 7 tháng 9 năm 2016, Công ty đã phát hành 241.903.505 cổ phiếu thưởng (2015: 200.020.794 cổ phiếu thưởng) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1 cổ phiếu mới cho mỗi 5 cổ phiếu phổ thông hiện đang nắm giữ.

27. CỔ TỨC

Ngày 6 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 8 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức với tổng số tiền là 7.238 tỷ VND (2.000 VND/cổ phiếu cho đợt 1 và 4.000 VND/cổ phiếu cho đợt 2) (2015: 6.001 tỷ VND (2.000 VND/cổ phiếu cho đợt 1 và 4.000 VND/cổ phiếu cho đợt 2)).

28. QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Theo điều lệ của Công ty, Công ty trích 10% lợi nhuận thuần sau thuế để mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai và được phản ánh như quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu. Khi quỹ này được dùng để mở rộng kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển vào vốn cổ phần.

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng 1 năm	29.027.143.771	25.336.827.248
Từ 2 đến 5 năm	64.918.173.271	53.819.969.794
Trên 5 năm	315.191.823.980	329.963.585.585
	409.137.141.022	409.120.382.627

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
USD	793.767	18.018.504.317	22.791.963	511.679.564.411
EUR	797	19.013.213	19.731	481.733.342
		18.037.517.530		512.161.297.753

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	832.902.274.687	257.229.592.474

30. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
• Bán thành phẩm	45.088.795.081.554	39.316.828.133.077
• Bán hàng hóa	1.724.189.208.675	759.227.375.698
• Cho thuê bất động sản đầu tư	15.348.087.988	14.338.329.179
• Các dịch vụ khác	58.757.721.588	50.347.479.867
• Bán phế liệu	77.913.002.020	81.858.208.127
	46.965.003.101.825	40.222.599.525.948
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
• Chiết khấu thương mại	(648.096.440)	(613.913.938)
• Giảm giá hàng bán	(46.977.093.895)	(2.169.545.595)
• Hàng bán bị trả lại	(123.038.511.216)	(139.431.555.669)
	(170.663.701.551)	(142.215.015.202)
Doanh thu thuần	46.794.339.400.274	40.080.384.510.746

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2016 VND	2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
• Thành phẩm đã bán	21.872.624.507.790	21.535.782.480.054
• Giá vốn hàng khuyến mãi	1.138.195.464.367	1.810.896.557.255
• Hàng hoá đã bán	1.418.989.239.429	431.399.465.197
• Chi phí hoạt động của bất động sản đầu tư	9.386.311.293	8.283.134.306
• Dịch vụ khác	9.148.398.155	5.297.368.026
• Chi phí hoạt động dưới công suất	484.055.679	15.960.919.100
• Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.805.419.282	10.349.644.572
	24.458.633.395.995	23.817.969.568.510

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	620.334.192.891	530.652.635.439
Lãi trái phiếu doanh nghiệp	38.593.671.250	27.693.150.666
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	62.198.403.527	90.139.210.435
Cổ tức	980.729.583	93.233.390
Lãi thanh lý chứng khoán kinh doanh	8.030	77.215.600
Khác	453.769.982	326.296.508
	722.560.775.263	648.981.742.038

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	46.499.350.049	31.277.451.964
Chi phí lãi cho các khoản ký quỹ nhận được	2.389.947.521	2.263.051.997
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	49.553.805.011	141.526.644.713
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư tài chính	2.489.412.521	(12.262.610.768)
Lỗ thanh lý chứng khoán kinh doanh	1.470.577.500	-
Hoàn nhập chi phí chiết khấu cho nhà phân phối	-	(273.015.418)
Khác	47.220.969	308.585.451
	102.450.313.571	162.840.107.939

34. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	585.790.673.617	532.045.832.820
Chi phí nguyên vật liệu	37.395.046.161	42.207.833.043
Chi phí công cụ, dụng cụ	109.854.577.568	83.076.859.040
Chi phí khấu hao	38.765.880.497	35.163.159.190
Chi phí bảo hành	37.765.793.197	27.852.721.760
Chi phí vận chuyển hàng	599.832.336.441	600.604.238.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	327.632.222.918	266.802.880.266
Chi phí quảng cáo và nghiên cứu thị trường	2.074.503.973.229	1.807.132.731.558
Chi phí khuyến mãi, trưng bày sản phẩm và hỗ trợ bán hàng	6.947.212.488.627	2.862.620.363.693
	10.758.752.992.255	6.257.506.620.133

35. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	373.210.670.759	632.138.253.862
Chi phí vật liệu quản lý	13.243.885.262	18.028.724.493
Chi phí đồ dùng văn phòng	15.927.230.346	15.633.222.516
Chi phí khấu hao	87.997.049.942	81.344.851.071
Thuế, phí và lệ phí	19.815.382.621	20.831.262.533
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng trợ cấp thôi việc	12.533.717.997	11.659.260.803
Chi phí vận chuyển	42.113.499.607	46.856.620.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	279.820.861.164	228.283.691.069
Chi phí nhập hàng	22.111.996.989	23.293.724.175
Công tác phí	47.244.388.376	35.496.668.568
Chi phí dịch vụ ngân hàng	10.354.479.579	8.687.186.125
Chi phí khác	128.878.366.336	110.469.112.485
	1.053.251.528.978	1.232.722.578.041

36. THU NHẬP KHÁC

	2016 VND	2015 VND
Thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	100.525.060.680	79.652.573.289
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	51.095.907.908	44.020.557.044
Thu nhập từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	2.785.368.565	-
Bồi thường nhận từ các bên khác	4.356.970.526	11.881.210.135
Thu nhập khác	23.558.293.565	30.717.899.871
	182.321.601.244	166.272.240.339

37. CHI PHÍ KHÁC

	2016 VND	2015 VND
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	73.837.614.727	56.205.337.362
Giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang đã thanh lý	3.270.493.241	-
Chi phí khác	27.877.581.915	14.152.199.013
	104.985.689.883	70.357.536.375

38. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	18.628.772.456.134	18.812.924.190.885
Chi phí nhân công	1.996.826.287.370	2.081.129.447.067
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.190.109.115.617	1.097.075.552.737
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.092.594.477.113	1.871.562.626.528
Chi phí khác	10.746.432.440.371	6.967.546.379.161

39. THUẾ THU NHẬP

(i) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	1.878.787.864.681	1.483.785.417.085
Dự phòng thiếu/(thừa) trong năm trước	4.479.554.163	(11.810.093.492)
	1.883.267.418.844	1.471.975.323.593
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(9.470.625.438)	125.612.981.095
Chi phí thuế thu nhập	1.873.796.793.406	1.597.588.304.688

(ii) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.237.626.570.896	9.367.141.056.385
Thuế theo thuế suất của Công ty	2.247.525.314.179	2.060.771.032.405
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất của các chi nhánh và nhà máy của Công ty	(45.822.933.682)	(34.272.183.507)
Thu nhập không bị tính thuế	(16.024.352.262)	(3.068.745.654)
Chi phí không được khấu trừ thuế	9.321.355.251	6.830.967.388
Ưu đãi thuế	(339.788.398.372)	(441.328.763.137)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	14.106.254.129	17.948.071.954
Dự phòng thiếu/(thừa) trong năm trước	4.479.554.163	(11.810.093.492)
Giảm tài sản thuế hoãn lại do giảm thuế suất từ 22% xuống 20%	-	2.518.018.731
	1.873.796.793.406	1.597.588.304.688

(iii) Thuế suất áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn chịu thuế thu nhập theo các mức thuế suất khác nhau từ 7,5% đến 40% tính trên thu nhập chịu thuế tùy thuộc vào hoạt động kinh doanh chính của các nhà máy. Công ty và tất cả công ty con, ngoại trừ Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam, đã phát sinh chi phí thuế thu nhập.

40. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi là 8.425.584.950.151 VND (2015: 7.005.672.060.067 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 1.444.976.498 cổ phiếu (2015: 1.440.167.278 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận thuần trong năm - thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	9.350.329.130.383	7.773.409.631.243
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	(924.744.180.232)	(767.737.571.176)
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	8.425.584.950.151	7.005.672.060.067

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016	2015
		Điều chỉnh lại
Số lượng cổ phiếu phổ thông đầu năm	1.200.139.398	1.000.118.604
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	240.025.825	200.020.794
Ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố liên quan đến cổ phiếu thưởng phát hành trong năm 2016	-	240.027.880
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành theo ESOP	4.813.253	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ mua lại	(1.978)	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	1.444.976.498	1.440.167.278

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

41. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

(a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty giám sát Ban Điều hành trong việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(b) Khung quản lý rủi ro

Ban Điều hành có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Điều hành có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(c) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	654.067.652.192	1.357.221.465.843
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(iii)	10.201.117.421.871	8.751.188.500.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	(iv)	2.567.862.867.313	2.525.445.056.752
		13.423.047.941.376	12.633.855.022.595

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng đáng kể nào từ các khoản tiền gửi này và cho rằng các tổ chức tài chính này không thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi có kỳ hạn. Rủi ro tín dụng của Tập đoàn từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng tổ chức phát hành công cụ. Đối phó với những rủi ro này, Ban Điều hành của Tập đoàn phân tích độ tin cậy của tổ chức phát hành trước khi mua các công cụ này. Ban Điều hành đánh giá tổ chức phát hành có sổ sách theo dõi tốt và tin rằng rủi ro tín dụng của các công cụ này thấp. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, được giữ chủ yếu bởi các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy bất kỳ rủi ro tín dụng đáng kể nào từ các khoản tiền gửi này và tin rằng các tổ chức tài chính này không thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

Không có khoản dự phòng giảm giá nào cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016.

(iv) Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn từ phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Điều hành của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt của Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét khi cần. Khách hàng không thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Tập đoàn với điều kiện thanh toán trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn. Ban Điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Quá hạn từ 1 - 30 ngày	81.855.992.649	96.899.185.010
Quá hạn từ 31 - 60 ngày	13.755.346.112	23.779.538.115
Quá hạn từ 61 - 90 ngày	3.781.593.648	3.602.627.830
Quá hạn trên 90 ngày	778.939.970	2.661.741.428
	100.171.872.379	126.943.092.383

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	3.211.964.123	5.917.834.434
Tăng dự phòng trong năm	2.503.289.567	36.939.471
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.588.624.041)	(2.905.930.653)
Chênh lệch quy đổi	41.943.771	163.120.871
Số dư cuối năm	4.168.573.420	3.211.964.123

(d) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND	2 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Phải trả người bán	2.561.910.262.979	2.561.910.262.979	2.561.910.262.979	-	-	-
Phải trả người lao động	192.349.429.102	192.349.429.102	192.349.429.102	-	-	-
Chi phí phải trả	1.025.974.683.705	1.025.974.683.705	1.025.974.683.705	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	592.099.957.922	592.099.957.922	592.099.957.922	-	-	-
Vay ngắn hạn	1.332.666.200.200	1.344.537.512.722	1.344.537.512.722	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	589.208.918	589.208.918	-	589.208.918	-	-
Vay dài hạn	326.970.398.182	364.085.654.849	15.584.306.667	8.612.380.000	330.718.570.000	9.170.398.182
	6.032.560.141.008	6.081.546.710.197	5.732.456.153.097	9.201.588.918	330.718.570.000	9.170.398.182

Ngày 1 tháng 1 năm 2016

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND	2 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Phải trả người bán	2.193.602.809.261	2.193.602.809.261	2.193.602.809.261	-	-	-
Phải trả người lao động	452.476.117.228	452.476.117.228	452.476.117.228	-	-	-
Chi phí phải trả	593.485.587.927	593.485.587.927	593.485.587.927	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	644.468.337.067	644.468.337.067	644.468.337.067	-	-	-
Vay ngắn hạn	1.475.358.507.208	1.493.250.150.278	1.493.250.150.278	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	2.814.519.233	2.814.519.233	-	2.814.519.233	-	-
Vay dài hạn	368.170.178.853	397.799.646.142	33.297.676.461	101.787.994.278	251.889.000.000	10.824.975.403
	5.730.376.056.777	5.777.897.167.136	5.410.580.678.222	104.602.513.511	251.889.000.000	10.824.975.403

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

(e) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) **Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD) và Euro (EUR).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2016		1/1/2016	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	793.767	797	22.791.963	19.731
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	23.235.629	-	13.886.927	-
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	(27.364.040)	(1.007.932)	(24.515.508)	(1.363.805)
	(3.334.644)	(1.007.135)	12.163.382	(1.344.074)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày			
	31/12/2016 VND		1/1/2016 VND	
	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán
1 USD	22.700	22.790	22.450	22.520
1 EUR	23.847	24.182	24.415	24.711

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần sau thuế VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
USD (mạnh thêm 1%)	(625.273.376)
EUR (yếu đi 2%)	389.676.647
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	
USD (mạnh thêm 5%)	10.582.721.426
EUR (yếu đi 6%)	1.554.660.914

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn.

(ii) **Rủi ro lãi suất**

Các thay đổi lãi suất sẽ không ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn.

(iii) **Rủi ro giá**

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong 2 năm vừa qua.

Đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn niêm yết, nếu giá chứng khoán tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác kể cả thuế suất giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn sẽ không bị ảnh hưởng đáng kể.

42. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Loại giao dịch	2016 VND	2015 VND
Miraka Limited	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	24.586.164.960	456.404.881.496
		Góp vốn	-	80.161.500.899
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.912.758.807	510.424.095
Công ty Cổ phần APIS	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	445.512.000	-
		Mua hàng hóa	21.767.504.800	-
		Góp vốn	8.100.000.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành		Thù lao	90.786.063.749	67.282.713.861
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước		Cổ tức	3.246.324.480.000	2.705.270.400.000

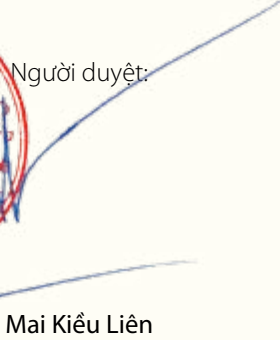
Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Người lập:



Lê Thành Liêm
Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		17.801.341.382.408	15.822.463.925.273
Tiền	110	5	485.358.843.152	1.067.935.585.325
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.368.523.488.016	8.653.183.733.226
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	442.023.488.016	524.884.057.132
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	-	(71.700.323.906)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	9.926.500.000.000	8.200.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.702.207.940.196	2.558.257.733.837
Phải thu khách hàng	131	7	1.983.880.118.265	2.059.022.259.461
Trả trước cho người bán	132		240.402.985.745	108.355.688.039
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	478.323.444.840	390.914.195.337
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(475.005.167)	(34.409.000)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		76.396.513	-
Hàng tồn kho	140	9	4.098.729.148.422	3.467.279.028.328
Hàng tồn kho	141		4.115.402.639.668	3.484.395.015.086
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.673.491.246)	(17.115.986.758)
Tài sản ngắn hạn khác	150		146.521.962.622	75.807.844.557
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	33.324.800.182	38.346.903.574
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		113.197.162.440	37.460.940.983

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		10.321.862.962.386	10.186.083.968.354
Các khoản phải thu dài hạn	210		15.126.638.176	14.238.293.770
Phải thu từ cho vay dài hạn	215		7.245.908.762	5.573.700.349
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	7.880.729.414	8.664.593.421
Tài sản cố định	220		5.790.522.519.072	6.195.233.101.403
Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.612.296.370.375	6.002.218.183.000
Nguyên giá	222		10.748.406.433.591	10.302.040.639.636
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.136.110.063.216)	(4.299.822.456.636)
Tài sản cố định vô hình	227	11	178.226.148.697	193.014.918.403
Nguyên giá	228		297.619.795.932	296.279.437.932
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(119.393.647.235)	(103.264.519.529)
Bất động sản đầu tư	230	12	134.895.415.278	139.722.647.798
Nguyên giá	231		176.272.511.838	176.272.511.838
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(41.377.096.560)	(36.549.864.040)
Tài sản dở dang dài hạn	240		430.308.443.075	277.294.577.637
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	430.308.443.075	277.294.577.637
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.616.419.284.278	3.255.627.270.385
Đầu tư vào các công ty con	251	6(c)	3.126.810.823.122	2.500.056.584.693
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(c)	319.289.808.669	311.189.808.669
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	6(c)	10.570.276.240	10.570.276.240
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	6(c)	(30.251.623.753)	(102.785.399.217)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(b)	190.000.000.000	536.596.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		334.590.662.507	303.968.077.361
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	299.939.849.755	278.787.890.047
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	34.650.812.752	25.180.187.314
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		28.123.204.344.794	26.008.547.893.627

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo) Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.329.270.261.772	5.650.757.468.579
Nợ ngắn hạn	310		6.233.534.218.272	5.563.657.738.579
Phải trả người bán	311	16	2.568.934.375.909	2.118.962.866.700
Người mua trả tiền trước	312		35.900.744.953	14.656.723.939
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	17	245.031.363.448	204.127.132.111
Phải trả người lao động	314		166.926.421.131	439.923.313.515
Chi phí phải trả	315	18	984.149.487.382	559.028.023.597
Doanh thu chưa thực hiện	318	19	2.629.190.398	140.459.988
Phải trả ngắn hạn khác	319		574.093.150.299	579.352.532.299
Vay ngắn hạn	320	20	1.200.000.000.000	1.242.010.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		889.995.571	2.420.017.605
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	21	454.979.489.181	403.036.668.825
Nợ dài hạn	330		95.736.043.500	87.099.730.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	95.736.043.500	87.099.730.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		21.793.934.083.022	20.357.790.425.048
Vốn chủ sở hữu	410	23	21.793.934.083.022	20.357.790.425.048
Vốn cổ phần	411	24	14.514.534.290.000	12.006.621.930.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		260.699.620.761	-
Cổ phiếu quỹ	415	24	(1.176.335.920)	(5.388.109.959)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	1.794.957.937.585	3.289.455.938.121
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.224.918.570.596	5.067.100.666.886
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.666.821.870.886	2.925.674.513.466
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.558.096.699.710	2.141.426.153.420
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		28.123.204.344.794	26.008.547.893.627

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Người lập:



Lê Thành Liêm
Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 Mẫu B 02 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	43.932.164.892.426	38.009.930.558.904
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	123.038.511.216	96.431.044.141
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	43.809.126.381.210	37.913.499.514.763
Giá vốn hàng bán	11	29	22.522.706.121.326	22.470.518.366.089
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		21.286.420.259.884	15.442.981.148.674
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	775.693.544.401	639.783.992.634
Chi phí tài chính	22	31	(1.239.350.917)	114.125.221.658
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		29.633.689.355	13.936.351.072
Chi phí bán hàng	25	32	10.320.592.720.769	5.883.383.256.260
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	788.972.501.837	962.654.397.973
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		10.953.787.932.596	9.122.602.265.417
Thu nhập khác	31	34	263.295.376.038	243.666.523.615
Chi phí khác	32	35	150.146.674.029	120.734.150.499
Lợi nhuận từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		113.148.702.009	122.932.373.116
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.066.936.634.605	9.245.534.638.533
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	1.831.036.765.405	1.442.545.945.664
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	(9.470.625.438)	125.612.981.095
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		9.245.370.494.638	7.677.375.711.774

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Người lập:



Lê Thành Liêm
Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		11.066.936.634.605	9.245.534.638.533
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		898.148.802.451	876.974.011.354
Các khoản dự phòng	03		(52.422.845.107)	(6.408.292.749)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.318.867.186)	3.971.846.156
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang	05		(8.235.817.112)	(29.185.557)
Lãi từ đánh giá lại tài sản cố định góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	05		-	(31.819.572.312)
Thu nhập lãi và cổ tức	05		(737.410.536.886)	(568.382.740.773)
Chi phí lãi vay	06		29.633.689.355	13.936.351.072
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		11.195.331.060.120	9.533.777.055.724
Biến động các khoản phải thu	09		(160.447.236.353)	4.716.611.940
Biến động hàng tồn kho	10		(641.911.165.310)	(104.950.486.317)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		491.914.423.870	707.401.466.587
Biến động chi phí trả trước	12		(13.380.568.323)	9.621.315.706
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		11.421.007.510	124.141.507.400
			10.882.927.521.514	10.274.707.471.040
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.991.217.076)	(11.011.405.053)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.722.453.829.341)	(1.778.837.496.979)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(873.366.606.379)	(713.985.716.879)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		8.271.115.868.718	7.770.872.852.129

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(743.276.724.586)	(478.842.215.913)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		157.426.587.913	109.734.366.971
Tiền chi gửi có kỳ hạn	23		(1.379.904.000.000)	(1.350.000.000.000)
Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(190.000.000.000)
Tiền chi cho vay	23		(1.672.208.413)	-
Tiền thu hồi cho vay	24		-	1.821.603.322
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(634.854.238.429)	(693.316.294.124)
Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác	26		-	155.767.663
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		675.323.648.354	470.382.978.056
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(1.926.956.935.161)	(2.130.063.794.025)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		354.965.040.720	-
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	32		(1.176.335.920)	-
Tiền thu từ đi vay	33		1.200.000.000.000	1.242.010.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.242.010.000.000)	(1.110.720.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(7.238.478.492.000)	(6.000.711.624.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.926.699.787.200)	(5.869.421.624.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(582.540.853.643)	(228.612.565.896)
Tiền đầu năm	60		1.067.935.585.325	1.298.826.375.540
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61		(35.888.530)	(2.278.224.319)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	485.358.843.152	1.067.935.585.325

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Người lập:



Lê Thành Liêm
Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:




Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (THEO IFRS)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngoài báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam trên, Vinamilk xin trình bày thêm bảng tóm tắt báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam như sau:

	2016 (Triệu VND)	2015 (Triệu VND)
I. BÁO CÁO LÃI LỖ		
Tổng doanh thu	41.315.152	38.178.396
Giá vốn hàng bán	(25.009.022)	(24.085.633)
Lợi nhuận gộp	16.306.130	14.092.763
Thu nhập khác	74.623	68.131
Chi phí bán hàng	(5.621.158)	(4.540.368)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.267.857)	(1.453.908)
(Lỗ)/Lợi nhuận khác - thuần	(81.330)	37.951
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.410.408	8.204.569
Doanh thu hoạt động tài chính	658.928	558.347
Chi phí tài chính	(78.506)	(92.839)
Thu nhập tài chính thuần	580.422	465.508
Lợi nhuận được chia từ phần đầu tư vốn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	16.479	12.899
Lợi nhuận trước thuế	10.007.309	8.682.976
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.858.564)	(1.621.922)
Lợi nhuận thuần từ các hoạt động kinh doanh còn tiếp tục	8.148.745	7.061.054
Lỗ thuần từ các hoạt động kinh doanh đã dừng (sau khi trừ thuế thu nhập doanh nghiệp)	-	-
Lợi nhuận thuần	8.148.745	7.061.054
II. CÁC NHÓM THU NHẬP KHÁC		
Các khoản mục có thể được chuyển vào báo cáo lãi lỗ		
Thay đổi trong giá trị hợp lý của tài sản tài chính sẵn sàng để bán	53.711	(89.127)
Tổng các nhóm thu nhập	8.202.456	6.971.927
Lợi nhuận thuần phân bổ cho:		
Chủ sở hữu Tập đoàn	8.135.244	7.064.911
Cổ đông không kiểm soát	13.501	(3.857)
Lợi nhuận thuần	8.148.745	7.061.054

	2016 (Triệu VND)	2015 (Triệu VND)
Tổng thu nhập phân bổ cho:		
Chủ sở hữu Tập đoàn	8.188.955	6.975.784
Cổ đông không kiểm soát	13.501	(3.857)
Tổng thu nhập	8.202.456	6.971.927
Lãi trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (bằng VND)	5.630	4.906
Lãi cơ bản trên cổ phiếu từ các hoạt động kinh doanh còn tiếp tục (bằng VND)	5.630	4.906





ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRỤ SỞ

10 Tân Trào, Phường Tân Phú,
Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (+84.8) 54 155 555
Fax: (+84.8) 54 161 226
Email: vinamilk@vinamilk.com.vn
Website: www.vinamilk.com.vn

CHI NHÁNH BÁN HÀNG

- 1 CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI**
Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi
Resco, 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh,
Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
ĐT: (+84.4) 37 246 019
Fax: (+84.4) 37 246 005
- 2 CHI NHÁNH TẠI ĐÀ NẴNG**
12 Chi Lăng, Phường Hải Châu II,
Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT: (+84.511) 3 584 848
Fax: (+84.511) 3 897 223
- 3 CHI NHÁNH TẠI CẦN THƠ**
86D Hùng Vương, Phường Thới Bình,
Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
ĐT: (+84.710) 6 256 555
Fax: (+84.710) 3 827 334

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

- 1 CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU THỰC PHẨM Á CHÂU SÀI GÒN**
Lô C-9E-CN, KCN Mỹ Phước 3,
Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: (+84.650) 3 510 175
Fax: (+84.650) 3 510 176
Website: www.afi.vn
- 2 CÔNG TY CỔ PHẦN APIS**
Số 18A VSIP II-A, đường số 27, Khu
công nghiệp Việt Nam - Singapore
II-A, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- 3 CÔNG TY TNHH MIRAKA**
108 Tuwharetoa St, Taupo, New
Zealand, PO Box 740, Taupo, 3351,
New Zealand
ĐT: +64 7 376 0075
Fax: +64 7 377 0694
Website: www.miraka.co.nz

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

- 1 NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ**
Lô 46, Khu Công nghiệp Trà Nóc I,
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy,
TP. Cần Thơ
ĐT: (+84.710) 6 258 555
Fax : (+84.710) 6 255 998
- 2 NHÀ MÁY SỮA TRƯỜNG THỌ**
32 Đặng Văn Bi, Phường Trường
Thọ, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (+84.8) 62 527 555
Fax: (+84.8) 38 966 884
- 3 NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT**
12 Đặng Văn Bi, Phường Trường
Thọ, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (+84.8) 625 29 555
Fax: (+84.8) 62 88 57 27
- 4 NHÀ MÁY SỮA SÀI GÒN**
Lô 1-18 Khu G1- KCN Tân Thới
Hiệp, Hương lộ 80, Phường Hiệp
Thành, Q.12, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (+84.8) 62 528 555
Fax: (+84. 8) 37 176 353
- 5 NHÀ MÁY SỮA DIELAC**
Xã lộ Hà Nội, KCN Biên Hòa 1, Phường
An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
ĐT: (+84.61) 6 256 555
Fax: (+84.61) 3 836 015
- 6 NHÀ MÁY SỮA BỘT VIỆT NAM**
Số 9, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam -
Singapore 1, Thị xã Thuận An,
Tỉnh Bình Dương
ĐT: (+84.65) 37 99 628
Fax: (+84.65) 37 99 625
- 7 NHÀ MÁY SỮA VIỆT NAM**
Lô A-4-CN, A-5-CN, A-6-CN, A-7-
CN, KCN Mỹ Phước 2, Huyện Bến
Cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: (+84.65) 3 55 99 88
Fax: (+84.65) 3 55 99 60
- 8 NHÀ MÁY NƯỚC GIẢI KHÁT VIỆT NAM**
Lô A, Đường NA7, KCN Mỹ Phước
2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến
Cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: (+84.650) 3 55 68 39
Fax: (+84.650) 3 55 68 90
- 9 NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG**
Lô Q, Đường số 7, KCN Hòa Khánh,
Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên
Chiểu, TP. Đà Nẵng
ĐT: (+84.0511) 62 59 777
Fax: (+84.0511) 62 59 555
- 10 NHÀ MÁY SỮA BÌNH ĐỊNH**
87 Hoàng Văn Thụ, Phường Quang
Trung, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
ĐT: (+84.56) 6 253 555
Fax: (+84.56) 3 746 065
- 11 NHÀ MÁY SỮA NGHỆ AN**
Đường Sào Nam, Phường Nghi Thu,
Thị Xã Cửa Lò, Nghệ An
ĐT: (+84.38) 6 259 555
Fax: (+84.38) 3 824 717
- 12 NHÀ MÁY SỮA TIỀN SON**
Khu Công nghiệp Tiên Sơn,
Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du,
Tỉnh Bắc Ninh
ĐT: (+84.241) 3 739 568
Fax: (+84.241) 3 714 814
- 13 XÍ NGHIỆP KHO VẬN HCM**
32 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ,
Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (+84.8) 62 526 555
Fax: (+84.8) 38 960 804
- 14 XÍ NGHIỆP KHO VẬN HÀ NỘI**
Km 10, Quốc lộ 5, Xã Dương Xá,
Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội
ĐT: (+84.4) 36 789 489
Fax: (+84.4) 38 276 966
- 15 PHÒNG KHÁM AN KHANG**
184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu,
P.6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (+84.8) 3930 2785
Fax: (+84.8) 3930 2708
- 16 VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÁI LAN**
Tầng 20 Tòa nhà AIA Capital Center
Số 89 Đường Ratchadapisek,
Kwaeng Dindaeng, Khet Dindaeng,
Bangkok 10400

CÁC CÔNG TY CON

- 1 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM**
10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7,
Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (+84.8) 54 155 555
Fax: (+84.8) 54 161 224
- 2 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỮA LAM SON**
Khu Công nghiệp Lễ Môn, TP.
Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
ĐT: (+84.37) 3 912 540
Fax: (+84.37) 3 912 541
- 3 CÔNG TY TNHH BÒ SỮA THỐNG NHẤT THANH HÓA**
Khu phố 1, Thị trấn Nông trường
Thống Nhất, Huyện Yên Định, Tỉnh
Thanh Hóa
ĐT: (+84.37) 35 14 020
Fax: (+84.37) 35 99 008
- 4 DRIFTWOOD DAIRY HOLDING CORPORATION**
10724 E. Lower Azusa Road, El
Monte, California 91731-1390,
United States
ĐT: (+626) 444 9591
Website: www.driftwooddairy.com
- 5 ANGKOR DAIRY PRODUCTS CO., LTD.**
Lô P2-096 và P2-097, Đặc khu kinh tế
Phnom Penh (PPSEZ), Quốc lộ 4, Khan
PoSenChey, Thủ đô Phnom Penh,
Campuchia
ĐT: (+855) 24683 9999
Website: www.angkormilk.com.kh
- 6 CÔNG TY TNHH VINAMILK CHÂU ÂU**
Gwiazdzista 7a/4, 01-065 Warszawa,
Ba Lan
ĐT: (+48) 22 118 59 76
Fax: (+48) 22 416 48 29
Website: <http://vinamilk.pl>



TRỤ SỞ

10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT : (84. 8) 54 155 555

Fax : (84. 8) 54 161 226

Email : vinamilk@vinamilk.com.vn

www.vinamilk.com.vn